

H.T THÍCH THANH TỪ

Kinh Kim Cang

LỜI ĐẦU SÁCH

Trí tuệ Bát-nhã thấy đúng lý Trung đạo, không mắc kẹt ở hai bên có và không v. v... Vì biết rõ vạn vật đều do nhân duyên sanh, nên không có chủ thể thì làm gì thật có được; đủ duyên vạn vật sanh thì làm sao nói thật không? Như kinh nói "chúng sanh không phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh... Thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới...". "Không phải chúng sanh", vì duyên hợp không có chủ thể. "Gọi là chúng sanh", vì giả tướng giả danh hiện tiền làm sao phủ nhận được. To như thế giới cũng là duyên hợp không chủ thể, nên nói "không phải thế giới"; cụ thể chúng sanh đang sống nương nhờ trên thế giới thì giả tướng thế giới làm sao chối bỏ được, nên nói "gọi là thế giới". Thế mà, có một số người học Phật nông nổi nói: "Bát-nhã chấp không". Quả thật họ là người rất đáng thương, học Phật mà hoảng sợ trí tuệ thì bao giờ được giác ngộ.

Bát-nhã có công dụng, có khả năng phá sạch mọi kiến chấp. Người học Phật cần yếu phải nhờ nó để dẹp tan tất cả kiến chấp sai lầm cố hữu, đã lôi kéo mình vào vòng trầm luân muôn vạn kiếp rồi. Nếu không tận dụng cây kiếm Bát-nhã chặt đứt mọi xiềng xích kiến chấp, chúng ta khó mong thoát khỏi luân hồi. Diệu dụng kinh Kim Cang là ở đây vậy.

Đọc toàn quyển kinh Kim Cang, chúng ta thấy Phật phá sạch không còn sót một kiến chấp nào. Đây là quả bom, là khối chất nổ mạnh làm nổ tung hai ngọn núi kiến chấp của chúng sanh. Có một số người bảo rằng "Tụng kinh Kim Cang nóng". Họ sợ tụng kinh Kim Cang, vì không chịu nổi sức công phá khốc liệt của kinh này. Ngược lại, Ngũ tổ Hoằng Nhẫn khuyên người tu thiền nên tụng kinh Kim Cang và chính Ngài cũng đem kinh Kim Cang giảng cho Lục tổ Huệ Năng nghe, nhân đó Lục tổ ngộ đạo.

Chúng tôi giảng kinh Kim Cang tại Thiền viện Thường Chiếu và các thiền sinh ghi ra từ băng nhựa. Đọc qua bản ghi xong, chúng tôi đồng ý cho in ra để được nhiều người xem. Tuy nhiên, không sao tránh khỏi vài điều sơ sót, xin quý vị cảm thông cho.

THÍCH THANH TỪ

Viết tại Thiền viện Thường Chiếu vào mùa An cư năm 1992.

LƯỢC KHẢO

Kinh Kim Cang cũng có người đọc là Kim Cương. Kinh này do đức Phật nói, nguyên văn bằng chữ Phạn, sau truyền sang Trung Quốc được dịch ra chữ Hán.

A- Những nhà phiên dịch Phạn-Hán:

1- Ngài Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva) ở chùa Thảo Đường tại Trường An. Vào niên hiệu Hoằng Thủy năm thứ tư, tức là năm 402 Tây lịch, thuộc đời Dao Tần, Ngài dịch tên kinh là "Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật". Đây là bản có giá trị nhất, được gọi là định bản, vì bản dịch này được mọi người dùng để trì tụng. Bản này nằm trong bộ Tam Bảo tụng hằng ngày (Kinh nhật tụng).

2- Ngài Bồ-đề-lưu-chi (Bodhiruci) đời Ngụy dịch tên kinh cũng đồng với bản trên tức là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật" vào khoảng 508 Tây lịch.

3- Ngài Ba-la-mật-đa (Paramārtha) -Trung Hoa dịch là Chân Đế- dịch vào đời Trần, khoảng giữa thế kỷ thứ VI, để tên là "Kim Cang Bát-nhã Ba-la- mật".

4- Ngài Đạt-ma-cấp-đa (Dharmagupta) đời Tùy, khoảng đầu thế kỷ **thứ VII** dịch tên cũng đồng là "Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật".

5- Ngài Huyền Trang đời Đường, khoảng giữa thế kỷ thứ VII, dịch chung trong bộ Đại Bát-nhã, 600 quyển, gồm 16 hội, "Kim Cang" là hội thứ 9, quyển 577 trong bộ Đại Bát-nhã.

6- Ngài Nghĩa Tịnh đời Đường đầu thế kỷ thứ VIII, dịch tên kinh là "Phật thuyết năng đoạn Bát-nhã ba-la-mật-đa kinh". Ngài có đi Ấn Độ mang bản chữ Phạn về.

Sáu nhà dịch đồng một bản kinh, nhưng về sau được chú ý nhất là bản của các ngài Cưu-ma-la-thập, ngài Huyền Trang và ngài Nghĩa Tịnh.

B- Những nhà sớ giải:

Kinh Kim Cang rất được các thiền sư và giảng sư Trung Hoa chú ý sớ giải, có cả thầy đồ mười nhà.

1- Ngài Trí Khải đời Tùy để tên là "Kim Cang Bát-nhã kinh sớ" gồm một quyển.

2- Ngài Kiết Tạng đời Tùy để tên là "Kim Cang Bát-nhã sớ", gồm bốn quyển.

3- Ngài Khuy Cơ đời Đường đề tên là "Kim Cang Bát-nhã kinh tán thuật" gồm hai quyển.

4- Ngài Tông Mật tức ngài Khuê Phong cũng ở đời Đường, đề tên là "Kim Cang Bát-nhã kinh số luận toát yếu" gồm hai quyển.

5- Ngài Trí Nghiêm cũng thuộc đời Đường, đề tên là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật kinh lược số" gồm hai quyển.

6- Ngài Tử Cừ đời Tống đề tên là "Kim Cang kinh toát yếu san định ký" gồm bảy quyển.

7- Ngài Tông Lặc và Như Khởi vào đời Minh, đề tên là "Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật chú giải" gồm một quyển.

8- "Kim Cang chư gia" trích lời giảng của **các thiền sư**.

9- Gần đây có ngài Thái Hư đề tên là "Kim Cang giảng lược".

10- Gần đây nhất là cư sĩ Giang Vị Nông, đề tên là "Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật kinh giảng nghĩa".

C - Những nhà phiên dịch Hán Việt:

1- Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch trong bộ Tam Bảo tụng hằng ngày.

2- Hòa thượng Thiện Hoa dịch trong bộ Phật Học Phổ Thông (tức là trong mười hai nấc thang giáo lý).

3- Thượng tọa Huệ Hưng dịch quyển Kim Cang Giảng Lược của ngài Thái Hư.

4- Cư sĩ Đồ Nam dịch bản của ông Giang Vị Nông.

Quyển Kim Cang chư gia cũng được dịch.

D - Sự liên hệ giữa kinh Kim Cang và Thiền tông.

Dĩ nhiên ai cũng biết đức Lục tổ khi gánh củi vào khách điểm bán, thấy có người đang tụng kinh Kim Cang, đức Lục tổ nghe qua, tâm liền khai ngộ, mới hỏi thăm và được biết là Ngũ tổ Huỳnh Mai dạy đồ đệ trì tụng "Kim Cang", do đó Ngài tìm đến học đạo.

Trong Thiền tông lúc Tổ Bồ-đề-đạt-ma (Bodhidharma) truyền tâm ấn cho ngài Huệ Khả, Tổ trao bốn quyển kinh Lăng-già (Lankà) để làm tâm ấn. Đến đời Ngũ tổ, thấy Kim Cang là quyển kinh tối yếu trong nhà Thiền, Ngài dạy: Chẳng những tăng ni mà cả cư sĩ đều nên trì tụng kinh Kim Cang. Ngũ tổ chủ trương dùng kinh Kim Cang để ấn tâm, thế nên khi Lục tổ đến học, vào trước giờ truyền y bát, Ngài đem kinh Kim Cang ra giảng. Khi giảng đến câu Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Lục tổ hoàn toàn liễu ngộ. Như vậy Lục tổ ngộ đạo và được truyền y bát làm Tổ cũng nhờ kinh Kim Cang. Do đó chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của kinh này đối với Thiền tông. Sau này kinh Kim Cang được xem như tâm ấn trong nhà Thiền. Trong các chùa, các thiền viện bộ kinh này được xem như kinh Nhật Tụng.

Ngài Khuê Phong cũng bảo: Kim Cang là bộ kinh quý đáng để ấn tâm.

Học kinh Kim Cang là học thẳng vào phương pháp tu Thiền.



KINH KIM CANG

GIẢNG

Bản giảng này là y theo bản dịch của ngài Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập, vì bản này được công nhận là văn chương lưu loát và sâu sắc hơn hết. Nếu xem lại bản của ngài Nghĩa Tịnh cũng như của ngài Huyền Trang, chúng ta thấy cả hai bản dịch đều nặng về văn nghĩa. Ngài La-thập không kẹt trong văn nghĩa, chỉ cốt làm sao cho ta nhận được lời Phật dạy, ý Phật nói, nên văn dịch của Ngài thâm thúy và gãy gọn dễ hiểu.

Thái tử Chiêu Minh đời Lương, khi đọc Kim Cang, lãnh hội được ý chỉ nên chia quyền kinh làm ba mươi hai phần để cho người đọc dễ nhận hiểu.

ĐỀ KINH: Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật.

- Kim Cang là một chất cứng hay phá các thứ khác mà các kim loại khác không phá được nó.

- Bát-nhã là âm theo tiếng Phạn.

- Ba-la-mật là âm theo tiếng Phạn.

- Kinh là chữ Hán.

Đề kinh gồm cả chữ Hán lẫn chữ Phạn. Người Trung Hoa khi dịch kinh, chữ nào dịch được thì dịch, chữ nào không thể dịch hết nghĩa thì để nguyên âm tiếng Phạn.

Bát-nhã nghĩa chánh là trí tuệ.

Ba-la-mật hoặc dịch là đến bờ kia hoặc dịch là cứu kiùnh viên mãn. Trí tuệ được cứu kính viên mãn gọi là Bát-nhã ba-la-mật, vì nếu chỉ nói "trí tuệ" e có lầm lẫn. Ở thế gian người khôn ngoan lanh lợi cũng gọi là người có trí tuệ, thế nên từ ngữ "Trí tuệ Bát-nhã" là để gián trách cho đừng lầm với trí tuệ của người thế gian. Trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ thấu được lý thật, thấy được thể chân thật của các pháp, không còn kẹt trong các kiến chấp, trong những cái nhìn thiên lệch chưa thấu đáo. Do thấu được lẽ thật, nên trí tuệ này khi đến chỗ cứu kính chẳng những phá được tất cả tà thuyết ngoại đạo mà còn dẹp hết những mê lầm chấp trước của mọi người. Cho nên khả năng công phá đó vượt hơn tất cả, dụ như kim cương là chất cứng nhất có thể phá tan các kim loại khác mà các thứ khác

không phá hoại được nó. Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật là một trí tuệ vững chắc, kiên cố phá dẹp tất cả tà thuyết ngoại đạo làm cho chúng ta sạch hết những chấp trước sai lầm, những mê mờ đen tối để đến bờ giải thoát, giác ngộ.

Kinh là những lời giảng dạy của đức Phật góp lại thành bộ. Kinh là khế kinh tức là khế lý và khế cơ. Tất cả những kinh Phật đều phải đủ hai nghĩa khế lý khế cơ, nghĩa là vừa hợp chân lý, vừa hợp căn cơ người. Thiếu một trong hai điều kể trên thì chưa gọi là kinh được, vì chủ yếu của đạo Phật cốt giáo hóa chúng sanh giác ngộ, thấy được lẽ thật (đúng chân lý) và chúng sanh tin nhận được (hợp căn cơ). Khế cơ và khế lý còn có thể hiểu là tùy duyên và bất biến. Kinh Phật nói ngàn đời cũng không sai, đó là bất biến; nhưng vào mỗi thời theo căn cơ mà nói, hoặc thấp hoặc cao, đó là tùy duyên.



ĐOẠN 1

ÂM:

PHÁP HỘI NHÂN DO.

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên dữ đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Nhĩ thời Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-vệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bốn xứ. Phạn thực ngậtù, thu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

DỊCH:

NGUYÊN DO CỦA PHÁP HỘI.

Tôi nghe như vậy: Một hôm đức Phật ở nước Xá-vệ (Sràvasti) tại rừng Kỳ-đà (Jeta) trong vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy gần đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào đại thành Xá-vệ khát thực. Trong thành ấy, Ngài theo thứ lớp khát thực xong, trở về nơi chúng ở. Thọ trai rồi, Ngài dẹp y bát, rửa chân, trải tòa ngồi.

GIẢNG:

Đoạn này diễn tả pháp hội Phật nói kinh Kim Cang.

Phần đầu chỉ cho lục chúng chứng tín. Sáu điều này mở đầu kinh nào cũng như thế cả. Đây giống như một lối biên bản của ngài A-nan (Ananda) để cho thấy lời Ngài nói có giá trị thật.

"Như thị ngã văn" là "Tôi nghe như vậy", chỉ cho người nghe và pháp được nghe. "Tôi" chỉ người nghe tức ngài A-nan. "Như vậy" là pháp được nghe tức là đề tài trong buổi thuyết pháp.

"Nhất thời" chỉ thời gian. Vì thuở xưa thời gian mỗi nước mỗi khác cho nên chỉ nói một hôm, chứ không xác định hôm đó là mấy giờ ngày mấy tháng mấy.

Phật là vị chủ tọa trong buổi nói pháp.

Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên là nơi Phật thuyết pháp.

Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên: Trưởng giả Cấp Cô Độc tên thật là Tu-đạt-đa (Sudatta), do ông hay bố thí, cứu giúp những người nghèo khổ cô độc nên được gọi là Cấp Cô Độc. Ông muốn mua vườn của thái tử Kỳ-đà để cất tinh xá thỉnh Phật đến thuyết pháp. Thái tử bảo ông đem vàng lót đầy vườn thì thái tử sẽ bán vườn cho ông. Khi ông trải vàng gần xong, thái tử vui vẻ bảo thôi đừng chở vàng thêm nữa và thái tử cũng xin cúng tất cả cây cối trong vườn cho đức Phật, do đó nên thành tên rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị là cử tọa. Thời gian, nơi chốn và số cử tọa cho thấy bài kinh này không phải tự ý ngài A-nan nói, mà do Ngài nghe trong hội thuyết pháp gồm cả thầy một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

Sáu điều trên đây gọi là lục chủng chứng tín, nghĩa là sáu điều làm bằng chứng để cho chúng ta tin kinh này không phải tự ý ngài A-nan nói ra, mà chính là Ngài thuật lại buổi thuyết pháp của đức Phật.

Đến phần thứ hai tả cảnh Phật sắp nói pháp.

Khi ấy là buổi sáng gần đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực.

Khất thực theo thứ lớp: Nếu hàng phật tử thỉnh thọ trai thì không cần theo thứ lớp, cứ đi thẳng đến nhà thỉnh mình. Còn khất thực theo thứ lớp, là trong xóm có nhà nghèo, nhà giàu, cứ tuần tự đến nhà thứ nhất, nếu không được cúng dường thì đến nhà thứ hai, thứ ba v. v... không phân biệt giàu nghèo đến khi được cúng dường thì về.

Thọ trai xong, xếp y, dọn bát, rửa chân rồi, trải tòa ngồi kiết già. Đoạn này tả lại cuộc sống bình dị của đức Phật, sáng đi khất thực, về ăn xong rửa bát, xếp y, rửa chân, trải tòa ngồi kiết già, sắp nói chuyện với chúng. Đó là ý thâm sâu muốn chỉ rằng chân lý không ngoài việc bình thường để đánh tan lòng kiêu kỳ, tưởng chân lý là những gì mầu nhiệm ngoài việc bình thường. Thấy được chân lý trong việc bình thường là thấy đạo, nếu trái lại là lạc hướng.

Khi ngài Triệu Châu Tung Thủm hỏi ngài Nam Tuyền "Thế nào là đạo? " thì Nam Tuyền trả lời "Bình thường tâm thị đạo", nghĩa là tâm bình thường là đạo.

Ông Lý Tường đến hỏi ngài Dược Sơn Duy Nghiễm "Thế nào là đạo? " Ngài bảo "Vân tại thanh thiên, thủy tại bình", nghĩa là mây trên trời xanh, nước trong bình. Việc bình thường này hợp với tinh thần Đại thừa.



ĐOẠN 2

ÂM:

THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH.

Thời trưởng lão Tu-bồ-đề tại đại chúng trung, tức từng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: "Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát. Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm? " Phật ngôn: "Thiện tai, thiện tai! Tu-bồ-đề, như nhữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát, nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm". "Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn".

DỊCH:

THIỆN HIỆN THƯA HỎI.

Khi ấy trưởng lão Tu-bồ-đề (Subhuti) ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên mặt, gối mặt quì xuống đất, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Rất ít có, đức Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia? " Đức Phật bảo: "Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề, như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát, nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói. Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm kia". - "Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con nguyện thích được nghe".

GIẢNG:

Đây là phần thưa hỏi của ngài Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề là một vị A-la-hán thâm hiểu lý Bát-nhã. Có chỗ dịch là Thiện Hiện, có chỗ dịch Không Sanh, có chỗ dịch Kiết Tường. Nói Tu-bồ-đề là dịch âm tiếng Phạn. Trong Đại Bát-nhã dịch là Thiện Hiện, đây nói Tu-bồ-đề cũng chỉ là một vị. Thiện Hiện là khéo hiện. Ngài Tu-bồ-đề thuộc hàng trưởng lão.

Trước hết là phần nghi thức. Theo lễ nghi Ấn Độ, khi đệ tử muốn thưa hỏi Phật điều gì thì phải bày vai áo bên mặt, quì gối mặt xuống rồi chấp tay cung kính thưa hỏi.

Hộ niệm: Hộ là bảo hộ, niệm là nhớ nghĩ.

Phó chúc là trao dẫn lại.

Trước hết ngài Tu-bồ-đề tán thán Phật: Đức Thế Tôn là bậc ít có trong thế gian, Ngài thường bảo hộ và nhớ nghĩ các vị Bồ-tát, khéo trao dẫn lại các vị Bồ-tát.

Tán thán Phật xong rồi, ngài Tu-bồ-đề bắt đầu thưa hỏi.

Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là phát tâm cầu thành Phật.

Ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Giả sử có người thiện nam, thiện nữ muốn phát tâm cầu thành Phật thì phải làm sao để an trụ tâm đó và làm sao hàng phục được tâm đó? Làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia? là hai câu hỏi then chốt của toàn bộ kinh, hai câu hỏi quan trọng cho sự tu hành. Tất cả chúng ta, ai đã phát tâm tu theo đạo Phật, đều nguyện tiến tới Phật quả, nhưng muốn tiến tới Phật quả phải làm sao? Tức là phải an trụ tâm và hàng phục tâm, vì nếu còn tâm điên đảo làm sao thành Phật được? Thế nên đó là chỗ chính yếu của người tu. Phát tâm vô thượng là đặt mục tiêu mình tiến, nhưng an trụ trong đó và hàng phục vọng tưởng không phải là chuyện dễ. Phát tâm cầu thành Phật là buổi đầu, nhưng còn nhiều chướng ngại phải vượt qua.

Phật thừa nhận lời tán thán của ngài Tu-bồ-đề là đúng nên đức Phật bảo rằng: "Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, Như Lai thường hộ niệm các vị Bồ-tát và khéo phó chúc các vị Bồ-tát". Bởi vì đức Phật luôn luôn nhớ nghĩ làm sao cho các vị Bồ-tát được tiến lên Phật quả và dẫn dắt các vị Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sanh để cùng tiến lên Phật quả. Đó là chủ đích mà đức Phật hằng mong mỏi và hằng giáo hóa.

Tiếp đến Phật dạy: Bây giờ ông phải lắng tâm nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói. Những người thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu thành Phật thì nên như lời tôi dạy ở sau mà an trụ tâm, nên như lời tôi dạy ở sau mà hàng phục tâm. Đó là lời của Phật hứa sẽ dạy, ngài Tu-bồ-đề thưa: Xin vâng, đức Thế Tôn con nguyện thích được nghe những lời này. Đây là bắt đầu thời thuyết pháp chánh.

Qua đoạn này chúng ta thấy rõ tinh thần người xưa đến học đạo. Trong hội chúng đông đảo, khi đức Phật thọ trai xong, trải tọa cụ ngồi kiết già rồi, ngài Tu-bồ-đề theo đúng nghi lễ quỳ gối chấp tay tán thán Phật trước, kể đến mới thưa hỏi những điểm quan trọng. Như vậy đức Phật thuyết pháp là do đệ tử có những thắc mắc nghi ngờ đem ra thưa hỏi, nhân đó đức Phật mới thuyết pháp. Hiện nay chúng ta đi chùa học đạo cũng vậy, khi nào có gì thắc mắc cũng đem ra hỏi, như thế chính mình có lợi và cũng lợi cho những người chung quanh.

Ai muốn hàng phục được tâm mình, an trụ được tâm mình, phải theo dõi lời Phật dạy ở sau.



ĐOẠN 3

ÂM:

ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG.

Phật cáo Tu-bồ-đề: Chư Bồ-tát ma-ha-tát ưng như thị hàng phục kỳ tâm. Sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng phi vô tướng, ngã giai linh nhập vô dư Niết-bàn nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh, thực vô chúng sanh đắc diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát.

DỊCH:

CHÁNH TÔNG CỦA ĐẠI THỪA.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các vị Bồ-tát lớn nên như thế mà hàng phục tâm kia. Có tất cả các loài chúng sanh hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hóa sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng có tướng chẳng không tướng, ta đều khiến vào vô dư Niết-bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ-tát.

GIẢNG:

- Chín loài chúng sanh chỉ trùm tất cả chúng sanh.
- Niết-bàn nghĩa là vô sanh. Niết-bàn có hữu dư y Niết-bàn và vô dư y Niết-bàn. Những vị chứng quả A-la-hán, được vô sanh nhưng còn thân hình tướng thì gọi là hữu dư

Niết-bàn; được Niết-bàn sau khi xả thân nghĩa là được vô sanh sau khi không còn thân tướng thì gọi là vô dư Niết-bàn.

- Bốn tướng:

Tướng ngã: Thấy có mình thật.

Tướng nhân: Thấy có người thật.

Tướng chúng sanh: Thấy tất cả loài có thật.

Tướng thọ giả: Thấy có mạng sống tiếp nối trong một thời gian.

Đây là đến phần Phật trả lời hai câu hỏi trước của ngài Tu-bồ-đề. Câu hỏi đầu là an trụ tâm, câu hỏi thứ hai là hàng phục tâm, nhưng khi trả lời đức Phật đổi lại trả lời câu hỏi hàng phục tâm trước và câu hỏi an trụ tâm sau. Trong đoạn này Phật dạy cách hàng phục tâm tức chỉ phương pháp tu hành. Đức Phật dạy: Đối với tất cả loài chúng sanh ta đều đưa họ vào chỗ Niết-bàn không còn hình tướng để họ được diệt độ. Diệt độ như thế không biết bao nhiêu chúng sanh mà thật không có một chúng sanh nào được diệt độ. Đó là hàng phục được tâm, quý vị làm được điều đó không? Phật lại bảo tiếp: Tại sao thế? Vì nếu Bồ-tát còn một tướng ngã hay tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì không phải là Bồ-tát.

Phật trả lời khó hiểu quá, thấy như lạc đề. Đây là chỗ chính yếu nhưng vừa mở đầu chúng ta thấy ngỡ ngàng, chúng ta mong Phật trả lời làm sao hàng phục tâm mà đức Phật trả lời như thế này thì làm sao hàng phục tâm được. Tôi không nói loài sanh bằng trứng, những loài sanh chỗ ẩm ướt, những loài sanh do biến hóa, những loài có sắc, không sắc v. v... mà chỉ nói những loài thai sanh và trong loài sanh bằng thai, tôi hạn chế trong loài người thôi. Chừng nào chúng ta độ tất cả loài người vào vô dư Niết-bàn mà không thấy họ được diệt độ, chừng đó chúng ta mới hàng phục được tâm. Vậy chừng nào chúng ta làm được việc đó? Nếu như không làm được việc đó thì hàng phục tâm không được. Tại sao hỏi hàng phục tâm mà Phật dạy độ chúng sanh ở ngoài? Đó là điều khó, từ xưa đến giờ chính khi chúng tôi học, đến chỗ này chúng tôi cũng lắc đầu, điều Phật dạy rất khó áp dụng trong việc tu hành. Nếu chúng ta hiểu theo lời theo chữ thì sẽ có hai điểm không thể thực hiện được. Điểm thứ nhất là chúng ta thấy Phật chưa thành Phật. Tại sao? Vì khi đức Phật thành Phật, thử hỏi tất cả người - chỉ nói là người thôi - ở Ấn Độ, Phật đã độ được vào vô dư Niết-bàn hết chưa? Chúng ta thấy rõ rằng lúc đó còn ngoại đạo rất nhiều, Ngài chỉ độ một số mấy ngàn vị thôi chớ đâu phải tất cả, vậy tại sao Ngài được thành Phật? Nếu hàng phục tâm chưa được thì làm sao thành Phật? Điểm thứ hai là Phật dạy chúng ta làm một việc mà không bao giờ chúng ta làm nổi. Thử hỏi tất cả quý vị cũng

như chúng tôi, ai đã được vô dư Niết-bàn? Thế mà chúng ta phải đưa tất cả chúng sanh vào vô dư Niết-bàn, chừng đó mình mới hàng phục

được tâm. Vậy đến bao giờ chúng ta mới làm được việc đó? Chỗ mình chưa đạt tới mà Phật bảo mình độ người đạt được chỗ đó, làm sao chúng ta làm được? Cũng như chúng ta còn dốt mà bảo dạy tất cả người đậu tiến sĩ hết, chừng đó mới được làm quan thì thật là vô lý. Thế nên nếu học kinh Phật, nhất là kinh Đại thừa, mà hiểu theo chữ, theo lời thì không làm sao giải thích được.

Điểm thứ nhất ta thấy mâu thuẫn với Phật, điểm thứ hai mâu thuẫn với chúng ta, như thế làm sao có thể áp dụng trong việc tu hành? Nhưng đến sau này khi tu thiền và đọc sách thiền rồi, chúng tôi mới giật mình, không ngờ mình không hiểu lời Phật nói. Kinh nói trong chúng ta có đủ cả thập pháp giới, đó là tứ thánh và lục phàm. Quý vị thấy có khi chúng ta phát lòng từ bi giống như Phật, như Bồ-tát, có khi chúng ta xấu xa như con heo, con bò, có khi chúng ta hung dữ như con cạp, con sói. Trong chúng ta có đủ trăm thứ nghĩ, tốt xấu lẫn lộn. Thế nên mỗi một dấy niệm về người thì đó là một chúng sanh thai sanh, một dấy niệm về chim chóc thì đó là chúng sanh noãn sanh, một dấy niệm về con bướm, con ong thì đó là hóa sanh, một dấy niệm về con đom đóm đó là thấp sanh, nghĩ đến hư không đó là chúng sanh vô sắc, dấy niệm về con người có tướng, đó là chúng sanh có tướng, dấy niệm buông hết vọng tưởng, buông hết cả những tâm tướng đó là chúng sanh vô tướng... dấy niệm là sanh. Tại sao? Bởi vì khi lặng thì không có niệm, mà niệm dấy lên là do duyên với cảnh hoặc người, hoặc vật. Vọng thức bên trong duyên theo bóng dáng của vọng trần, cả hai phối hợp nhau mà sanh nên gọi là chúng sanh. Mỗi một niệm dấy lên như vậy là một chúng sanh. Những chúng sanh do niệm vừa dấy lên đó chúng ta liền độ vào vô dư Niết-bàn. Làm sao độ? Chúng sanh đó dấy lên, ta biết chúng sanh này giả tức nhiên nó lặng xuống chỗ không sanh và khi nó lặng xuống không còn thấy tướng dạng nên gọi là vô dư Niết-bàn. Như thế chúng ta thấy đức Phật độ hết chúng sanh, Ngài hàng phục được tâm, Ngài thành Phật. Như thế mới có lý, mới đúng sự thật.

Cũng thế nếu những vọng tưởng của chúng ta đang điên cuồng chạy ngược, chạy xuôi theo có sắc, không sắc, có tướng, không tướng... theo tất cả hình tướng bên ngoài, bây giờ chúng ta đưa nó vào vô dư Niết-bàn, vào chỗ lặng lẽ không sanh diệt, tâm chúng ta không còn loạn nữa, đó là chúng ta hàng phục được tâm. Hiểu như vậy chúng ta mới tu được. Như thế chúng ta mới thấy rõ đức Phật thành Phật trong khi tất cả chúng sanh vẫn còn. Ngài hàng phục được tâm của Ngài nên mới được đến chỗ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như bây giờ chúng ta vừa phát tâm tu thì chúng ta cũng hàng phục như vậy, lần lần tâm an định chúng ta mới tiến bộ được. Nếu cứ lo độ chúng sanh ở ngoài trong khi chính mình chưa độ được mình thì độ được ai?

Hiểu như vậy rồi chúng ta thấy kinh Phật rất cao siêu, lời lẽ diễn tả những hình ảnh mà chúng ta không hiểu là những hình ảnh đó quy về mình rồi chúng ta cứ tưởng là việc bên ngoài. Khi chúng ta tưởng như thế chúng ta sẽ thôi chí không biết làm sao thực hành. Thế nên ngày xưa chính tôi đã từng nói rằng: Kinh Đại thừa chắc chỉ để trên gác thờ, không thể áp dụng trong việc tu hành, nhưng nay chúng ta hiểu rõ rồi, mới thấy chính đoạn này trả lời rất sát câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề. Ngài Tu-bồ-đề hỏi làm sao hàng phục được tâm? Phật dạy: Một niệm dấy lên là một chúng sanh, đưa những niệm đó vào chỗ vô sanh là hàng phục tâm. Đây là tự tánh chúng sanh thế nguyện độ. Rõ ràng là Phật trả lời việc hàng phục tâm. Nếu nói độ tất cả chúng sanh thì ta thấy như là người hỏi việc bên trong mà Phật trả lời việc bên ngoài, không dính dáng gì với nhau. Nhưng ở đây, chúng ta đã thấy rõ ý nghĩa độ tất cả chúng sanh, đó là đưa tất cả niệm vào chỗ không còn sanh diệt. Khi nào thực hành quí vị mới thấy rõ. Một niệm dấy lên nghĩ về người, chúng ta liền nói niệm đó giả dối không thật, không theo. Khi biết nó giả, ta không theo thì nó lắng xuống, lắng xuống chỗ không còn thấy tướng mạo, đó là vô dư Niết-bàn. Không sanh là Niết-bàn, không còn tướng mạo là vô dư. Bao nhiêu niệm đều đưa vào đó nên nói độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh nào được diệt độ, nghĩa là đưa tất cả vào đó hết mà không còn thấy có một người nào hay một niệm nào thật. Quí vị thấy thật là khó, khó ngay ở buổi đầu.

Thế nên Phật nói tiếp: Vì có sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì không phải là Bồ-tát. Tại sao vậy? Bởi vì một niệm dấy lên tức là có chấp ngã trong đó. Quí vị nhớ từ cái chấp ngã của Đại thừa đi lần đến chấp ngã sâu kín vi tế của Thiên tông. Hai cái tương ưng nhau. Chấp ngã của Đại thừa là chấp thân làm ngã và chấp tâm làm ngã. Từ cái chấp thân, tâm làm ngã đến niệm dấy lên chấp niệm đó là mình, đó cũng là chấp ngã. Niệm dấy lên cho là mình nghĩ, đó là chấp ngã. Tại sao? Dấy niệm là suy nghĩ về người, suy nghĩ về cảnh, thử hỏi ai nghĩ, ai nghĩ về người, ai nghĩ về cảnh? Thô thì chấp thân này, tế thì chấp một niệm, vì vậy còn thấy một niệm thật là còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả; nếu đưa hết những niệm vào vô dư Niết-bàn rồi thì đâu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Người làm được như vậy, đức Phật nói: Đó là Bồ-tát độ chúng sanh.

Quí vị thấy mỗi ngày chúng ta ngồi ở tảng đá chơi, hoặc ngồi ở trước hành lang nhà, hoặc ngồi trong vườn, nếu chúng ta cứ lo độ chúng sanh như vậy, nghĩa là mỗi chúng sanh dấy lên chúng ta đưa vào vô dư Niết-bàn, đó cũng là Bồ-tát độ chúng sanh rồi. Tại sao gọi là Bồ-tát? Vì Bồ-tát là một chúng hữu tình giác ngộ và đem sở giác của mình giáo hóa kẻ khác, tức là tự giác và giác tha. Niệm dấy lên chúng ta biết nó là hư giả, đó là giác; giác rồi đưa nó vào chỗ vô sanh, đó là độ chúng sanh. Như vậy quí vị thấy giờ nào mà không độ chúng sanh? Chúng ta độ chúng sanh đó thì sẽ đi đến chỗ an trụ Niết-

bàn. Tóm lại đức Phật chủ yếu dạy chúng ta đối với tất cả niệm khởi về người về vật v. v... muôn ngàn hình tướng đều cho lặn xuống hết, lặn vào chỗ không còn sanh diệt, khi đó là hàng phục tâm. Tâm chúng ta không còn loạn động nữa, mà hết loạn động tức là chúng ta hàng phục được tâm thuần thực. Như thế câu trả lời rất là xác đáng. Và như vậy mới hết tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Hiện giờ có nhiều người không hiểu, cho thân này là ngã nên bảo: "Thôi tôi xả thân, tôi không nghĩ gì đến tôi hết, tôi bỏ thí tất cả thức ăn, thức mặc, cái gì tôi cũng không kể", nhưng niệm của họ vẫn còn khởi thì cái xả đó vẫn chưa sạch. Tỉ dụ cứ nghĩ ta là người bỏ thí, ta là người nhả nhục tức là còn ngã chớ gì? Cho nên còn một niệm là còn ngã, cái ngã tế nhị như vậy. Thành ra có nhiều người làm việc coi như xả ngã mà chính là nuôi cái ngã thêm to, đó là cái ngã vọng tướng ở tâm. Thế nên khi hiểu rồi quý vị mới thấy ở đây đức Phật bảo: Độ tất cả chúng sanh mà không thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Tại sao? Vì nếu Bồ-tát còn bốn tướng đó không phải là Bồ-tát. Còn bốn tướng là còn dấy niệm thấy có mình tức có ngã, mà có ngã tức là có nhân, có chúng sanh, có thọ giả... Có dấy niệm mới chấp, mới nghĩ ta phải người quấy, mới thấy ta hay người dở v. v... nếu không dấy niệm thì chấp cái gì? Đó là chỗ cứu kính trong việc tu hành. Hiểu được rồi chúng ta thấy rõ ràng vừa bước vào đoạn thứ nhất là đã biết được phương pháp tu hành.



ĐOẠN 4

ÂM:

DIỆU HẠNH VÔ TRỤ.

Phục thứ Tu-bồ-đề, Bồ-tát ư pháp ưng vô sở trụ hành ư bồ thí, sở vị bất trụ sắc bồ thí, bất trụ thanh hương vị xúc pháp bồ thí. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ưng như thị bồ thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố? Nhược Bồ-tát bất trụ tướng bồ thí, kỳ phước đức bất khả tư lương. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lương phủ? Phất dã Thế Tôn! Tu-bồ-đề, Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ hư không, khả tư lương phủ? Phất dã Thế Tôn! Tu-bồ-đề, Bồ-tát vô trụ tướng bồ thí, phước đức diệc phục như thị bất khả tư lương. Tu-bồ-đề, Bồ-tát đản ưng như sở giáo trụ.

DỊCH:

DIỆU HẠNH KHÔNG CHỖ TRỤ.

Lại nữa Tu-bồ-đề, Bồ-tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí. Nay Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng. Vì có sao? Nếu Bồ-tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể nghĩ lường.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Hư không ở phương Đông có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy.

- Nay Tu-bồ-đề, hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía trên dưới có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy.

- Nay Tu-bồ-đề, Bồ-tát không trụ tướng mà bố thí, phước đức cũng lại như thế, không thể nghĩ lường. Nay Tu-bồ-đề, Bồ-tát chỉ nên như lời dạy mà trụ.

GIẢNG:

Đến phần trả lời câu hỏi thứ hai. Nói đến trụ, quý vị nghe cũng rồi tai không biết làm sao trụ. Tôi nhắc lại cho quý vị thấy trong đoạn này Phật bảo: Những vị Bồ-tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí. Không chỗ trụ là sao? Không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Nếu Bồ-tát bố thí mà không trụ tướng thì phước đức không thể nào nghĩ lường được. Ngài dùng thí dụ hỏi: Hư không ở phương Đông có thể nghĩ lường được không? Hư không ở các phương Nam, Tây, Bắc và trên dưới có thể nghĩ lường được không? Dĩ nhiên là không. Phật bảo: Cũng vậy, nếu Bồ-tát bố thí mà không trụ tướng thì phước đức cũng như hư không, khắp cả mười phương, không thể nghĩ lường được. Phật lại dạy tiếp: Các Bồ-tát chỉ nên như lời dạy trên mà trụ.

Làm sao an trụ đây? Phật dạy: Bố thí mà không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tôi hỏi quý vị bố thí mà không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì làm sao bố thí? Giả sử như thấy có người đói, mình muốn bố thí cho họ hết đói thì phải lấy cái gì bố thí? Lấy cơm hoặc là tiền. Cơm, tiền là sắc phải không? Nếu tay ta bung cơm hay cầm tiền cho họ, tức là chúng ta có nghĩ về cơm, về tiền, đó là chúng ta trụ nơi sắc mà bố thí rồi... Hoặc giả chúng ta dùng lời nói an ủi cho họ bớt đau khổ, đó cũng là thanh, hoặc dùng những thứ có hương vị ngọt ngào, đó là hương v. v... Như vậy thế nào cũng phải nghĩ đến một cái gì mới đem bố thí được, nếu không thì làm sao bố thí? Không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí thì phải làm sao? Đó là một câu hỏi mà chúng ta không biết làm sao giải đáp để áp dụng trong việc tu hành. Có người nói: Mình cho mà đừng

chấp, đừng nghĩ gì hết, cứ cho rồi thôi. Thử hỏi thế nào là đừng chấp? Làm sao thôi được? Thế nên chính đây là chỗ mà đa số người đọc kinh Kim Cang đều lúng túng không biết làm sao thực hành. Chúng ta phải hiểu rõ rằng bồ thí là ban cho, là buông xả, trụ là dính mắc. Chúng ta phải buông xả đừng có dính với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đó là bồ thí. Không trụ như vậy tâm mới trụ. Sở dĩ tâm chúng ta động, loạn là vì nó chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Bởi dính với sáu trần nên tâm mới loạn, nó kẹt nơi sắc, kẹt nơi thanh, nơi hương, vị, xúc, pháp. Do kẹt trong sáu trần nên tâm chúng ta cứ loạn mãi, bây giờ chúng ta bồ thí tức là buông xả không dính với sáu trần nữa thì tự nhiên tâm an trụ. Như vậy khi chúng ta an trụ là lúc chúng ta không dính với sáu trần, nếu còn dính với sáu trần là chưa trụ. Thí dụ trên bàn có sáu, bảy món nào ly, nào bao kiếng, nào khăn, đồng hồ v. v... trong sáu thứ đó, nếu tay tôi nắm một thứ là tôi dính một cái, phải không? Dính một cái thì khi ấy tâm tôi an trụ hay bất an? Dính một cái tức là tôi đang cầm, đang chấp. Cầm chấp tức là động chứ đâu có an được. Còn cả sáu cái, tay tôi đều không dính thì sao? Tức là tay tôi để một chỗ, nó không động. Nếu dính một cái là động rồi. Thế nên nói không trụ mà chính là trụ. Không trụ nghĩa là không dính tất cả sáu trần, đó mới thật an trụ.

Trong đoạn trước, hàng phục tâm là vọng vừa khởi liền biết và đưa nó vào chỗ lặng lẽ vô sanh. Trong đoạn này tế nhị hơn, đức Phật dạy chúng ta: Đối với sáu trần đừng để tâm dính mắc, đó là an trụ tâm. Thế nên các thiền sư, nhất là ngài Bá Trượng, khi nói đến chỗ giải thoát, Ngài chỉ bảo rằng: "Tâm cảnh không đến nhau là giải thoát". Cảnh là sáu trần, tâm không đến với cảnh, không dính với cảnh đó là giải thoát, đó là an trụ. Thế nên chúng ta phải thấy rõ phương pháp tu hành, tu là buông xả đừng dính với sáu trần, đó là trụ tâm. Khi hàng phục được tâm, an trụ tâm là đi đến Vô thượng.

Chánh đẳng Chánh giác, đi đến Phật quả. Vì vậy trong đoạn này Phật bảo: Nếu người nào bồ thí thì công đức của người đó không thể tính kể, ví dụ như hư không. Hư không không dính với bất cứ vật gì nên nó thênh thang vô cùng. Chúng ta cũng vậy, nếu tâm chúng ta không dính với sáu trần thì nó cũng thênh thang như hư không, do đó Phật mới bảo: Công đức không thể nghĩ lường. Nhiều khi chúng ta không hiểu cứ nghĩ bồ thí mà không chấp tướng thì công đức lớn. "Không chấp tướng" nghĩa như thế nào? Nghĩa là bồ thí rồi thì thôi, đừng nhớ nghĩ gì nữa. Đó là chúng ta chỉ hiểu phần thô thiển bên ngoài. Đúng ra chữ bồ thí phải hiểu là buông xả hết vọng niệm, tâm không dính với sáu trần, lúc đó tâm mới an trụ và tâm an trụ như vậy thì công đức đồng với hư không, không thể nghĩ lường. Tại sao? Bởi vì khi tâm không còn trụ nơi sáu trần thì nó trở về với tâm thể vô sanh, mà chỗ vô sanh thì không biết làm sao lường được. Thế nên nói công đức không thể nghĩ lường, không thể tính kể.

Trong phần cuối, Phật bảo: Bồ-tát chỉ nên như lời dạy mà trụ. Như vậy, muốn trụ tâm quý vị phải làm sao? Phải buông xả đừng dính với sáu trần. Muốn hàng phục tâm

phải làm sao? Phải đưa vọng niệm vào chỗ vô sanh. Thật là rõ ràng không có gì nghi ngờ nữa. Trái lại, nếu chúng ta hiểu theo chữ nghĩa hình tướng bên ngoài thì chúng ta không thể nào giải thích nổi và cũng không thể nào thực hành được. Bồ thí mà không kẹt trong sáu thứ đó thì làm sao bồ thí? Sở dĩ có bồ thí được là do sáu thứ hoặc sắc, hoặc thanh, hoặc hương, vị... mà không được dính vào thứ nào hết thì phải làm sao? Thế nên hiểu rồi mới thấy chủ ý Phật dạy chúng ta an trụ tâm, hàng phục tâm ở trong, chứ không phải dạy chúng ta làm việc bên ngoài. Vì không hiểu, chúng ta nghĩ độ chúng sanh là độ chúng sanh bên ngoài, và bồ thí cũng là bồ thí cho người bên ngoài; nếu thế thì không liên quan gì đến việc an trụ và hàng phục tâm của chính mình.

Hai đoạn này đã trả lời đầy đủ cho ngài Tu-bồ-đề rồi. Đọc kinh Kim Cang nếu người lợi căn thì tới đây đã đủ. Hai câu hỏi này là hai câu hỏi quan trọng nhất của quyển kinh mà trả lời thỏa mãn được hai câu này thì coi như đủ rồi. Nếu người căn cơ chậm lụt thì phải đọc hết bộ!



ĐOẠN 5

ÂM:

NHƯ LÝ THẬT KIẾN.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ? Phất dã Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng. Phất cáo Tu-bồ-đề: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.

DỊCH:

THẤY LỄ THẬT ĐÚNG LÝ.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do thân tướng mà thấy Như Lai chăng? - Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Không thể do thân tướng thấy được Như Lai. Vì có sao? Như Lai đã nói thân tướng tức không phải thân tướng. Phật bảo Tu-bồ-đề: Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.

GIẢNG:

Thường trong giới tu hành, ai cũng thuộc lòng câu: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai. Đoạn này Phật chỉ cho chúng ta thấy đúng lý và như thật. Thật ra, chúng ta hiện nay thấy không đúng lý, chỉ thấy theo giả tướng, chớ không đúng như thật. Hiện giờ ta thấy Như Lai là Như Lai nào? Quý vị thường nói thấy Phật là Phật ở đâu? Phật ngồi trên bàn, trên tòa sen mà chúng ta đang thờ phải không?

Đức Phật hỏi: Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do thân tướng mà thấy Như Lai không? Nếu thấy Phật trên bàn là do thân tướng mà thấy Phật! Ngài Tu-bồ-đề không phải như chúng ta, Ngài thưa: Không, không thể do thân tướng mà thấy được Như Lai. Vì có sao? Vì Như Lai đã nói thân tướng tức không phải thân tướng. Thân tướng tức không phải thân tướng nên đức Phật kết thúc: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.

Như vậy quý vị mới thấy rõ Như Lai là Phật nhưng không phải đức Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp ở Ấn Độ thuở xưa mà hiện giờ chúng ta đang tượng hình để thờ. Như Lai đây là chỉ cho Phật pháp thân sẵn có của tất cả chúng ta. Phật pháp thân là thể chẳng sanh chẳng diệt sẵn có nơi mọi người. Nếu chúng ta nhìn hình tướng của đức Phật có tám mươi vẻ đẹp, ba mươi hai tướng tốt ở Ấn Độ thì đức Phật đó hiện giờ còn không? Đã hoại rồi! Thế nên những gì có hình tướng đều vô thường, đều tan hoại! Chính những tượng Phật chúng ta thờ trên bàn, đức Phật đó có tướng hay không? Đức Phật đó còn mãi hay cũng phải hoại? Như vậy phàm có tướng đều hư vọng không thật.

Nếu chúng ta muốn thấy Phật pháp thân thì phải làm sao? Nếu thấy các tướng không phải tướng thì thấy Như Lai, thì thấy Phật. Như thế chúng ta phải thấy tất cả những gì có hình có tướng ở trần gian này đều là hư giả. Bởi vì những gì có tướng đều do nhân duyên hòa hợp, đã là nhân duyên hòa hợp thì khi nhân duyên đủ nó còn, nhân duyên thiếu nó mất. Có hợp thì phải có tan, mọi sự vật do duyên hợp rồi cũng do duyên tan, hợp tan không cố định, đó là hư giả. Thế nên tất cả tướng thế gian đều hư giả, hư giả là bại hoại. Theo quan niệm thông thường của chúng ta, cái gì là giả, cái gì là thật? Trong sách vở, người xưa hay nói: Bọt, bóng, sương tuyết là giả phải không? Như vậy thì bọt có hay không? Bóng có hay không? Sương tuyết có hay không? Điện chớp có hay không? Nếu có, tại sao nói nó giả? Vì chợt có rồi mất, mới thấy đó chốc lát liền tan, vừa thấy kể mất. Như vậy, y cứ trên cái gì mà nói nó giả? Đó là y cứ trên thân mấy mươi năm, nhìn sự vật có mặt trong tích tắc đồng hồ, cái có mặt chỉ trong phút giây rồi mất, đó là giả. Cho nên nói cái giả là cái tạm có rồi mất như sương đầu ngọn cỏ buổi sáng, trong vài mươi phút, nắng lên là tan. Chúng ta thật là vì chúng ta có mặt đến mấy mươi năm. Giả sử có cái gì tồn tại được đến mấy ngàn năm, nhìn lại chúng ta thì sao? Tôi định nghĩa cái thật cái giả, từ từ rồi quý vị sẽ biết, chớ bây giờ chúng ta có mặt nơi đây mà nói là giả thì không ai tin

hết. Người ta như thế này, biết đi đứng, biết hoạt động v. v... mà nói giả thì ai mà chịu. Nhưng sở dĩ chúng ta nói giả là vì cái đó có mặt trong thời gian quá ngắn ngủi. Đối với cái có mặt lâu dài hơn thì cái tạm bợ ngắn ngủi gọi là giả và cái có mặt lâu dài hơn gọi là thật.

Cũng như chúng ta nói giấc mộng là giả. Tại sao? Trong khi chúng ta ngủ mộng, có giấc mộng dài khoảng mười phút, có giấc mộng dài hai mươi, ba mươi phút hay đến một giờ chẳng hạn. Khi mộng chúng ta cũng thấy đủ hết, chúng ta đều thấy thật như lúc thức, đâu biết là giả phải không? Chúng ta cũng thấy bạn bè, cũng thấy ăn uống v. v... tất cả đều thật trăm phần, nhưng khi giật mình tỉnh giấc thì tất cả đều mất, tìm lại không được!

Giờ đây thử hỏi những vị khoảng sáu mươi tuổi nhớ lại tất cả bạn bè, anh em, những người mình quen biết thuở xưa, nay có còn đủ như thuở mình mười lăm, mười bảy tuổi không? Tìm lại thì mất đâu hết, kẻ xứ này, người xứ nọ, người thì mờ đã phủ cỏ xanh... Như vậy có giống giấc mộng hay không? Nhất là khi hấp hối, nếu ôn lại cuộc đời của mình thì thấy như một giấc mộng. Tất cả những gì mình tạo lập suốt cuộc đời, đến khi gần tắt thở, nhớ lại xem còn được cái gì? Khi đó nói cuộc đời của mình là giả hay thật? Nhưng đợi đến lúc đó mới thấy nó giả thì muộn quá rồi, trở tay không kịp. Thế nên ngay bây giờ phải sớm thấy nó giả để có thì giờ chuẩn bị cho ngày cuối của cuộc đời mình được an ổn, được tự tại. Chúng ta phải dùng trí tuệ nhìn theo cái nhìn của đức Phật, phải làm sao mà hiện tại chúng ta không lầm mê và ngày ra đi chúng ta được tự tại, đó là chủ yếu của sự tu hành.

Thử hỏi tất cả chúng ta làm sao biết thân này là giả? Như tôi đã ví dụ, nếu người nào sống được khoảng hai ngàn, ba ngàn tuổi thấy chúng ta sống có vài mươi tuổi thì họ nói sao? Ôi! Mấy chú đó giả! Cũng như hiện giờ chúng ta gọi mấy con phù du vậy, sớm còn, chiều mất, đó là kiếp phù du! Đó là chúng ta nói những người sống mấy ngàn năm, giả sử có một cái chưa bao giờ chết, chưa bao giờ hoại, kiếp kiếp đời đời không hoại, đứng từ cái đó nhìn cái tuổi thọ vài mươi năm này thì nói thế nào? Cho nên nói như bọt, như bóng, như điện chớp, như sương mù, không có gì là thật, chỉ vì chúng ta chưa tìm được cái đó. Chúng ta chỉ bám vào cái thân mấy chục năm này rồi hãnh diện là ta sống được mấy chục năm. Người bảy mươi tuổi hãnh diện là ta thọ hơn người sáu mươi tuổi, người tám mươi, chín mươi tuổi cho là ta thọ hơn người bảy mươi tuổi. Nhưng hơn chín, mười năm rồi cũng chết, chớ có người nào khỏi chết. Những cái hơn đó là hơn tạm bợ trong đời đời chứ không phải thật. Chúng ta cần tìm cái hơn tuyệt đối, vượt ngoài đời đời. Như Phật đã dạy: Nếu thấy các tướng không phải tướng là thấy Như Lai. Như Lai này là Như Lai bất sanh bất diệt nơi mọi người chúng ta. Hiện giờ chúng ta thấy các tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là thật, bởi tất cả đều thật nên chúng ta cứ dính với nó mãi. Một lời khen cho là thật nên nhớ mãi, một lời chê cho là thật nên cũng trần trọc ngủ

không yên. Một hình tướng hoặc đẹp hoặc xấu hiện trước mắt, chúng ta cũng không quên, do đó tâm chúng ta không bao giờ an. Không an đó là tâm nào? Tâm vọng tưởng điên đảo cứ trào lên đánh cả với sáu trần.

Chúng ta biết sáu trần là hư giả không thật, những gì có tướng đều hư giả không thật, lúc đó chúng ta như thế nào? Biết là giả thì có gì quan trọng mà dính mắc. Thí dụ như quý vị đi qua một gian hàng, biết rõ những món hàng đó đều giả, khi đi qua rồi quý vị có nhớ không? Dĩ nhiên là không thêm chú ý. Nếu thấy có một món hàng nào thật thì quý vị dễ tâm nhớ nghĩ. Như vậy khi biết các pháp là duyên hợp hư giả thì thấy tướng mà không phải tướng, do đó tâm chúng ta mới không dính với sáu trần, do tâm không dính với sáu trần nên nói là an trụ, và an trụ là Như Lai. Thế nên Phật bảo: Nếu thấy các tướng không phải tướng là thấy Như Lai. Như vậy mới đúng với đoạn trước là không dính sáu trần, đó là trụ tâm. Tâm dấy động là tâm sanh diệt, chấp tâm sanh diệt làm tâm mình, đó là tướng sanh diệt dẫn mình đi trong luân hồi. Trái lại tất cả niệm sanh diệt lặng xuống, cái chưa từng sanh diệt hiện tiền, đó mới là Như Lai, là bất sanh bất diệt. Từ cái đó nhìn lại thì thân này là hư ảo như bọt, như bóng. Nếu người nào sống được với cái đó thì muôn đời muôn kiếp không bao giờ bị sanh diệt, nên đức Phật bảo: Công đức không thể nghĩ bàn. Như vậy người tu phải tìm đến chỗ cứu kính chân thật, chớ không phải chỉ tạo phước nhỏ rồi sau sanh diệt nữa. Muốn cho cái không sanh diệt hiện tiền thì đừng dính với sáu trần, phải thấy sáu trần là tướng hư giả. Thế nên tôi nói rằng tất cả người xuất gia đều phải thuộc lòng câu: Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nghĩa là phạm cái gì có hình tướng đều là hư dối, nếu thấy các hình tướng đều không phải tướng đó là thấy Phật. Chúng ta thấy như thế là thấy đúng lẽ thật.

Ở đây chúng ta nhìn đúng lý hay không? Những cái giả tạm mà cứ cho là thật, ngày mai tắt thở mà ngày nay cũng còn tranh giành hơn thua, cũng còn nói mình là thật, không bao giờ thấy mình là giả, nên vọng tưởng cứ chạy cuồng loạn theo tất cả những pháp trần không bao giờ dừng. Nếu chúng ta thấy tất cả những gì có tướng đều do duyên hợp, bởi duyên hợp nên chúng không phải là tướng thật, khi duyên thiếu liền hoại ngay. Như vậy các tướng không thật, bản thân chúng không thật thì chúng ta đắm nhiễm cái gì? Do không đắm nhiễm nên không dính mắc, đó là tâm an trụ, tâm an trụ thì pháp thân hiện tiền.

Tóm lại, qua đoạn này quý vị thấy ý nghĩa của sự tu hành: Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy được cái chân thật, thấy như vậy là thấy đúng chân lý. Thấy Như Lai không phải là thấy đức Phật ở Ấn Độ mà chính là thấy pháp thân Phật bất sanh bất diệt ngay nơi chúng ta. Kinh Đại thừa chỉ cho chúng ta đức Phật thật hằng có nơi mình mà đức Phật đó chỉ hiển hiện khi nào chúng ta không còn vọng tưởng điên đảo chạy theo sáu trần. Vọng tưởng lặng rồi thì đức Phật đó hiện tiền. Đó là thấy thật, thấy đúng lý.



ĐOẠN 6

ÂM:

CHÁNH TÍN HY HỮU.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, đắc văn như thị ngôn thuyết, chương cú, sanh thật tín phủ? Phật cáo Tu-bồ-đề: Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu trì giới tu phước giả, ư thử chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thật, đương tri thị nhân bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sanh tịnh tín giả, Tu-bồ-đề, Như Lai tất tri, tất kiến thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phước đức. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng tắc vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã nhân chúng sanh thọ giả. Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: Nhữ đẳng Tỳ-kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp.

DỊCH:

CHÁNH TÍN ÍT CÓ: (Người tin đúng rất ít có).

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, và lại có chúng sanh được nghe những lời nói và chương cú như thế, sanh lòng tin chân thật chăng? Phật bảo Tu-bồ-đề: Chớ nói như thế. Sau khi Như Lai diệt độ, sau khoảng năm trăm năm, có người giữ giới, tu phước, đối với những chương cú này hay sanh lòng tin cho đây là thật, nên biết người ấy không phải ở nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật gieo trồng căn lành mà đã ở chỗ vô lượng ngàn muôn đức Phật gieo trồng căn lành. Người nghe chương cú này cho đến một niệm sanh lòng tin thanh tịnh, này Tu-bồ-đề, Như Lai ắt biết, ắt thấy các chúng sanh ấy được vô lượng phước đức như thế. Vì có sao? Vì các chúng sanh ấy không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp cũng không tướng phi pháp. Vì có sao? Vì nếu các chúng sanh ấy, tâm còn chấp tướng là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn chấp tướng pháp tức còn chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả. Vì có sao? Nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp ngã

nhân chúng sanh thọ giả. Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ-kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

GIẢNG:

Trong đoạn này đức Phật dạy thêm: Người nào nghe kinh này sanh niềm tin thì người đó đã có những duyên lành như thế nào. Trước tiên do ngài Tu-bồ-đề gợi ý, Ngài hỏi Phật rằng: Có những chúng sanh nào được nghe chương cú này sanh lòng tin chân thật chẳng? Những chúng sanh nghe Phật nói những lời như thế, họ có tin chẳng? Đức Phật xác nhận: Sau khi Phật nhập Niết-bàn khoảng năm trăm năm có những người biết giữ giới, biết tu phước, ngay nơi kinh Kim Cang, họ sanh niềm tin cho là thật, là đúng thì nên biết người đó không phải chỉ gieo trồng căn lành ở một, hai, ba, bốn, năm Đức Phật mà đã gieo trồng căn lành ở chỗ ngàn muôn đức Phật rồi. Qua lời xác định của đức Phật, quý vị kiểm lại xem mình đã gieo trồng căn lành bao lâu? Nơi bao nhiêu đức Phật?

Đức Phật xác nhận là nếu ngay những lời Phật dạy mà người nào tin quả quyết đó là thật thì người đó đã gieo trồng căn lành ở chỗ vô lượng ngàn muôn đức Phật rồi! Như vậy chúng ta có tui thân là mình mới phát tâm tu hay không? Hay là chúng ta đã gieo trồng căn lành nơi nhiều chư Phật, nhưng tại chúng ta tu hành lỗi thời nên bây giờ còn sót lại đây? Hiện nay nếu chúng ta cố gắng tu nữa, dần dần sẽ có ngày mình đến, chớ không có căn lành thì nghe kinh này không tin nổi. Ngày nay chúng ta nghe mà tin được và quả quyết là Phật nói đúng chân lý, dù niềm tin là đã có căn lành từ lâu rồi. Song đã gieo trồng căn lành ở nhiều đời chư Phật mà còn lang thang ở đây, thật đáng tui hổ quá phải không? Tuy nhiên chúng ta cũng có chút hãnh diện là đã có căn lành chớ không phải mình là con số không, mà đã có căn lành rồi nếu quyết chí tu, chúng ta có thể tiến được chớ không đến nỗi phải lui sụt. Do tin như thế, chúng ta có thể cố gắng tiến tới.

Tiếp theo đức Phật hạ thấp xuống một tầng nữa. Ngài bảo: Giả sử như có những người nghe lời dạy đây, chỉ sanh một niệm, một niệm thôi, một niệm tin trong sạch thì người đó sẽ được Phật thấy biết chắc chắn người đó được công đức vô lượng. Đó là cái thấy biết của Phật như thế chớ không phải Ngài nói suông. Quý vị có được một niệm tin trong sạch chưa? Nghe lời dạy như vậy mà được một niệm tin trong sạch đã là công đức vô lượng rồi. Vì có sao? Vì những chúng sanh đó không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Tại sao? Vì một niệm tin trong sạch là tin rằng nếu chúng ta còn một niệm tức là còn một chúng sanh chưa độ được. Vậy là còn ngã, còn nhân, còn chúng sanh, còn thọ giả. Trái lại nếu tất cả chúng sanh được độ vào vô dư Niết-bàn rồi thì tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả đâu còn, nên nói không còn những tướng đó.

Đức Phật lại bảo thêm: Không còn tướng pháp và cũng không còn tướng phi pháp nữa. Thường trong nhà Phật nói pháp là đúng pháp, phi pháp là không đúng pháp, cũng như chúng ta nói pháp là phải, phi pháp là quấy, việc phi pháp là việc tà, việc sai quấy. Pháp và phi pháp, hai tướng đó không còn nữa. Vì có sao? Nếu tâm còn chấp tướng thì còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn chấp tướng pháp thì cũng còn chấp tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Pháp là phải, nếu còn chấp phải thì cũng còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thí dụ việc đó là việc phải, tôi làm việc phải hay ai làm việc phải? Hoặc tôi làm hoặc người làm? Nếu có người làm việc phải thì người đối với mình tức có nhân là có ngã, trái lại có ngã là có nhân. Thế nên chấp cái phải là thật thì cũng có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả; chấp cái quấy là thật thì cũng có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vậy chẳng những chúng ta không chấp vào cái tướng của tâm niệm mình mà cũng không nên chấp pháp phải và quấy. Có nhiều khi mình không chấp các tướng mà chấp điều phải điều quấy là thật. Các tướng là không thật còn điều phải quấy có thật hay không? Phải quấy cũng là cái giả định của một thời thôi. Tùy theo mỗi thời đặt việc này là phải thì chúng ta thấy nó phải, đặt việc kia là quấy thì chúng ta thấy nó quấy, chớ đâu có gì là cố định. Nếu chúng ta chấp có một cái cố định, đó cũng là chấp pháp mà chấp pháp là cũng còn chấp ngã. Ngã và pháp không tách rời nhau được. Chấp pháp và phi pháp là chấp pháp; chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là chấp ngã. Hai cái chấp này dứt sạch thì mới an lành giải thoát. Thế nên trong đoạn sau, đức Phật bảo: Như ta thường nói Tỳ-kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ huống là phi pháp.

Thí dụ như chúng ta cho những câu chuyện tâm phào ở thế gian là những lời nói bậy, là phi pháp, còn những lời dạy trong kinh sách là lời vàng ngọc đúng pháp. Nhưng chấp phi pháp là thật cũng bệnh, chấp pháp là thật cũng bệnh! Do đó đức Phật dạy rằng: Lời Phật nói dụ như chiếc bè giúp người qua sông. Khi chưa qua khỏi bờ mê thì chiếc bè rất quý, khi nương chiếc bè qua đến bờ giác rồi, chiếc bè có còn giá trị gì nữa không? Trong kinh A-hàm đức Phật ví dụ ở bên này bờ sông có giặc cướp đuổi hại người, có người chạy tránh giặc cướp, muốn qua bờ sông bên kia là chỗ an lành, không tai họa. Bấy giờ họ mới chặt tám cây kết thành bè (tám cây ví dụ cho Bát chánh đạo) rồi nương chiếc bè qua được bên kia bờ sông. Khi qua đến nơi, người đó bước lên bờ, dĩ nhiên chiếc bè phải bỏ lại. Như vậy Bát chánh đạo là pháp của Phật nói mà khi đến bờ giác còn phải bỏ huống nữa là việc phi pháp, điều sai quấy bậy bạ. Song hiện giờ, phi pháp quý vị bỏ được chưa? Như vậy nếu nói với quý vị thì phải nói thế nào? Phi pháp còn chẳng bỏ huống là pháp! Phật thì bảo: Pháp còn phải bỏ huống là phi pháp. Quý vị thì trái lại phi pháp, tức là những chuyện nói xằng nói bậy không có nghĩa gì, còn bỏ không được huống là pháp, là cái hay, làm sao bỏ nổi! Như vậy chúng ta ngược lại với Phật!

Tóm lại qua đoạn này, trước hết đức Phật lên người tu hành mà tin được các lời Phật nói trong kinh Kim Cang là đã gieo trồng căn lành sâu dày rồi. Đoạn thứ hai đức Phật bảo rằng đúng ra người tin được kinh này thì phải thấy rõ tất cả tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả đều không thật. Chẳng những bốn tướng không thật mà phải thấy tất cả tướng thế gian đều không thật và tất cả pháp phải và không phải cũng đều không thật. Thấy được như vậy người đó mới đúng là tin kinh này một cách chân chánh. Đây là phá chấp ngã và chấp pháp vì ngã là giả dối thì pháp cũng là giả dối. Nếu chúng ta biết ngã giả dối nhưng còn cho pháp là thật, đó cũng là bệnh. Lời Phật nói chỉ có giá trị khi chúng ta còn mê và khi chúng ta nhờ lời nói đó thoát khỏi mê lầm rồi thì phải bỏ lời đó đi. Quý vị thấy chỉ có Phật mới dám nói như vậy, chớ ở thế gian chưa có ai dám nói như thế. Chúng ta thấy rõ giá trị Phật pháp là ở chỗ không để chúng ta kẹt trong một cái chấp nào. Lời Phật dạy là phương thuốc trị bệnh, bệnh lành thì bỏ thuốc. Nghe ngôn ngữ phải biết ứng dụng để tu, chớ không nên bám vào ngôn ngữ cho đó là cứu kính, kiếp kiếp đời đời giữ hoài không bỏ thì vô tình chúng ta bị kẹt.

Đến bờ thì phải bỏ bè, nhưng nếu chưa đến bờ mà vội bỏ bè thì đó là điều hiểm nguy. Thế nên việc quan trọng là chúng ta phải nhận đúng lẽ thật, phải biết mình đang ở vị trí nào, mình là người đến bờ hay là người mới sửa soạn bước xuống bè. Nếu vừa sửa soạn bước xuống bè thì rán kiểm dây ràng bè cho chắc để nhờ nó đưa mình qua sông, còn nếu mình đã đến bờ rồi thì chiếc bè trở thành vô nghĩa, bỏ nó không chút tiếc nuối. Người học đạo phải sáng suốt như thế, chớ đừng làm lẫn hai vị trí đó, chưa tới bờ mà đã vội bỏ bè, hay đến bờ rồi mà còn giữ chiếc bè; cả hai đều là bệnh, đều làm lẫn, hiểu vậy là chúng ta hiểu đạo.



ĐOẠN 7

ÂM:

VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da? Tu-bồ-đề ngôn: Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp, danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, diệt vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

DỊCH:

KHÔNG ĐƯỢC, KHÔNG NÓI.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? Như Lai có nói pháp chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu qua nghĩa Phật nói, không có pháp nhất định tên là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai có thể nói. Vì có sao? Vì pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì có sao? Vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

GIẢNG:

Chắc hẳn quý vị đều thắc mắc tự hỏi tại sao Phật nói kinh mình học mà nói không nói, còn tu là cốt được đắc quả mà ở đây Phật nói không đắc là tu làm sao? Trong đoạn trước, quý vị nhớ đức Phật phá pháp và phi pháp. Phải và quấy đã phá rồi, đến đây cái chúng ta quý kính nhất là pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức pháp chứng quả thành Phật, pháp đó có thật hay không? Phải và quấy không thật chúng ta đồng ý rồi, còn pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Phật chứng có thật hay không? Nhiều khi những cái tầm thường thì thấy giả, nhưng đến cái cao quý hơn thì thấy thật. Thí dụ như chì, kẽm... chúng ta nói là giả, đến vàng lại thấy là thật. Nhưng nếu thấy vàng là thật thì cũng còn thấy thật, vì một cái thật thì những cái khác cũng thật luôn, cho nên pháp và phi pháp là giả rồi nhưng đến pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nếu chúng ta thấy thật thì cũng là bệnh. Vì thế đức Phật mới hỏi: Vậy Như Lai có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay không? Và Như Lai có nói pháp hay không? Đó là hai câu hỏi Phật đặt ra để ngài Tu-bồ-đề trả lời. Ngài Tu-bồ-đề thưa: "Như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói", đây là ngài Tu-bồ-đề dè dặt, những gì Ngài biết thì nói biết, những gì học được nơi Phật thì nói con học của Phật. Thế nên Ngài thưa: Con biết theo nghĩa của Phật nói, chớ không phải con biết theo ý riêng của con, không có pháp nhất định tên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai nói. Ngài trả lời dứt khoát như vậy. Tiếp theo Ngài mới giải thích lý do. Vì có sao? Như Lai nói pháp đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì có sao? . Câu này thật là khó! Quý vị thấy khi chúng ta chấp pháp thấp thì đức Phật phá pháp thấp không thật, đến khi pháp thấp phá rồi, chúng ta lại chấp pháp cao nên ở đây đức Phật phá luôn cả pháp cao. Thường ai tu cũng mong chứng quả thành Phật. Thành Phật rồi mới nói pháp, cũng như Phật chứng quả rồi Ngài nói pháp vậy. Như thế Ngài có chứng đắc và có nói pháp hay không?

Trong đoạn trước Phật đã dạy: Phàm có tướng đều là hư vọng, và nếu còn thấy có pháp thật là cũng còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vậy pháp Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác tức là pháp thành Phật có thật không? Nếu thấy pháp đó thật thì cũng còn tướng ngã, tướng nhân... Tại sao? Vì nói thành Phật thì hỏi ai thành? Ta thành phải không? Thấy có pháp thành Phật thật thì phải có người thành Phật, đó là còn ngã, còn ngã thì còn nhân, còn chúng sanh, thọ giả. Nếu thế Phật là phạm phu mất rồi! Cho là Phật có nói pháp thật cũng không được, vì phạm những gì nói ra đều là tướng hư giả.

Như vậy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay nói gọn là Phật, là đối với chúng sanh. Chúng sanh là mê nên Phật là giác, giác đối với mê, hết mê rồi còn nói giác làm gì. Giác là đối đãi với mê, mê không thật thì giác cũng không thật; và nếu mê giác đều không thật thì có thành Phật hay không? Nếu không còn thấy có mê thật, giác thật thì tâm không còn chấp hai bên mà tâm không chấp hai bên, đó là như như, đó là Phật pháp thân hiện, không thấy được thành Phật mà đã thành Phật. Hiện giờ chúng ta mơ ước thành Phật mà không thành Phật được, vì mơ ước là vọng tưởng, mà vọng tưởng còn thì Phật pháp thân đâu có hiện, thế nên cầu mà không được. Trái lại, không thấy có pháp để cầu thành Phật, nên tâm thể lặng lẽ không còn hai bên mê giác đối đãi, do đó tâm hoàn toàn thanh tịnh, tâm thể thanh tịnh tức là pháp thân Phật, là Như Lai. Không được mà được, đó là điều không thể nói cho thể gian hiểu, vì thể gian nói hoặc là được, hoặc là không, chớ không bao giờ nói không được mà được. Nhưng ở đây không đắc mà đắc, không chứng mà chứng, đó mới là khó khăn, bởi vì nếu thấy chứng đắc là còn có ngã tức là có pháp. Nếu phá được ngã pháp rồi thì đâu còn nói chứng nói đắc, mà không chứng đắc thì đó là Phật. Nhưng hễ nói Phật tức là có chứng có đắc rồi. Vì vậy Phật pháp vượt ngôn ngữ của thể gian. Ngôn ngữ thể gian luôn rơi vào hai bên hoặc được, hoặc mất, hoặc có, hoặc không. Ở đây phá hết những chấp ngã và pháp, khi ngã và pháp hết rồi thì đó là Phật. Nếu còn thấy có pháp để đắc là còn pháp, còn thấy mình chứng là còn ngã thì đâu phải là Phật, ngã pháp còn làm sao gọi là Phật được. Dẹp hết ngã pháp đó là Phật mà không có chứng, có đắc, đó mới thật là lạ. Cho nên không chứng mà chứng, không đắc mà đắc, chớ không phải một bề nói không đắc là không đắc. Như trong kinh Bát-nhã quý vị đọc "vô đắc v. v..." đừng nói như vậy là không ngộ; có nhiều người nói Bát-nhã nói cái gì cũng không, tất cả đều không. Không phải thế, khi không còn những chấp ngã pháp thì pháp thân mới hiện tiền. Cũng như tôi đã nói không dính vào tất cả thì tâm mới an trụ, an trụ đó mới là an trụ thật. Ở đây cũng vậy, nếu tâm niệm còn dính còn chấp thì tâm niệm đó là tâm niệm cuồng loạn, là tướng sanh diệt. Không còn dính chấp vào cái hư giả đó mới là vô sanh, mới là chân thật, cho nên thật tướng là vô tướng, cái chỗ không tướng là tướng chân thật. Thật rất lạ, vì vậy người học Phật nếu không tu thì không bao giờ hiểu nổi, mình có tu rồi khi hết vọng tưởng thì thấy cái chân thật hiện tiền, còn nếu không tu thì nghe rất lạ, ngôn từ quá khó hiểu. Thế nên ngài Tu-bồ-đề mới nói rằng: Không có pháp cố định tên A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, cũng không có pháp cố định để Phật nói. Vì có sao? Vì Như Lai nói pháp đều không nên chấp, cả pháp và phi pháp cũng đều không chấp, vì không chấp nên nói tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Thế nào là Hiền Thánh? Thí dụ như trong tứ quả Thanh văn: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì ba quả vị đầu còn ở bậc Hiền. Tại sao? Vì ba quả vị này còn ở trong vòng sanh. Tu-đà-hoàn còn bảy phen sanh, Tu-đà-hàm còn một phen sanh, A-na-hàm thì sanh trong cõi trời. Đến A-la-hán mới hoàn toàn vô sanh, mới là vô lậu hoàn toàn nên gọi là Thánh. Đối với hàng Bồ-tát thì từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng là bậc Hiền, từ Sơ địa trở lên đến Thập địa mới gọi là Thánh. Như vậy các bậc Hiền Thánh sai biệt nhau tại điểm nào? Chính tại pháp vô vi, tức là do cái pháp thân bất sanh bất diệt đó. Người sống được với nó viên mãn là Thánh, người sống được một phần nhỏ là Hiền bậc thấp, người sống được một phần lớn hơn, là bậc Hiền cao hơn. Như thế chúng ta thấy do pháp vô vi, bất sanh bất diệt mà có chư Hiền Thánh sai biệt, chứ không phải căn cứ trên quyền lực gì ở bên ngoài. Cũng như hiện giờ quý vị tu, có người mới tu ngồi trong một giờ đồng hồ, có thể có một trăm lần vọng tưởng, có người tu khá hơn, ngồi trong một giờ chỉ còn tám mươi lần vọng tưởng, đối với phàm phu người đó khá hơn, nếu người nào ngồi trong một giờ mà chỉ có hai mươi lần vọng tưởng thì đó là khá lắm. Đến khi trong một giờ mà không có một vọng tưởng nào, đó là đã bước vào địa vị Hiền rồi. Song suốt một ngày một đêm đến hai mươi bốn giờ mà chỉ được một giờ không vọng tưởng, đó mới được một phần nhỏ xíu trong thời gian một ngày một đêm; nếu chúng ta thêm hai giờ rồi đến bốn giờ không vọng tưởng... thì chỗ không vọng tưởng đó là pháp vô vi bất sanh bất diệt. Nếu chúng ta được một ngày không vọng tưởng, sánh với người được mười ngày không vọng tưởng thì người được mười ngày đó tiến bộ hơn mình, mình được một năm không vọng tưởng mà người được mười năm không vọng tưởng thì người đó cao hơn mình. Vì vậy khi nói cao thấp là căn cứ trên pháp vô vi mình sống được trọn vẹn hay được từng phần.

Thập tín là mới tin được mình có cái bất sanh bất diệt thôi, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng là mới được lóe thấy, đến Thập địa mới được từng phần rõ ràng. Thế nên nói sai biệt nhau là căn cứ trên pháp vô vi, chứ không phải căn cứ trên cái gì bên ngoài, không phải vị Thầy thọ ký cho người này chứng cái gì, người kia chứng cái gì v. v... Mà chính trên pháp vô vi bất sanh bất diệt, ai sống được với cái đó nhiều là cao, ai sống được với cái đó ít là thấp. Còn chưa sống được với cái đó là phàm phu. Hiểu như vậy, chúng ta thấy người tu sơ dĩ khác hơn người thế gian là ở chỗ đó. Quý vị thử kiểm lại nếu mình biết tu chút ít thì có khác hơn người thế gian không? Người thế gian cứ tha hồ nghĩ, cả đến khi ngủ, nằm xuống cũng chưa chịu ngủ, vẫn nghĩ hết chuyện này đến việc kia, chừng nào ngủ quên mới thôi. Còn chúng ta vừa khởi nghĩ là đã rầy nó rồi. Đây là chỗ khác nhau. Mình rầy lần lần nó cũng giảm bớt, đến bao giờ mình vừa nhìn nó liền mất như trâu thuần thục, rồi từ từ cho đến hết nghĩ, lúc đó mình mới sống với cái chân thật. Sự thật cái nghĩ không phải là mình. Khi không nghĩ mình vẫn hiện tiền chứ không có mất, nếu cái nghĩ là mình thì hết nghĩ mình mất phải không? Không phải, hết nghĩ mình vẫn hiện tiền, mình vẫn sờ sờ, tai vẫn nghe, mắt vẫn thấy. Thế nên khi nào hết nghĩ thì

lúc đó pháp vô vi hiện tiền. Pháp vô vi còn gọi là pháp thân hay là chân tâm. Sở dĩ chúng ta sai biệt nhau trên phương diện tu hành là sai biệt ở điểm đó, chớ đừng tính năm tu, như tôi tu mười năm, người kia tu bảy năm, vậy người đó thua tôi ba năm hay là người khác mới tu hai năm, thua tôi đến tám năm v. v... Ngay nơi pháp vô vi đó, chúng ta được sâu hoặc được cạn mới là khác nhau.



ĐOẠN 8

ÂM:

Y PHÁP XUẤT SANH.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhân sở đắc phước đức, ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa.

- Nhược phục hữu nhân ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thắng bỉ. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhất thiết chư Phật cập chư Phật A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề pháp, giai tùng thử kinh xuất. Tu-bồ-đề, sở vị Phật pháp giả tức phi Phật pháp.

DỊCH:

Y NƠI CHÁNH PHÁP MÀ SANH RA TẤT CẢ QUẢ VỊ.

- Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy được phước đức thật nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn rất nhiều! Vì có sao? Vì phước đức ấy tức chẳng phải là tánh phước đức, thế nên Như Lai nói phước đức nhiều.

- Nếu lại có người ở trong kinh này, thọ trì cho đến bốn câu kệ v. v... vì người khác giảng nói thì phước đức này còn hơn phước đức của người kia. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ nơi kinh này ra. Nay Tu-bồ-đề, nói là Phật pháp đó tức chẳng phải Phật pháp.

GIẢNG:

Quý vị nghe giải nghĩa đoạn này có dễ hiểu không? Đức Phật nói rằng: Giả sử có người đem bảy báu (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não) đầy đầy cả tam thiên đại thiên thế giới ra bố thí. Tam thiên đại thiên thế giới quá rộng đối với chúng ta, giả sử đem bảy báu đầy đầy cả thế giới của chúng ta ra bố thí thì quý vị nghĩ phước nhiều ít? Thật tình là phước rất nhiều. Cho nên ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn phước rất nhiều. Nhưng khi nói phước rất nhiều ngài Tu-bồ-đề sợ chúng ta hiểu lầm Ngài thấy phước đức là một việc có thật cho nên Ngài nói: Phước đức ấy không phải tánh phước đức thế nên nói là phước đức nhiều. Bởi vì theo tinh thần kinh Kim Cang lúc nào đức Phật cũng chỉ cho chúng ta thấy rằng tất cả pháp ở thế gian, từ những hình tướng đến tâm tướng danh ngôn đều là pháp nhân duyên, mà đã là nhân duyên hòa hợp thì không có tự tánh, tức là chúng không có cái tánh thật. Quý vị nhớ phàm những gì do nhân duyên hòa hợp thì tự bản tánh nó không có thật, nếu có thật thì đâu do duyên hòa hợp. Đã là hòa hợp thì ngay bản tánh nó không thật, phải do cái này cái kia hợp lại thành, nếu có cái thật thì không đợi duyên hợp. Thế nên ngài Tu-bồ-đề sợ chúng ta hiểu lầm là phước đức có tự tánh thật nên Ngài nói tiếp: Phước đức ấy tức không phải tánh phước đức nên nói phước đức nhiều. Nó không có tánh cố định vì vậy mà nói nhiều. Nói nhiều là một lối nói tùy theo tâm niệm, tùy theo sở chấp của chúng sanh, chớ không phải nó có tánh thật. Đức Phật đưa thí dụ trước, tiếp theo Ngài mới so sánh với pháp. Nếu có người đem bảy báu, chúng ta chỉ nói một thứ báu tầm thường là vàng thôi, giả sử có người đem vàng đầy chùa này ra bố thí, quý vị nghĩ phước đức nhiều ít? Mấy mươi kiếp mình làm chưa đủ vàng chứa đầy chùa này, nếu đem bao nhiêu đó ra bố thí thì phước cũng quá nhiều rồi, huống nữa là đầy đầy cả quả địa cầu. Song thử hỏi chừng bao nhiêu kiếp chúng ta làm được số vàng đầy đầy cả quả địa cầu? Một đời mình, nếu may mắn làm đâu được đó thì cũng chỉ có thể làm được chừng vài trăm lượng, tức khoảng chừng một giỏ xách. Làm đâu được đó trong một đời mà chỉ được chừng một giỏ xách thì bao nhiêu đời mới được một làng, rồi bao nhiêu đời mới đầy cả một nước, bao nhiêu đời mới đầy được cả thế giới? Nếu tính số vàng đầy cả tam thiên đại thiên thế giới thì ít ra phải cả triệu triệu kiếp mới có thể có được. Cả triệu triệu kiếp khổ công nhọc nhằn mà gom lại đem bố thí hết thì chúng ta tưởng tượng phước đức nhiều ít? Không thể tính nổi. Bây giờ đức Phật mới so sánh: Nếu có người ở trong kinh này thọ trì cho đến bốn câu kệ v. v..., vì người khác nói thì phước của người thọ trì bốn câu kệ này còn hơn phước của người bố thí bảy báu kia. Quý vị tin nổi không? Đó là điều thật hy hữu, thật khó tin mà tin được là chuyện phi thường. Vậy mà tôi tin, chuyện khó tin mà tin được mới là lạ. Như tôi thường ví dụ mỗi sáng chúng ta thấy những hạt sương đọng ở đuôi những lá cây, khi mặt trời lên những hạt sương đó lóng lánh giống như những hạt kim cương, những hạt kim cương đem ra ngoài ánh nắng cũng lóng lánh như thế. Nhưng có người được hạt kim cương chừng bằng ngón tay cái, có người nói: À hạt kim cương của chị lóng lánh như những hạt sương trên lá cây, chúng

tôi xin đổi hạt kim cương này bằng một triệu hạt sương lông lánh đó. Thử hỏi quý vị chịu không? Không chịu. Mười triệu hạt sương, một tỷ triệu hạt sương được không? Vẫn không đồng ý. Khắp cả thế giới có bao nhiêu hạt sương tôi hốt hết đem đổi hạt kim cương, quý vị đồng ý không? Dĩ nhiên là không. Tại sao? Bởi kim cương là thật, hạt sương là giả, bởi giả cho nên bao nhiêu cũng không đổi được cái thật.

Trên nhân gian này, khi người ta quan niệm vàng là quý thì vàng là quý, nếu người ta cho rằng vàng không quý thì vàng hết quý. Như vậy cái quý đó chỉ là do quan niệm của con người, chứ không phải nó thật quý. Nó là cái giả tạm do con người đặt ra.

Trì đây đừng hiểu là đọc. Thí dụ như cứ đọc: Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai, đọc mãi như vậy có phải là trì chưa? Đừng hiểu chữ trì theo nghĩa quá tầm thường đó. Trì là thọ trì, thọ là nhận, trì là giữ. Chúng ta nhận hiểu được kinh Kim Cang và sống được với nó gọi là trì; thọ trì là sống được với trí tuệ Bát-nhã, mà trí tuệ Bát-nhã là cái chân thật muôn đời muôn kiếp không bao giờ hoại. Song đối với đức Phật, Ngài thấy nó thật, còn đối với chúng ta, vì chưa thấy nên khó hiểu, khó tin. Như vậy trí tuệ Bát-nhã là cái thật, tất cả vàng bạc của báu thế gian là cái giả, vậy phải đem bao nhiêu cái giả để chúng ta đồng ý đổi một cái thật? Cũng như phải đem bao nhiêu hạt sương lông lánh để chúng ta nhận đổi một hạt kim cương? Chắc chắn không bao giờ chúng ta đồng ý. Cái giả dù nhiều thế mấy cũng không bì được một cái thật. Cho nên khi nào chúng ta ngộ được thể Kim Cang Bát-nhã, chúng ta mới thấy rằng tất cả thế gian không cái gì bì được với nó cả. Vì thế đức Phật bảo: Dù đem bao nhiêu của báu thế gian bố thí, công đức cũng không bằng trì bốn câu Kim Cang. Thọ trì nghĩa là sống được với cái chân thật đó thì muôn triệu cái giả cũng không bì kịp. Lại vì người khác nói, chỉ cho người biết và sống được thì đó là phước đức không có gì bì kịp.

Kể đến, đức Phật bảo: Nay Tu-bồ-đề, tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ kinh này mà ra. Câu này quý vị làm sao hiểu? Như vậy sẽ có người hỏi: Phật nói kinh Kim Cang mà tại sao kinh Kim Cang lại nói rằng chư Phật đều từ kinh này ra? Vậy kinh này sanh ra Phật hay Phật sanh ra kinh này? Do đó có một nghi vấn là: Kinh có trước hay Phật có trước? Nếu kinh này sanh ra chư Phật thì kinh có trước. Nhưng mà ai nói kinh? Phật nói kinh là Phật có trước. Tại sao nói chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ kinh này ra? Như thế tức là kinh này có trước. Nếu chúng ta hiểu kinh này theo nghĩa văn tự thì không bao giờ hiểu nổi. Có một vị hỏi một thiền sư: Pháp có trước hay Phật có trước? Thiền sư trả lời: Nói thì Phật trước pháp sau, nghe thì pháp trước Phật sau. Câu trả lời đó quý vị hiểu không? Nói thì Phật trước pháp sau, tại sao? Bởi vì nói thì đức Phật ngộ đạo rồi Ngài mới nói được kinh, tức là Phật trước pháp sau. Còn nghe thì pháp trước Phật sau, quý vị là người chưa ngộ cho nên nghe kinh rồi mới ngộ, sau mới thành Phật, vậy là pháp trước Phật sau.

Ở đây nói kinh này là mẹ tất cả chư Phật và cả pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trí tuệ Kim Cang Bát-nhã là trí tuệ bất sanh bất diệt. Trí tuệ đó ai cũng sẵn có, nếu quên nó là chúng sanh, ngộ được nó thì thành Phật. Nhân ngộ trí tuệ đó mà thành Phật thì chính trí tuệ đó sanh ra Phật, nhân trí tuệ đó diễn đạt cho người ta hiểu, là pháp. Như vậy là từ trí tuệ đó sanh ra pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên nói "Kinh này" không có nghĩa đơn giản là bao nhiêu chữ, bao nhiêu tờ mà là chỉ thẳng trí tuệ Bát-nhã chân thật. Vì kinh này nói về trí tuệ Bát-nhã chân thật nên trí tuệ đó tức là kinh này. Hiểu như thế mới gọi là hiểu. Trì bốn câu kệ của kinh này là trì ngay tinh thần của kinh chứ không phải trì văn tự của kinh. Có nhiều người nói kinh này phước lớn quá, nên ngày nào cũng đọc bốn câu kệ rồi tự hào rằng tôi có phước đức vô lượng vô biên, như vậy đúng chưa? Đó là chúng ta chấp tướng chứ chưa đúng được tinh thần công đức. Thế nên ở đây nói kinh này để chỉ cho trí tuệ Bát-nhã bất sanh bất diệt, là mẹ của chư Phật, là mẹ của tất cả kinh.

Đức Phật lại bảo ngài Tu-bồ-đề: Nói Phật pháp tức không phải Phật pháp. Vì chúng ta nghe nói Phật pháp rồi chấp thật Phật pháp, nên Phật liền bác không phải Phật pháp. Tại sao? Vừa có ngôn từ Phật pháp thì ngôn từ đó cũng là tướng duyên hợp. Thể của danh từ Phật pháp là không thật, nhưng tùy theo chúng sanh mê, gọi đó là Phật pháp để cảnh tỉnh họ. Bản chất của Phật pháp không thật nên nói không phải Phật pháp, vì tùy chúng sanh nên gọi là Phật pháp.



ĐOẠN 9

ÂM:

NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tu-đà-hoàn năng tác thị niệm ngã đắc Tu-đà-hoàn quả phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà-hoàn danh vi Nhập lưu nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tư-đà-hàm năng tác thị niệm: Ngã đắc Tư-đà-hàm quả phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tư-đà-hàm danh Nhất vãng lai nhi thật vô vãng lai, thị danh Tư-đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-na-hàm năng tác thị niệm: Ngã đắc A-na-hàm quả phủ?
Tu-bồ-đề ngôn: Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? A-na-hàm danh vi Bất lai, nhi thật vô bất lai, thị cố danh A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-la-hán năng tác thị niệm: Ngã đắc A-la-hán đạo phủ?
Tu-bồ-đề ngôn: Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thật vô hữu pháp danh A-la-hán. Thế Tôn! Nhược A-la-hán tác thị niệm: Ngã đắc A-la-hán đạo, tức vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô tránh tam-muội, nhân trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã bất tác thị niệm: Ngã thị ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: Ngã đắc A-la-hán đạo, Thế Tôn tác bất thuyết Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh giả. Dĩ Tu-bồ-đề thật vô sở hành, nhi danh Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh.

DỊCH:

MỘT TƯỞNG KHÔNG TƯỞNG.

- Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tu-đà-hoàn hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tu-đà-hoàn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Tu-đà-hoàn gọi là Nhập lưu mà không có chỗ nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu-đà-hoàn.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tư-đà-hàm hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tư-đà-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Vì Tư-đà-hàm tên là Nhất vắng lai mà thật không có vắng lai, ấy gọi là Tư-đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? A-na-hàm hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả A-na-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? A-na-hàm tên là Bất lai mà thật không có bất lai, thế nên tên A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? A-la-hán hay khởi nghĩ thế này: Ta được đạo A-la-hán chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Thật không có pháp tên là A-la-hán. Bạch Thế Tôn nếu A-la-hán khởi nghĩ thế này: Ta được đạo A-la-hán tức là còn chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả. Bạch Thế Tôn! Phật nói con được Vô tránh tam-muội là bậc đệ nhất trong số người đó, là A-la-hán ly dục đệ nhất. Bạch Thế Tôn! Con không khởi nghĩ con là ly dục A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi nghĩ: Con được đạo A-la-hán, Thế Tôn ắt chẳng nói Tu-bồ-đề là người ưa hạnh A-lan-na. Do Tu-bồ-đề thật không có sở hành nên gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh A-lan-na.

GIẢNG:

Trước nói về bốn quả Thanh văn, đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Người tu Phật, tu theo Thanh văn thừa, chúng ta thường gọi là Tiểu thừa, thì chúng bốn quả, quả thứ nhất là Tu-đà-hoàn, quả thứ hai là Tư-đà-hàm, quả thứ ba là A-na-hàm, quả thứ tư là A-la-hán.

Quả thứ nhất là Tu-đà-hoàn, Trung Hoa dịch ra hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là Thất lai. Thất là bảy, lai là trở lại. Tu-đà-hoàn là những vị có chứng quả nhưng vẫn còn trở lại trần gian bảy phen nữa mới chứng A-la-hán, mới không còn sanh tử. Nghĩa thứ hai là Nhập lưu, nhập là vào, lưu là dòng, nghĩa là vào được dòng Thánh. Người tu chứng quả Tu-đà-hoàn, tuy còn sanh tử song nhất định không lui sụt, từ đó tiến vào dòng Thánh đến trọn vẹn thành A-la-hán. Thế nên cố định là bảy phen trở lại rồi chứng A-la-hán, trong bảy phen đó dầu ai làm gì cũng không lui sụt cho nên gọi là vào dòng Thánh.

Quả thứ hai là Tư-đà-hàm, Trung Hoa dịch là Nhất lai. Nhất là một, lai là lại. Những vị này chỉ còn một phen trở lại nhân gian rồi chứng quả A-la-hán nên gọi là Nhất lai.

Quả thứ ba là A-na-hàm, Trung Hoa dịch là Bất lai. Bất là chẳng, lai là lại. Những vị chứng A-na-hàm chỉ còn một phen sanh lên cõi Ngũ A-na-hàm Thiên, lên cõi trời đó rồi chứng A-la-hán, nhập Niết-bàn chớ không trở lại trần gian nữa nên gọi là Bất lai.

Đến quả thứ tư là A-la-hán. A-la-hán dịch nghĩa là Vô sanh. Vị này không còn sanh tử nữa, đó là viên mãn trong bốn quả Thanh văn.

Đây là kinh Đại thừa, vậy tại sao đức Phật lại lấy bốn quả Thanh văn để đối chiếu? Đó là ý nói rằng dù cho trong bốn quả Thanh văn nhưng tinh thần Đại thừa vẫn hợp, vẫn không khác. Tu-đà-hoàn không khởi nghĩ: Ta được quả Tu-đà-hoàn, nếu khởi nghĩ có quả Tu-đà-hoàn thì không gọi là Tu-đà-hoàn nữa. Tại sao Tu-đà-hoàn gọi là Nhập lưu mà thật không có sở nhập, tức là không có chỗ nhập? Không chỗ nhập nghĩa là sao? Tức là không kẹt vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Như Lục tổ không dính vào sáu trần nên Ngài thấy được chỗ ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Ngài ngộ đạo tức là ngài Nhập lưu rồi. Vì vậy nên Ngài thốt lên: À, mình có một cái mà từ trước đến nay chưa từng thấy, đầy đủ, thanh tịnh, chưa từng sanh diệt v. v... Đó là Nhập lưu mà thật không có chỗ nào để nhập, thấy rõ không dính với sáu trần mà hiện có cái chân thật, đó gọi là Tu-đà-hoàn, là bước vào dòng Thánh.

Đến quả Tư-đà-hàm, cũng gọi là Nhất lai. Nhất lai mà thật không có vắng lai. Đến quả này là còn một phen qua lại, nghĩa là còn sanh ra trên thế gian một lần nữa, như vậy tức có đến, có đi, nhưng sự thật ở đây không có đến có đi mới gọi là Tư-đà-hàm. Tại sao? Vì trên chỗ chân thật bất sanh bất diệt không có đến có đi, còn thấy có đến có đi là chưa

nhập được trong đó. Thế nên nói rằng nếu còn thấy có đến có đi thì chưa phải là Tư-đà-hàm. Thật không có đến, đi tức là an trụ, không còn qua lại nữa, đó mới là Tư-đà-hàm.

A-na-hàm tức là Bất lai, những vị này cũng không khởi nghĩ ta được quả A-na-hàm. Tại sao? A-na-hàm là chẳng lại, song thật không có cái chẳng lại. Có đi mới nói có lại, mà Như Lai là vô sở từng lai diệt vô sở khứ cố danh Như Lai, nghĩa là Như Lai không từ đâu đến cũng không đi đâu nên gọi là Như Lai. Ở đây tuy nói bốn quả Thanh văn nhưng sự thật đều nhằm chỉ cái thể chân thật Như Lai. Trên cái thể chân thật Như Lai đó, người nào còn khởi niệm chấp thì không thể đạt được. Thế nên Tu-đà-hoàn do buông xả sáu trần mới nhập được thể Như Lai đó, đến Tư-đà-hàm do an trụ được trong đó, không vắng lai, đến đây đã an trụ rồi thì đâu còn qua lại, nếu còn qua lại thì chưa phải an trụ; đến quả A-na-hàm nói là Bất lai mà sự thật không phải Bất lai, ấy mới gọi là A-na-hàm.

Đến quả cuối cùng là A-la-hán. A-la-hán có khởi nghĩ mình chứng A-la-hán không? Ngài Tu-bồ-đề nói không. Vì có sao? Vì thật không có pháp tên A-la-hán... Tại sao? Trong kinh thường nói đến A-la-hán mà ở đây nói không có pháp tên A-la-hán? Chúng ta mượn việc thế gian để hiểu qua nghĩa Phật pháp. Như hiện giờ quý vị mỗi người được mang một cái tên, song người biết tên quý vị là thật biết quý vị chưa? Như có người tên là Bạch Mai nghĩa là mai trắng, khi người khác nghe tên Bạch Mai thì có ấn tượng cô ấy chắc trắng lắm, không ngờ người tên Bạch Mai lại đen. Vậy quý vị nghĩ thế nào? Tên chưa hẳn thật là người phải không? Chẳng qua là giả danh do cha mẹ hoặc Thầy Tổ đặt cho, thế nên nghe tên, biết tên chưa phải là biết người, gặp người, thấy được người mới gọi là biết người. Tên chỉ là giả danh bên ngoài, đâu phải là bản chất của người đó. Trong Phật pháp cũng vậy, A-la-hán là chỉ cho cái bất sanh bất diệt, ngộ được cái bất sanh bất diệt gọi là A-la-hán, hay sống được với cái bất sanh bất diệt đó là A-la-hán. Như vậy, A-la-hán là một cái tên chỉ người sống được với cái đó, tên chưa phải là bản chất bất sanh bất diệt, vì vậy nói thật không có pháp tên A-la-hán. Tên A-la-hán chỉ là giả danh còn cái bất sanh bất diệt đó không có tên. Vì thế ngài Tu-bồ-đề mới nói: Bạch Thế Tôn, nếu A-la-hán khởi nghĩ ta được đạo A-la-hán tức là chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả. Quý vị thấy câu này làm sáng nghĩa trên vô cùng, bởi vì A-la-hán nếu khởi nghĩ ta được đạo A-la-hán là còn có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Tại sao? Ta được đạo thì đạo A-la-hán là cái bị được và ta là người hay được, như vậy tức nhiên là có ngã, mà có ngã thì có nhân, có chúng sanh có thọ giả không nghi ngờ gì nữa. Thế nên đến chỗ đó Phật không thấy mình là người hay được, không thấy mình là người hay được mới là cái được chân thật. Đến chỗ đó, nhập vào đó mà không có niệm, không niệm thì nói gì mình được.

Quý vị thử ngồi thiền, bao giờ được yên tịnh chừng năm phút thôi, trong năm phút yên tịnh đó quý vị thấy có cái ngã nào dấy lên không? Có nghĩ được không? Vừa dấy niệm được là đã mất cái an tịnh vô sanh rồi. Vừa dấy niệm được là mất liền, đó là chỗ

không dấy niệm, nếu nói mình được là đã dấy niệm tức mất quả A-la-hán. Chỗ đó thật là tế nhị. Vì vậy đến đây ngài Tu-bồ-đề nói thêm: Bạch Thế Tôn, Phật nói con được Vô tránh tam-muội, trong số người đó con là bậc nhất. Vô tránh tam-muội là cái chánh định không còn tranh luận. Chúng ta hiện nay, ngồi lại thì luôn luôn tranh luận, tranh luận với người này, người kia... Thí dụ như buổi tối quý vị ngồi niệm Phật, hoặc tọa thiền, lúc đó quý vị có nói chuyện với ai không? Ngồi xuống là chúng ta bắt đầu lý luận với người này, tranh luận với người kia, sắp đặt việc nọ... Khi ngồi đó coi như là ngồi thiền, thiền là định mà sự thật cứ tranh luận mãi. Khi nào ngồi mà không còn tranh luận nữa gọi là "Vô tránh tam-muội", nghĩa là được cái chánh định không còn tranh luận. Không còn tranh luận tức là thanh tịnh lặng lẽ.

Ngài Tu-bồ-đề muốn chỉ rằng A-la-hán không khởi nghĩ mình được đạo A-la-hán. Ngài lấy mình làm bằng chứng. Ngài nói: Thế Tôn khen con ở trong số người tu về chánh định không còn dấy động đó, con là bậc nhất. Nếu con khởi nghĩ con là người lìa dục được A-la-hán, ắt Thế Tôn không nói con là người ưa hạnh A-lan-na. A-lan-na cũng gọi là A-lan-nhã, tức là hạnh tịch tĩnh. Tịch là yên, tĩnh là lặng, chỗ rất là yên lặng tức là chỗ không còn dấy động, không còn sanh diệt. Tại sao? Vì vừa khởi nghĩ là đã động rồi, đã động thì đâu còn ưa hạnh tịch tĩnh nữa. Ngài Tu-bồ-đề nói tiếp: Do Tu-bồ-đề thật không có sở hành nên gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh A-lan-na. Không có sở hành tức là không có chỗ dấy động, nên mới thật là người ưa hạnh tịch tĩnh.

Như vậy rõ ràng trong đoạn này đức Phật chỉ một tướng là không tướng. Một tướng tức là một tướng chân thật vô sanh, nó không có tướng mạo. Vừa có tướng mạo hoặc là thấy mình Nhập lưu cũng chưa phải là Tu-đà-hoàn, thấy mình Vãng lai cũng chưa phải là Tư-đà-hàm, còn thấy mình Bất lai cũng chưa phải là A-na-hàm, còn thấy mình được đạo A-la-hán cũng chưa phải là A-la-hán. Như vậy chỗ chân thật đó không có tướng mạo, vừa dấy bất cứ một niệm nào về tướng mạo đều là sai, chưa vào được chỗ đó, dù cho A-la-hán là quả cứu kính của Thanh văn nhưng thật ra cũng phải đến chỗ đó mới gọi là A-la-hán.



ĐOẠN 10

ÂM:

TRANG NGHIỆM TỊNH ĐỘ.

Phật cáo Tu-bồ-đề: Ư ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở ư pháp hữu sở đắc phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thật vô sở đắc.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Bồ-tát trang nghiêm Phật độ phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

- Thị cố Tu-bồ-đề, chư Bồ-tát Ma-ha tát ung như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ung trụ sắc sanh tâm, bất ung trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Tu-bồ-đề, thí như hữu nhân, thân như Tu-di sơn vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đại, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân.

DỊCH:

TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ.

Phật hỏi Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Như Lai thuở xưa ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, có sở đắc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai ở nơi đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, thật không có sở đắc.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

- Thế nên Tu-bồ-đề, các Bồ-tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh, không nên trụ nơi sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia. Tu-bồ-đề, ví như có người thân to như núi Chứa Tu-di (Sumeru), ý ông nghĩ sao? Thân ấy là lớn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Phật nói chẳng phải thân, ấy gọi là thân lớn.

GIẢNG:

Trong đoạn này trước tiên đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Thuở xưa, ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, đức Phật có pháp để được chăng? Nếu chúng ta đọc tiền thân Phật thì thấy

trong đó Phật kể thuở xưa khi Ngài còn tu Bồ-tát hạnh nơi đức Phật Nhiên Đăng (Dipamkara-buddha), do Ngài cúng dường, bố thí nên được đức Phật Nhiên Đăng thọ ký sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (Sàkyamuni). Như vậy ở nơi đức Phật Nhiên Đăng, đức Phật Thích-ca đã được thọ ký thành Phật. Nhưng ngài Tu-bồ-đề thưa: Không, ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, đức Phật thật không có pháp để được. Quý vị thấy như là phủ nhận việc đức Phật đã nói trước kia, phải không? Nhưng không phải. Như đoạn trước nói nếu A-la-hán thấy được đạo A-la-hán là còn tướng ngã, tướng nhân v. v... Như vậy nếu Phật còn thấy có pháp để được thì cũng còn tướng ngã, tướng nhân... mà còn tướng ngã, tướng nhân thì làm sao được thọ ký thành Phật? Thế nên ngài Tu-bồ-đề xác định rằng đức Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng thật không có pháp để được.

Tiếp theo đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật không? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Không. Vì có sao? Trang nghiêm cõi Phật, tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Tại sao không phải trang nghiêm ấy gọi là trang nghiêm? Thường trong các kinh Đại thừa hay nói rằng: Người tu Bồ-tát hạnh nên trang nghiêm cõi Phật hay là trang nghiêm Tịnh độ. Muốn trang nghiêm Tịnh độ thì cõi đó ở đâu và chúng ta làm sao trang nghiêm? Về công hạnh đó, trong kinh nói: Mỗi đức Phật đều có hạnh nguyện. Ví dụ đức Phật Di-đà (Amita) có hạnh nguyện Di-đà, đức Phật Thích-ca có hạnh nguyện Thích-ca, hạnh nguyện đó gọi là để trang nghiêm cõi Phật. Vì nào nguyện làm hạnh nhẫn nhục viên mãn thì khi tu hạnh nhẫn nhục trong thế gian này là tạo nhân trang nghiêm cõi Phật của vị ấy, hoặc tu hạnh bố thí ở cõi này, cũng là nhân trang nghiêm cõi Phật của vị ấy về sau. Thế nên những hạnh đó được viên mãn thì cõi Phật trang nghiêm đẹp để phi thường. Chúng ta tu cái nhân ở đây tốt đẹp bao nhiêu thì cõi Phật của mình cũng sang cả tốt đẹp bấy nhiêu. Vậy ngay hiện tại chúng ta hành những hạnh hợp đạo lý, đó là chúng ta trang nghiêm cõi Phật. Chúng ta thử lấy ví dụ trong thế gian: Như có người dự trù năm năm nữa sẽ cất một cái nhà đẹp. Khi họ dự định như thế thì từ đó về sau họ phải tích lũy tiền, dự trữ sắt, đá v. v... Họ chuẩn bị những vật liệu tốt đầy đủ cho đến ngày xây nhà, đến lúc ấy họ mới thực hiện được một cái nhà đẹp. Như vậy khi chúng ta chuẩn bị những vật liệu hoặc tiền bạc tức là chúng ta trang nghiêm cho cái nhà mai sau phải không? Trái lại nếu hiện tại chúng ta không dự trữ cái gì hết, đến khi muốn cất nhà đẹp thì có cất được không?

Trong Phật pháp cũng vậy, khi chư Phật thành Phật rồi, cõi nước các Ngài đầy đủ công đức vô lượng vô biên là vì khi tu Bồ-tát hạnh các Ngài đã hành những công hạnh, những phước đức để trang nghiêm cõi nước của các Ngài mai sau, đến khi thành Phật thì tất cả đều viên mãn. Như quý vị đọc kinh Di-đà thấy trong kinh diễn tả nơi cõi Cực lạc, cái gì cũng sung mãn, cái gì cũng tốt đẹp, đó là do khi tu hạnh Bồ-tát, đức Di-đà đã nguyện như thế; cho nên mỗi công hạnh của Ngài đều hướng về cõi nước của Ngài sau này, đến khi viên mãn công hạnh thì được cõi nước trang nghiêm. Đức Phật muốn khi

thành Phật được cội nước trang nghiêm thì hiện tại Ngài cũng tập những công hạnh như thế. Vậy Bồ-tát có trang nghiêm cội Phật không? Những công hạnh lục độ là trang nghiêm chớ gì? Song ở đây ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn không, vì có sao? Trang nghiêm cội Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Bởi vì tất cả công hạnh của mình đều là tướng hữu vi, mà tướng hữu vi là tướng duyên hợp; đã là tướng duyên hợp thì đâu phải là cố định, là chân thật nên không phải là trang nghiêm, nhưng theo thế tục gọi đó là trang nghiêm. Trên bản chất không phải là trang nghiêm vì là tướng duyên hợp, nhưng trên giả danh đó là trang nghiêm. Nếu thấy có trang nghiêm tức là chấp hành động đó thật, tức phi trí tuệ Bát-nhã. Không có trí tuệ Bát-nhã sao được gọi là Bồ-tát? Vì vậy chúng ta phải thấy rõ thâm ý của từng lời kinh, nói trang nghiêm tức không phải trang nghiêm, nếu chúng ta thấy thật có trang nghiêm thì cội Phật của mình là cội giả dối rồi!

Tiếp đến đức Phật liền nhắc lại một ý, tôi gọi là điệp khúc, tức là nhắc lại ý khi Ngài giảng về nghĩa an trụ tâm ở đoạn trước: An trụ tâm là không nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đức Phật bảo: Các Bồ-tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh. Như thế là sao? Chẳng nên trụ nơi sắc, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia, tức là đừng kẹt vào sáu trần, đó mới thật là trang nghiêm cội Phật, mới thật là cứu kính của hàng Bồ-tát. Nếu vừa khởi niệm mình làm việc này là trang nghiêm cội Phật, mình làm việc kia để dành mai sau chẳng hạn thì còn trụ vào sắc, thanh, hương v. v..., tức là chưa phải trang nghiêm cội Phật, chưa phải là Bồ-tát. Thế nên câu không nên kẹt nơi sắc, không kẹt nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên không chỗ kẹt mà sanh tâm kia, tức là không có chỗ trụ mới đúng là cái tâm thanh tịnh chân thật, bất sanh bất diệt.

Phật dạy tiếp: Nay Tu-bồ-đề, như có người thân như núi chúa Tu-di, thân ấy lớn chẳng? Quý vị thấy chỉ cần nói về kích thước của một cây cột hay là của một vật gì tương đối hơi lớn như cái nhà chẳng hạn thì thân mình có bằng một cây cột không? Chưa bằng. Thân mình có bằng cái nhà không? Cũng không bằng. Thường trong kinh nói núi Tu-di là ngọn núi lớn nhất có bốn châu thiên hạ ở chung quanh như Nam Thiệm bộ châu (Jambudvīpa) - chỗ chúng ta ở - Bắc Câu Lô châu (Uttara-kuru) v. v... Vậy núi Tu-di khoảng bao lớn? Có người thân lớn bằng núi chúa Tu-di chớ không phải núi Tu-di thường. Giả sử có người thân bằng Núi Lớn Vũng Tàu này thì quý vị tưởng tượng người đó như thế nào? Họ nặng nề, họ đi tới đâu thì chết thiên hạ tới đó, không có đường sá nào họ đi được phải không? Nếu bằng núi chúa Tu-di thì quá sức to không thể tưởng tượng. Khi Phật hỏi: Ý ông nghĩ sao, thân đó lớn chẳng, ngài Tu-bồ-đề liền thưa: Bạch Thế Tôn rất lớn. Khi nói rất lớn rồi Ngài liền chuyển trở lại: Phật nói không phải thân, ấy mới gọi là thân lớn. Tại sao? Bởi vì nói thân lớn thì e chúng ta tưởng lầm tướng lớn tướng nhỏ là thật, thế nên Ngài liền nói "Không phải thân, ấy gọi là thân lớn". Không phải thân nghĩa

là thân đó là tướng duyên hợp không thật, do nhiều duyên, nhiều yếu tố hợp thành thì nói là lớn, chớ sự thật nó không thật có, nếu chúng ta thấy có thân thật thì nó không phải lớn. Điều đó để cho chúng ta thấy rằng tất cả những tướng ở thế gian dù tướng thân to lớn cũng là tướng duyên hợp hư giả, mà đã là duyên hợp thì không phải thật lớn, chẳng qua nói lớn nói nhỏ là tùy theo giả danh mà nói thôi.



ĐOẠN 11

ÂM:

VÔ VI PHƯỚC THẮNG.

Tu-bồ-đề, như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng Hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa, ninh vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Đản chư Hằng hà, thượng đa vô số, hà huống kỳ sa.

- Tu-bồ-đề, ngã kim thật ngôn cáo nhữ, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bố thí, đắc phước đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Phật cáo Tu-bồ-đề: Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, nhi thử phước đức thắng tiền phước đức.

DỊCH:

PHƯỚC VÔ VI LÀ HƠN HẾT.

Này Tu-bồ-đề, như trong sông Hằng có bao nhiêu số cát, số sông Hằng bằng số cát như thế, ý ông nghĩ sao? Số cát của các sông Hằng ấy thật là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Chỉ các sông Hằng còn nhiều vô số, huống là số cát kia.

- Này Tu-bồ-đề, nay ta bảo thật với ông, nếu có người thiện nam, thiện nữ đem bảy báu đầy đầy tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát những sông Hằng kia ra bố thí thì được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu người thiện nam thiện nữ, đối trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v. v... vì người khác giảng nói, phước đức này nhiều hơn phước đức trước.

GIẢNG:

Đây tôi giản trách cho quý vị dễ hiểu: Sông Hằng số một có bao nhiêu cát, mỗi một hạt cát đó là một sông Hằng thứ hai. Trong đợt thứ hai là bao nhiêu sông Hằng? Nào ai biết trong sông Hằng có bao nhiêu cát, mà có bao nhiêu cát là có bấy nhiêu sông Hằng, vậy biết bao nhiêu sông Hằng mà kể! Mỗi sông Hằng thứ hai đó có bao nhiêu cát, quý vị tính thử xem có bao nhiêu? Chỉ nói số sông Hằng thứ hai là không thể tính rồi, huống là cát của những sông Hằng thứ hai thì không làm sao tưởng tượng nổi. Mỗi một hạt cát là một tam thiên đại thiên thế giới và trong tam thiên đại thiên thế giới chứa đầy cả bảy báu. Quý vị tưởng tượng bảy báu đầy khoảng bao nhiêu? Quá sức tưởng tượng của chúng ta, không còn con số nào tính nổi!

Đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Nếu có người đem bảy báu đầy đầy cả tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát của những sông Hằng thứ hai ra bố thí thì phước nhiều chăng? Phước đó chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi. Như thế mà Phật bảo phước đức đó không bằng phước đức của người trì bốn câu kinh Kim Cang v. v... vì người nói. Chữ vân vân đó có thể hoặc là ba câu, hoặc là hai câu. Như vậy phước đức của người này là bao nhiêu? Đó là chỗ mà ai tụng kinh Kim Cang cũng không thể tin nổi. Đây chúng tôi nói một lẽ thật. Tôi dẫn thí dụ này, trích trong kinh, là quý vị thấy rõ nhất.

Ngày xưa có một nhà vua sanh được một cô công chúa. Công chúa độ mười một, mười hai tuổi, vì con một nên nhà Vua và Hoàng hậu cưng chiều quá mực. Một buổi sáng mùa hạ, trời mưa, công chúa thức dậy nhìn mưa từng hạt rơi xuống, ánh nắng xuyên qua, hạt mưa lóng lánh. Công chúa thích quá muốn được một xâu chuỗi hạt nước mưa, song vì con cưng nên nàng nằm im trên giường không thém nói năng. Hoàng hậu gạn hỏi mãi nàng cũng không trả lời. Nhà Vua được tin, tưởng công chúa đau, vội đến thăm, dỗ dành mãi, sau cùng nàng mới nói: Con thích được một xâu chuỗi bằng hạt nước lóng lánh đó, đeo vào con sẽ hết bệnh ngay, nếu không được con sẽ không ăn cơm, chắc con sẽ chết. Vua và Hoàng hậu hoảng hốt không biết làm sao, e công chúa nhịn đói thật, đành phải hứa sẽ tìm người xâu chuỗi bằng hạt nước mưa cho nàng. Vào triều, nhà Vua truyền lệnh cho quần thần báo cho dân chúng hay rằng ai có tài xâu được chuỗi hạt nước mưa cho công chúa đeo thì sẽ được phong quan chức. Đã bao tháng trôi qua nhưng chưa ai thực hiện được. Bỗng một hôm có một ông già chống gậy đến nói: Tôi có thể xâu được chuỗi hạt nước cho công chúa. Nhà Vua mừng quá, không cần hỏi lý do lai lịch chi cả, vội sai quan đưa ông già đến trình diện với công chúa. Khi nghe ông già xác nhận có thể xâu được chuỗi bằng hạt nước cho mình đeo, công chúa vui mừng trỗi dậy hỏi: Bao giờ bắt đầu? Ông già đáp: Tôi có tài xâu hạt chuỗi nước, nhưng rất tiếc, tôi già rồi, con mắt sờ

sệt, vậy sáng mai, công chúa chịu khó ra đứng lựa những hạt nước thật đẹp đưa cho tôi xâu. Công chúa mừng quá, bằng lòng ngay. Sáng hôm sau công chúa đích thân ra hiên lựa những hạt nước mưa, còn ông già đứng bên cạnh chờ xâu chuỗi. Nàng thấy một hạt nước mưa lóng lánh rơi liền đưa tay nắm, hạt nước theo kẽ tay rơi mất. Từ sáng đến trưa không giữ được một hạt nào, công chúa mệt mỏi, chán nản rồi giận dữ, nàng nói với nhà Vua: Thưa phụ vương, con không muốn đeo chuỗi hạt nước nữa. Khi ấy nhà vua bảo: Cha sẽ cho con xâu chuỗi kim cương. Nhà Vua liền bảo quan giữ kho mang xâu chuỗi kim cương ra, công chúa vui vẻ đeo vào cổ.

Như thế, qua câu chuyện trên quý vị hiểu thế nào? Đó là để chỉ rằng tất cả của báu thế gian đều đẹp, nhưng vừa nắm vào tay, liền qua kẽ tay rơi mất. Cái đẹp thế gian là ý nghĩa hạnh phúc của cuộc đời. Ở thế gian này người ta tưởng cái gì đẹp đó là hạnh phúc, nhưng có hạnh phúc nào lâu dài đâu, vừa nắm được nó lại qua kẽ tay rơi mất. Rốt cuộc rồi những điều mà thế gian cho là đẹp để là hạnh phúc đều không còn, càng đeo đuổi nó chừng nào thì càng mệt mỏi chán chường chừng nấy, cuối cùng nhìn lại cũng tay không! Như nàng công chúa thấy vẻ đẹp lóng lánh của hạt nước, thích quá, nhưng nhìn xa thấy nó đẹp, đến khi lại gần nắm nó thì nó theo kẽ tay rơi mất. Như vậy cả buổi không giữ được một hạt nào, chừng đó mới chán nản không còn ham thích gì nữa, đến khi ấy nhà Vua mới cho nàng xâu chuỗi kim cương. Nhà Vua ví dụ cho đức Phật, nàng công chúa ví dụ cho ai? Quý vị nhận biết là ai rồi phải không? Những vị hiện giờ khoảng sáu mươi tuổi trở lên chắc là như nàng công chúa lúc buổi chiều, nắm mãi các hạt nước mà đến chiều vẫn tay không, chán quá! Còn những người khoảng mười lăm, mười bảy, hai mươi thì còn hăng hái như nàng công chúa vào buổi sáng, còn lựa, còn nắm bắt các hạt nước mưa. Đến khoảng sáu mươi tuổi trở lên thì mới chán nản, bấy giờ cũng như nàng công chúa vào buổi chiều, lắc đầu không thích xâu chuỗi hạt nước nữa, khi đó nhà Vua sẽ cho một xâu chuỗi kim cương thật đẹp và đời đời không hư hoại. Kim cương đó là kim cương Bát-nhã, chính cái đó mới không mất không hoại. Kinh này ví dụ là kim cương.

Như vậy quý vị thấy bao nhiêu hạt nước lóng lánh đổi được xâu chuỗi kim cương? Khi được xâu chuỗi kim cương rồi quý vị mới thấy giá trị xâu chuỗi kim cương là hơn. Giả sử có ai nói gạt quý vị: Tôi đem những xâu chuỗi hạt nước lóng lánh đổi chuỗi kim cương của anh thì quý vị nghĩ sao? Dù đem tất cả những hạt nước lóng lánh đầy bầu trời ra đổi, quý vị cũng không bằng lòng phải không? Bởi vì cái đó là giả. Chỉ khi nào còn mê như nàng công chúa thì mới ham thích. Đến khi nó qua kẽ tay rơi mất thì khi ấy hết thích, không còn thích nữa thì được xâu chuỗi thật. Cũng như thế khi người ta chán cả hạnh phúc thế gian rồi, đức Phật chỉ cho chúng ta cái chân thật, chừng đó chúng ta được một xâu chuỗi đời đời không hoại. Cho nên cái chân thật có giá trị vô lượng vô biên không thể bì, dù đem bao nhiêu cái giả dối cũng không sánh được. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy đức Phật nhắc đi nhắc lại giá trị kinh Kim Cang, chỉ trì bốn câu kệ là phước đức hơn

bao nhiêu của báu thế gian. Quý vị thấy chúng ta giống mấy đứa trẻ độ mười hai, mười ba tuổi hay làm nũng phải không? Cứ chạy đuổi theo những hạt nước lóng lánh trên lá cây hay từ mái nhà rơi xuống hay những bong bóng nước mưa; cứ mãi đuổi bắt những cái đó mà quên mất. Nếu quý vị trở lại với đức Phật, chừng đó mới được cái chân thật. Thế nên giá trị của người học đạo không thể tính được, không có gì so sánh được. Còn những điều thế gian ca ngợi chỉ là trong đời đời, trong tạm bợ thôi, khi chưa được thì mình thấy nó quý, nắm được rồi thì nó lại qua kẽ tay rơi mất chứ không có gì tồn tại lâu dài, vậy mà người đời cứ mãi chìm mê trong đó. Vì vậy chúng ta thấy lời Phật dạy rất đúng khi Ngài bảo rằng công đức trì kinh hơn tất cả của báu thế gian.



ĐOẠN 12

ÂM:

TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO.

Phục thứ Tu-bồ-đề! Tùy thuyết thị kinh nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ, nhất thiết thế gian thiên nhân A-tu-la giai ưng cúng dường như Phật tháp miếu, hà huống hữu nhân tận năng thọ trì, độc tụng. Tu-bồ-đề! Đương tri thị nhân thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi pháp. Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

DỊCH:

TÔN TRỌNG KINH ĐIỂN CHÂN CHÁNH.

Lại nữa này Tu-bồ-đề, tùy nơi nói kinh này cho đến bốn câu kệ v. v... nên biết chỗ này, tất cả thế gian trời, người, A-tu-la đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, huống nữa có người trọn hay thọ trì đọc tụng. Này Tu-bồ-đề, nên biết người ấy thành tựu pháp tối thượng đệ nhất hy hữu. Nếu kinh này ở chỗ nào ắt là có Phật hoặc là những đệ tử lớn của Phật.

GIẢNG:

Đây nói về việc tôn trọng kinh. Như chúng ta đã biết trong phần trước, vì kinh này chỉ thẳng cái thể chân thật bất sanh bất diệt cho nên nó có giá trị vô lượng vô biên không

gì sánh được. Thế nên người biết được giá trị của kinh này thì ở chỗ nào có nói kinh này, dù là cõi người hay cõi trời cũng phải quý kính như là tháp miếu của Phật. Vì sao? Vì biết kinh đó chỉ cho chúng ta thấy được lẽ thật. Lẽ thật đó là cái cứu kính ít có trên thế gian này, nên kinh nói ra những lẽ thật đó chúng ta phải quý kính. Như vậy chỗ nói kinh, lời dạy của kinh mình đã quý hướng nữa là người thọ trì đọc tụng kinh. Thế nên đối với người thọ trì, đọc tụng kinh mình cũng phải quý kính, biết người ấy là người được pháp tối thượng đệ nhất hy hữu, nghĩa là tối thượng đệ nhất ít có. Do đó nói kinh này ở chỗ nào tức chỗ đó có Phật hoặc là có đệ tử lớn của Phật.

Tuy nhiên chúng ta đừng hiểu lầm, cứ đóng cái khám đẹp, sơn son phết vàng rồi đem quyển kinh để trong đó thờ và nói chỗ đó có Phật. Như vậy Phật hiện được không? Kinh chẳng qua là chữ, là mực là giấy để viết chữ. Vậy kinh này cũng chỉ là giấy mực mà thôi, chứ không có giá trị siêu thoát gì cả, siêu thoát chẳng là nhân chúng ta đọc, hiểu, ứng dụng tu, chứ nếu chúng ta cứ để thờ, lạy hoài thì cũng trở thành mê tín thôi. Chúng ta nhân nơi kinh này mà hiểu đạo, hiểu đạo thì biết kinh này là quý. Quý là nhân nó mà hiểu đạo chứ không phải nghe nó quý rồi để thờ hoài. Vì vậy chúng ta hiểu ý nghĩa lời Phật dạy, giá trị của lời dạy cao siêu tuyệt đỉnh nên chúng ta rất quý trọng kinh này. Kinh đã quý thì người thọ trì đọc tụng lại càng quý hơn nữa. Thế nên kết luận là chúng ta phải trọng kinh và trọng người trì kinh. Đó là ý nghĩa chân chánh.



ĐOẠN 13

ÂM:

NHƯ PHÁP THỌ TRÌ.

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì? Phật cáo Tu-bồ-đề: Thệ kinh danh vi Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật, dĩ thị danh tự nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật tức phi Bát-nhã ba-la-mật, thị danh Bát-nhã ba-la-mật. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ? Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới phi thế giới thị danh thế giới. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.

- Tu-bồ-đề, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng bố thí, nhược phục hữu nhân ư thủ kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa.

DỊCH:

ĐÚNG PHÁP THỌ TRÌ.

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thế nào là tên của kinh này, chúng con làm sao tụng trì? Phật bảo Tu-bồ-đề: Kinh này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, do danh tự ấy ông nên tụng trì. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức không phải Bát-nhã ba-la-mật, ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nói pháp chăng? Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói pháp.

- Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần, ấy là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

- Nay Tu-bồ-đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới không phải thế giới ấy gọi là thế giới. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn không vậy! Không thể do ba mươi hai tướng được thấy Như Lai. Vì có sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng.

- Nay Tu-bồ-đề nếu có người thiện nam, người thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, hoặc lại có người ở trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v. v... vì người khác nói thì phước này rất là nhiều.

GIẢNG:

Kinh này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Như tôi đã nói trong đoạn trước Kim Cang là chỉ cho kim cương của thế gian, vì kim cương là chất quý và cứng nhất hay

phá hoại mọi kim loại khác mà các thứ khác không phá hoại được nó. Trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ bất sanh bất diệt hay phá hoại tất cả pháp sanh diệt của thế gian, hay thấu suốt được tất cả các pháp sanh diệt của thế gian, nên ví dụ trí tuệ đó như là kim cương, do đó nói là Kim Cang Bát-nhã. Trí tuệ đó là trí tuệ cứu kính viên mãn nên nói là ba-la-mật. Như vậy tên kinh này là trí tuệ thấu suốt tất cả pháp và trí tuệ đó được tròn đầy, được viên mãn. Vậy người phụng trì phải phụng trì như thế, tức là phải sống được với cái trí tuệ đó mới gọi là phụng trì kinh này hay thọ trì kinh này. Vì có sao? Đây Tu-bồ-đề, Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức không phải Bát-nhã ba-la-mật ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Khi nói đến Bát-nhã ba-la-mật tức là trí tuệ cứu kính thì không phải là trí tuệ cứu kính, bởi vì còn có ngôn thuyết là còn có giả danh giả tướng không phải là thật thể, vì thế nên không phải là Bát-nhã ba-la-mật, nhưng tùy theo thế gian mà lập danh nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nói pháp chăng? Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói pháp. Quý vị thấy thầy trò nói chuyện nghe sao khó hiểu quá! Phật đang giảng kinh mà hỏi Như Lai có thuyết pháp không thì Ngài Tu-bồ-đề trả lời rằng Như Lai không có thuyết pháp. Tại sao đang giảng kinh mà nói không có thuyết pháp? Quý vị hãy nhớ đoạn trước nói còn thấy có sở đắc là còn có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Ở đây nếu còn thấy mình nói kinh thì còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, thế nên nói Phật không nói pháp.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần, ấy là nhiều chăng? Tôi không muốn nói tam thiên đại thiên thế giới e quý vị khó hiểu. Quả địa cầu (hay trái đất) có bao nhiêu hạt bụi, bụi nhiều không? Quý vị trả lời xem? Ngài Tu-bồ-đề thưa rằng: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! - Này Tu-bồ-đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là vi trần. Sao lạ vậy? Vi trần là những hạt bụi rất nhỏ. Trong đoạn trước quý vị thấy đức Phật hỏi: Thân như núi Tu-di Chúa có lớn chăng? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Rất lớn, nhưng Ngài nói thêm: Không phải thân, ấy gọi là thân lớn. Lớn như núi Tu-di hay nhỏ như hạt bụi đức Phật cũng bảo không phải hạt bụi, ấy gọi là hạt bụi. Tại sao? Thường chúng ta cứ nghĩ rằng cái lớn là do duyên hợp còn cái nhỏ như hạt bụi đâu phải do duyên hợp. Chúng ta cứ tưởng những khối đất có là do những hạt bụi hợp lại, hạt bụi là đơn vị cuối cùng của một khối đất, nhưng không ngờ chính hạt bụi đó cũng chưa phải là cuối cùng nữa. Hiện nay khoa học chứng minh cho chúng ta thấy đơn vị nhỏ như hạt bụi vẫn là một hợp thể do các đơn vị khác hợp lại. Ngay đến nguyên tử cũng chưa phải là đơn vị cuối cùng. Như thế mới thấy rõ lời Phật dạy: Phàm những gì có tướng dù nhỏ như hạt bụi cũng đều là tướng duyên hợp. Thế nên ở đây Ngài nói: Vi trần không phải là vi trần ấy mới gọi là vi trần. Vi trần cũng là tướng duyên hợp cho nên chỉ giả danh mà gọi là vi trần, nhưng sự thật nó không phải là một nguyên thể, một đơn vị cuối cùng.

Như Lai nói thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới. Nói thế giới thì dễ hiểu rồi vì nó to quá, thế giới là tướng duyên hợp. Qua hai đoạn này chúng ta thấy rõ, lớn như thế giới cũng là tướng duyên hợp không có tự thể, thật nhỏ như vi trần cũng là tướng duyên hợp không tự thể, nên không phải thế giới, vi trần, ấy tạm gọi là thế giới, là vi trần.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng? Bạch Thế Tôn, không vậy, không thể do ba mươi hai tướng được thấy Như Lai. Vì có sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng, ấy gọi là ba mươi hai tướng. Ban đầu đức Phật nói vi trần, là những đơn vị hợp thành thế giới, rồi Ngài nói đến thế giới; vi trần là tướng duyên hợp không thật thì thế giới cũng là tướng duyên hợp không thật. Đến thân Phật có thật hay không? Nhiều khi phân tích bên ngoài thì thấy không thật nhưng đến khi trở về mình liền thấy là thật, đó là cái bệnh của phàm phu chúng ta. Thí dụ cái đồng hồ không thật vì mở từng cái chốt, từng bộ phận ra thì không có cái đồng hồ, chúng ta biết nó không thật, nhưng chúng ta đâu có tự mở chúng ta được phải không? Vì vậy cứ thấy mình là thật! Đức Phật phân tích thế giới vi trần bên ngoài rồi trở về ngay nơi thân Ngài để chỉ dạy chúng ta. Ngài hỏi có thể do ba mươi hai tướng thấy Như Lai không? Thường chúng ta thấy trong sử diễn tả đức Phật có tám mươi vẻ đẹp và ba mươi hai tướng tốt. Nhưng khi đặt câu hỏi: Phải do ba mươi hai tướng tốt mà thấy Như Lai chăng thì ngài Tu-bồ-đề trả lời là không thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai. Tại sao? Vì ba mươi hai tướng không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng. Như vậy để chúng ta đừng làm cho thân này là thật. Phật là tánh giác không sanh không diệt, là trí tuệ kim cang không sanh không diệt, còn ba mươi hai tướng là tướng sanh diệt. Nếu cho ba mươi hai tướng là Phật thì Phật là sanh diệt rồi, thế nên không thể do ba mươi hai tướng thấy Như Lai. Tại sao? Vì Như Lai nói rằng ba mươi hai tướng không phải ba mươi hai tướng, ấy gọi là ba mươi hai tướng. Ba mươi hai tướng là tướng duyên hợp nên nó không có tự thể, nó không thật nhưng tùy theo giả danh của thế gian, gọi là ba mươi hai tướng. Ba mươi hai tướng của Phật còn không có thật thể thì cái thân không có được một tướng tốt nào, không có được một điểm đáng kể của chúng ta có thật được không? Vậy mà chúng ta thấy nó là thật! Thân Phật có tám mươi vẻ đẹp, ba mươi hai tướng tốt mà Ngài còn bảo là giả, huống nữa là cái thân xấu xí của chúng ta mà là thật được sao? Vậy mà ai cũng chấp nó là thật, cứ bám vào nó rồi vì nó tạo không biết bao nhiêu thứ nghiệp.

Này Tu-bồ-đề, nếu có người thiện nam, thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, hoặc lại có người ở trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v. v... vì người khác nói thì phước này rất là nhiều. Phước này hơn phước của người kia, tức là hơn phước của người bố thí thân rất nhiều. Ở đây, quý vị thấy lời dạy của Phật có hệ thống rõ ràng. Trước hết Ngài phân tích thân ba mươi hai tướng của Phật là giả, thân Phật là giả thì thân của chúng ta đâu có thật. Vì không thật nên đem thân này nhiều như cát

sông Hằng ra bố thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Kim Cang là trí tuệ chân thật, còn thân này là tướng duyên hợp hư giả, dù đem bao nhiêu thân mạng hư giả cũng không sánh được với trí tuệ chân thật. Chúng ta cho thân mạng là của báu tối thượng, nhưng đem bao nhiêu thân mạng hư giả đó ra bố thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Đoạn này chỉ phước của người trì kinh hơn.



ĐOẠN 14

ÂM:

LY TƯỚNG TỊCH DIỆT.

Nhĩ thời Tu-bồ-đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn: Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã từng tích lai sở đắc tuệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh. Thế Tôn! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh tác sanh thật tướng, đương tri thị nhân thành tựu đệ nhất hy hữu công đức. Thế Tôn! Thị thật tướng giả tức thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thật tướng. Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì, bất túc vi nan. Nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tác vi đệ nhất hy hữu. Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật.

Phật cáo Tu-bồ-đề: Như thị, như thị! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị nhân, thậm vi hy hữu! Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết đệ nhất ba-la-mật, tức phi đệ nhất ba-la-mật, thị danh đệ nhất ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai thuyết phi nhẫn nhục ba-la-mật thị danh nhẫn nhục ba-la-mật. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như ngã tích vi Ca-lợi vương cát tiệt thân thể, ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận. Tu-bồ-đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bách thế tác nhẫn nhục tiên nhân, ư nhĩ sở thể vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Thị cố, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ưng ly nhất thiết tướng phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng

sanh vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ, tắc vi phi trụ. Thị cổa Phật thuyết Bồ-tát tâm bất ưng trụ sắc bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vị lợi ích nhất thiết chúng sanh, ưng như thị bố thí. Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng tức thị phi tướng hựu thuyết nhất thiết chúng sanh tức phi chúng sanh. Tu-bồ-đề! Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thật vô hư. Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí như nhân nhập ám tắc vô sở kiến. Nhược Bồ-tát tâm bất trụ pháp nhi hành bố thí như nhân hữu mục, nhật quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc. Tu-bồ-đề! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân năng ư thử kinh thọ trì độc tụng tức vi Như Lai dĩ Phật trí tuệ, tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

DỊCH:

LÀ TƯỚNG TỊCH DIỆT.

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề nghe Phật nói kinh này, hiểu sâu được nghĩa thú, rơi lệ đầm dề bạch Phật rằng: Đức Thế Tôn! Rất ít có. Phật nói kinh điển sâu xa như thế, con từ trước đến giờ đã được tuệ nhãn mà chưa từng được nghe kinh như thế. Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng, nên biết người ấy thành tựu được công đức ít có bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy tức không phải tướng, thế nên Như Lai nói tên là thật tướng.

Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì không đủ làm khó. Nếu đời sau, khoảng năm trăm năm về sau, lúc đó có những chúng sanh được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy ắt là ít có bậc nhất. Vì có sao? Vì người này không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì có sao? Vì tướng ngã tức không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải tướng. Vì sao? Vì lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế! Nếu lại có người được nghe kinh này, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết người ấy rất là ít có. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề! Như Lai nói đệ nhất ba-la-mật tức không phải đệ nhất ba-la-mật ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục ba-la-mật ấy gọi là nhẫn nhục ba-la-mật. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề như thuở xưa ta bị vua Ca-lợi (Kali) cắt đứt thân thể, ta khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì có sao? Ta thuở xưa khi thân thể bị cắt ra từng phần nếu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, lẽ nên sanh sân hận. Tu-bồ-đề! Lại nhớ thuở quá khứ năm trăm đời, ta làm tiên nhân nhẫn nhục, vào thuở ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Thế nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm,

chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ. Thế nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ sắc mà bồ thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bồ thí. Như Lai nói tất cả các tướng tức là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sanh tức không phải chúng sanh.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời không dối, lời chẳng khác. Này Tu- bồ-đề! Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bồ thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy. Nếu Bồ-tát tâm không trụ pháp mà hành bồ thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi, thấy các thứ hình sắc. Này Tu-bồ-đề! Ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong kinh này thọ trì đọc tụng ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.

GIẢNG:

Trong phần trước, quý vị thấy đức Phật đã phân giải rõ ràng. Ngài Tu-bồ-đề nghe Phật nói, hiểu sâu được nghĩa thú của kinh, Ngài rơi lệ đầm dề. Ngài rơi lệ đầm dề là tại sao? Có phải vì Ngài tui thân không? Đây là Ngài lãnh hội được tức Ngài ngộ đạo. Thường người nào nghe kinh hay đọc kinh đến chỗ mình hiểu tự nhiên sung sướng liền cười, hoặc cảm động liền khóc. Khóc và cười đều nói lên chủng duyên sẵn có với kinh đó, vì mình có duyên với chỗ mình đã lãnh hội, thành ra khóc và cười là hai trạng thái của sự ngộ đạo. Khi được ngộ thì hoặc có người cười ha hả, hoặc có người khóc sụt sùi. Ở đây ngài Tu-bồ-đề nghe Phật nói đến chỗ này, lãnh hội được nghĩa thú nên Ngài khóc. Cũng như ngài Khuê Phong Tông Mật khi đọc kinh Viên Giác rồi cũng khóc. Đó là cái khóc lãnh hội chứ không phải cái khóc buồn tui chi hết. Hiểu như thế thì khi nào đọc kinh đến chỗ hiểu rồi, quý vị có những trạng thái như vậy thì biết mình lãnh hội được phần nào trong chỗ đó.

Sau khi lãnh hội được nghĩa thú sâu xa, ngài Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Thật là ít có. Phật nói kinh điển sâu xa như vậy, con từ trước đến giờ đã được tuệ nhãn, tức là chứng A-la-hán, mà chưa từng được nghe kinh như thế. Qua lời của ngài Tu-bồ-đề quý vị thấy chúng ta còn nhục nhãn mà được nghe thì thật là phước vô lượng vô biên. Ngài đã được tuệ nhãn mà chưa từng được nghe, đến bây giờ mới được nghe, còn chúng ta còn nhục nhãn, còn phàm phu mà được nghe thì thật là quý vô cùng.

Ngài Tu-bồ-đề nói tiếp: Bạch Thế Tôn, nếu có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh, ắt sanh thật tướng. Người nghe kinh này mà tin một cách đúng đắn trong sạch, người đó sanh thật tướng. Thật tướng là gì? Thật tướng tức là phi tướng. Có chỗ khác nói thật tướng tức là vô tướng. Tướng không là đối với tướng có, có đối với không, thành ra cái có là giả thì cái không là đối đãi, nên cũng không thật. Danh từ có không là đối đãi

không thật, còn thật tướng không thuộc tướng không và tướng có nên nói là vô tướng. Nó không nằm trong tướng có tướng không, nó là tánh giác không có tướng mao, thế nên nói thật tướng không phải tướng. Người nào tin được kinh này một cách trong sạch thì người đó sanh thật tướng. Tại sao? Vì chúng ta tin được kinh này một cách đúng đắn thì chúng ta không còn chấp ngã là thật, không chấp nhân là thật, không chấp cảnh là thật... Tất cả đều không thật. Chúng ta dùng trí tuệ đó nhìn tất cả pháp nên không bị các pháp lôi, không bị các pháp làm mình loạn, do đó tướng chân thật tức cái tâm thể chân thật hiển lộ nên gọi là sanh thật tướng. Người được như thế thì thành tựu được công đức mà trần gian này rất ít có. Tuy nhiên khi nói thật tướng, Ngài sợ chúng ta chấp danh từ thật tướng là thật, nên Ngài thưa: Bạch Thế Tôn thật tướng đó tức không phải tướng, thế nên Như Lai nói tên là thật tướng.

Đến đây thương cho người sau, Ngài thưa: Nay con được nghe kinh điển này rồi tin hiểu thọ trì không đủ làm khó. Tại sao? Vì Ngài đã có tuệ nhân nên nghe cao hơn một chút nữa cũng nhận hiểu, ngộ và ứng dụng tu. Còn sau khi Phật nhập Niết-bàn khoảng năm trăm năm, khi đó có những chúng sanh được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy ắt là ít có bậc nhất. Nếu sau Phật Niết-bàn năm trăm năm, còn trong thời tượng pháp, người nghe kinh này, tin hiểu, thọ trì thì gọi là đệ nhất ít có. Hiện nay chúng ta sau đến hơn hai ngàn năm, vào đời mạt pháp, nghe kinh tin hiểu thì gọi là ít có thứ mấy? Tức là không biết dùng thứ mấy để tính nữa! Điều này cho thấy rằng tất cả chúng ta ở vào thời sau Phật thật xa mà được nghe kinh rồi hiểu, ứng dụng tu thì thật quý vô kể, không còn dùng ngôn từ nào nói cho xứng. Vậy còn ai tui thân là hiện nay mình mới tu thì đã trễ rồi không? Chúng ta được nghe, được thọ trì, như vậy là đại phước rồi, quý vô cùng rồi, chỉ có điều nghe mà không chịu hiểu, không thọ trì, đó mới đáng buồn thôi. Nếu nghe, tin hiểu thọ trì thì không có gì đáng buồn cả.

Ngài Tu-bồ-đề liền đặt câu hỏi tiếp: Vì có sao? Vì người này không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Tại sao? Vì khi nhận được kinh này tức là sống với trí tuệ Bát-nhã; đã sống với trí tuệ Bát-nhã thì đâu còn thấy có mình thật, người thật... Nếu nghe, hiểu mà còn thấy mình thật, người thật, đó là hiểu ngoài da, đó là chưa thật hiểu. Bởi vì kinh này nói ngã tướng không thật, nhân tướng không thật..., tất cả tướng đều không thật, nếu thấy có mình thật thì đâu hiểu kinh. Thế nên người tin hiểu thọ trì kinh này thì bốn tướng không còn, bốn tướng không còn tức là bậc Thánh rồi. Người đó công đức rất là hy hữu. Vì có sao? Vì tướng ngã tức không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải tướng, những tướng đó đều hư giả không thật. Vì có sao? Vì lìa tất cả tướng, ấy gọi là chư Phật. Câu này xác định một điều hết sức quan trọng. Ngài giải thích: Tướng ngã không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tất cả tướng này đều không phải tướng, mà không phải tướng thì chúng ta đừng dính mắc, đừng chấp, do đó chúng ta lìa được tất cả tướng, ấy gọi là chư Phật. Lìa

tất cả tướng, đó là Phật. Dễ hay khó? Chịu khó lìa các tướng thì được. Nếu còn thấy có mình thật thì chưa lìa. Vì chưa lìa nên không phải là Phật. Tất cả tướng, tướng mình, tướng người v. v... đều là hư giả, đã là giả thì có cái nào nên chấp đâu. Không chấp đó là sanh tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là Phật. Trái lại, nếu còn chấp, đó là chúng sanh, thế nên nói lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật. Vì tất cả tướng là giả dối, chấp cái giả đó là mê, biết giả dối không chấp, đó là giác, giác tức là Phật. Thật là đơn giản, nhưng vì tập quán lâu đời nên thành khó. Ngồi suy nghĩ ai không biết mình là giả. Thân là một túi đồ dơ bên trong chứa máu v. v... bên ngoài là da thịt, da thì kỳ cọ ra đất bọt, máu chảy ra thì có mùi tanh, trong thân chỗ nào hư đem cắt bỏ ra thì hôi thúi... Vậy mà cứ nói nó thật là mình, không phải mê muội là gì? Vì cứ mê lầm chấp thật nên làm chúng sanh kiếp kiếp. Bây giờ biết nó là giả, biết mình giả, thì biết người cũng giả, do đó các tướng chúng sanh, thọ giả... cũng đều giả, tất cả sự vật có tướng cũng là giả thì không còn bám vào các tướng. Không bám tức là ly, ly tức là giác. Thật là đơn giản! Chấp thì mê, lìa thì giác, thế nên nói lìa các tướng đó là Phật. Thật là gần! Đang nắm là chúng sanh, buông ra là Phật. Tại sao không biết buông bỏ? Không biết ma lực nào cứ bắt chúng ta nắm mà không chịu buông. Biết buông bỏ là Phật, đâu có gì khó, vậy mà cứ nắm giữ để làm chúng sanh rồi chịu luân hồi sanh tử. Thật là mê muội làm sao!

Ngài Tu-bồ-đề nói xong, đức Phật khen ngợi: Đúng thế, đúng thế, đúng như lời ông nói, lìa tất cả tướng là chư Phật. Nếu lại có người được nghe kinh này không kinh, không hãi, không sợ nên biết người ấy rất là ít có. Trong đoạn trước ngài Tu-bồ-đề nói: Nghe kinh này, thọ trì đọc tụng là ít có. Đến đây Phật hạ thấp xuống một tầng nữa: Nghe kinh này không kinh, không hãi, không sợ cũng rất là ít có. Vì như trong đoạn trước có ví dụ đem của báu đầy đầy thế giới bồ thí cũng không bằng trì kinh này, đem thân mạng bằng số cát sông Hằng bồ thí cũng không bằng trì kinh này, nghe vậy ai mà không kinh không sợ? Chúng ta nghe, hiểu, không kinh, không sợ cũng là việc ít có.

Vì có sao? Đây Tu-bồ-đề, Như Lai nói đệ nhất ba-la-mật tức không phải đệ nhất ba-la-mật ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật. Ba-la-mật nghĩa là đến bờ kia hay nghĩa là cứu kính. Cái cứu kính bậc nhất không phải là cứu kính bậc nhất, bởi vì lập ra cái cứu kính đó cũng là ngôn thuyết. Cứu kính tức là tuyệt đối, nhưng lập cái tuyệt đối cũng là đối với cái tương đối mà lập, nên cũng là hư giả không thật, chỉ tùy theo thế gian mà lập thôi, ấy gọi là cứu kính bậc nhất.

Tu-bồ-đề, nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục ba-la-mật ấy gọi là nhẫn nhục ba-la-mật. Trong lục độ, bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đức Phật nói đến nhẫn nhục ba-la-mật tức là nhẫn nhục cứu kính. Nhẫn nhục cứu kính không phải nhẫn nhục cứu kính, vì trong sự nhẫn nhục còn sức chịu đựng của thân và tâm, mà thân tâm là tướng giả cho nên sức chịu đựng đó cũng là cái tướng của duyên

hợp chớ không thật; dù sự chịu đựng đó đến tột đỉnh cũng vẫn là tướng duyên hợp hư giả, chỉ theo thể gian tạm gọi là nhẫn nhục cứu kính.

Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, như ta thuở xưa bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, ta khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì có sao? Thuở trước khi thân bị cắt đứt từng phần nếu ta còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì nên sanh sân hận! Đức Phật dẫn rằng: Thuở xưa, có một lần đức Phật tu hạnh nhẫn nhục, khi vua Ca-lợi đến hỏi: Ngài thật tu hạnh nhẫn nhục không? Ngài đáp: Tôi thật tu hạnh nhẫn nhục. Nhà vua liền lấy gươm cắt từng mảnh thịt của Ngài rồi hỏi: Ngài có giận tôi không? Ngài nói: Ta không giận. Phật bảo nếu Ngài còn thấy tướng ngã, tướng nhân thì khi thân bị cắt đứt từng phần, làm sao không giận được. Như chúng ta hiện nay, đừng nói là cắt thịt, giả sử có ai nhổ sợi tóc, sợi râu chúng ta có giận không? Hẳn là giận. Tại sao? Vì tướng ngã lớn quá nên động tới là giận, còn Ngài vì không còn tướng ngã nên cắt thịt cũng không giận. Thế nên người hay sân là ngã to lắm, động tới thân mình cũng sân, động tới tên, tới danh dự mình cũng nổi sân.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, ta nhớ thuở quá khứ năm trăm đời làm vị tiên nhân nhẫn nhục, khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Thế nên Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ. Thế nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ sắc mà bố thí. Đến đây đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ nếu còn trụ nơi ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì còn sân hận, sự nhẫn nhục không đến chỗ cứu kính. Ngài nói rằng: Chẳng những trong một đời Ngài đã từng nhẫn nhục, mà cả năm trăm đời Ngài nhẫn nhục đến chỗ cứu kính là do Ngài không có bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì thế Ngài khuyên tất cả các vị Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm cầu thành Phật. Kể cả chúng ta bây giờ khi tu cũng nên tập lìa tất cả tướng. Phát tâm cầu thành Phật thì phải lìa tất cả tướng. Muốn lìa tất cả tướng thì phải làm sao? Không nên trụ tức không nên kẹt nơi sắc sanh tâm bồ-đề, không kẹt nơi thanh hương vị xúc pháp sanh tâm bồ-đề, nên sanh tâm không chỗ trụ, vì còn có chỗ trụ tức là còn kẹt. Tôi thường thí dụ như trên bàn có bao kiếng, có ly, đồng hồ v. v... năm, bảy vật, nếu tay tôi nắm vật này thì tôi mắc kẹt vật này. Khi tay tôi nắm vật là tôi động hay là tôi trụ? Chấp là một hình tướng bám chặt, bám chặt tức là động chớ đâu phải an trụ. Thế nên trong năm, bảy vật ở trên bàn, tôi không nắm một vật nào thì đó mới là an. An trụ như thế mới gọi là tâm bồ-đề. Trái lại, nếu còn bám vào một vật thì tâm còn đang động, động tức là sanh diệt, đâu phải bồ-đề. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tâm bồ-đề viên mãn, mà tâm bồ-đề viên mãn là không dính bất cứ một cái nào. Thế nên đối với các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả hay đối với tất cả pháp sắc thanh hương vị xúc pháp, chúng ta không dính một cái nào thì tâm không dính mắc, đó là tâm bồ-đề. Muốn cầu bồ-đề thì phải phát tâm đó, còn nếu tâm

duyên theo bất cứ một cái nào cũng không phải là bồ-đề. Như thế quý vị thấy khó hay dễ? Nó có sẵn nơi chúng ta, chỉ không dính tức là không duyên theo cái nào, không kẹt với cái nào thì đó là tâm bồ-đề, không có gì xa lạ cả. Vì thế mà đức Phật khuyên các vị Bồ-tát, tâm không nên trụ sắc bố thí v. v... tức là không nên bám vào sắc mà phải buông xả.

Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bố thí. Vì làm lợi ích cho tất cả chúng sanh nên không bám vào một hình tướng nào, hoặc đừng bám vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả hoặc đừng bám vào sắc thanh hương vị xúc pháp, đó mới là người chân thật lợi ích cho chúng sanh.

Như Lai nói tất cả tướng tức không phải tướng. Phật xác định rằng tất cả tướng đều là duyên hợp hư giả, nên đều không phải tướng. Lại nói tất cả chúng sanh tức không phải chúng sanh, vì chúng sanh cũng là hư giả. Các tướng chỉ cho sắc thanh hương vị xúc pháp, chúng sanh chỉ cho ngã nhân chúng sanh thọ giả. Như vậy cả hai đều hư giả. Hiện nay chúng ta đang kẹt ở chỗ nào? Trong thì ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, ngoài thì sắc thanh hương vị xúc pháp, chỉ hai cái đó thôi, mà cả hai Phật đều xác nhận là giả. Cả hai đều giả mà chúng ta cứ dính mắc hoài nên làm chúng sanh đời đời. Thử hỏi chùng nào thành Phật, quý vị trả lời xem? Chùng nào lìa hết các tướng thì thành Phật, còn khi chưa lìa thì chưa thành Phật. Như vậy ai trả lời câu "Chùng nào thành Phật" cho quý vị? Mỗi người phải tự trả lời. Nếu buông được phân nửa thì được phân nửa thành Phật, nếu buông được trọn vẹn thì tin chắc phải thành Phật trọn vẹn.

Này Tu-bồ-đề, Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời chẳng dối, lời chẳng khác. Phật xác định rằng lời Ngài nói là chân thật, là như như, là không dối, không khác để cho chúng ta đủ niềm tin, chớ nhiều khi nghe Phật nói chúng ta còn ngờ vực. Phật xác nhận lời Ngài là chân thật v. v... như vậy chúng ta chịu tin chưa? Lòng từ bi của Phật thật là vô cùng, nói đúng lẽ thật rồi mà còn sợ chúng ta không chịu tin nên phải xác nhận lời Ngài là chân thật v. v...

Ngài bảo tiếp: Này Tu-bồ-đề, Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư. Vì pháp Phật được không kẹt ở hai bên. Nói hư, nói thật là nói hai bên, mà pháp Phật được là thoát tất cả đối đãi cho nên nói không thật, không hư.

Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bố thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy, nếu Bồ-tát tâm không trụ pháp mà hành bố thí như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi thấy được các thứ hình sắc. Trong đoạn này đức Phật nói về hiệu dụng của người làm lợi ích chúng sanh. Nếu chúng ta làm lợi ích chúng sanh mà còn kẹt trong cái chấp tướng ngã và pháp thì, tuy làm việc phước mà như người có mắt vào nhà tối, tuy có mắt nhưng nào có thấy gì! Còn người làm lợi ích chúng sanh

mà không chấp tướng thì như người có mắt sáng lại được ánh sáng mặt trời chiếu soi, người đó thấy tất cả không có nghi ngờ, làm đến đâu thì sáng đến đấy.

Này Tu-bồ-đề, ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong kinh này thọ trì đọc tụng, ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức. Đức Phật xác nhận một lần nữa: Về sau nếu người nào hoặc là nam, hoặc là nữ, đối với kinh Kim Cang mà thọ trì, đọc tụng thì Phật dùng trí tuệ Phật thấy rõ người này và biết rõ người này sẽ thành tựu công đức vô lượng vô biên không một chút nghi ngờ. Quý vị muốn được công đức vô lượng vô biên hay không? Nếu muốn được công đức vô lượng vô biên thì y theo lời Phật dạy mà ứng dụng tu, mà thọ trì, nhất định công đức không thể kể hết. Như vậy quý vị thấy công đức nào là tối thượng? Công đức của những việc làm bằng hình thức ở bên ngoài với công đức thọ trì kinh Kim Cang, công đức nào tối thượng? Nên rán chọn cái tối thượng mà làm cho xứng công của mình.



ĐOẠN 15

ÂM:

TRÌ KINH CÔNG ĐỨC.

Tu-bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, sơ nhật phần, dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, trung nhật phần phục dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, hậu nhật phần diệc dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí. Như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân bố thí. Nhược phục hữu nhân văn thử kinh điển, tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ, hà huống thử tả, thọ trì đọc tụng vị nhân giải thuyết. Tu-bồ-đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xưng lượng, vô biên công đức, Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhân năng thọ trì đọc tụng, quảng vị nhân thuyết, Như Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xưng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức. Như thị nhân đẳng tắc vi hà đẳng Như Lai A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thọ đọc tụng, vị nhân giải thuyết. Tu-bồ-đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ tắc vi thị tháp, giai ưng cung kính tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ.

DỊCH:

CÔNG ĐỨC TRÌ KINH.

Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ, buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, như thế vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp đem thân mạng bố thí. Nếu lại có người nghe kinh điển này, lòng tin không nghịch, phước của người này hơn phước của người kia, huống là chép viết, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói.

Này Tu-bồ-đề! Tóm tắt mà nói, kinh này có công đức vô biên không thể nghĩ, không thể lường. Như Lai vì những người phát tâm Đại thừa mà nói, vì những người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người hay thọ trì đọc tụng, rộng vì người nói, Như Lai ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu công đức không thể lường, không thể tính, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn. Những người như thế tức là gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Phật. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu người thích pháp nhỏ tức chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả tức là đối với kinh này không thể lắng nghe, thọ trì, đọc tụng vì người giải nói. Này Tu-bồ-đề! Ở nơi nào nếu có kinh này thì tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường, nên biết chỗ này tức là tháp, đều nên cung kính làm lễ vây quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải cúng nơi ấy.

GIẢNG:

Trong đoạn này đức Phật nói về công đức trì kinh Kim Cang. Quý vị nhớ trong đoạn trước đức Phật đã từng nói, giả sử như đem bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí, cũng không bằng công đức trì kinh này. Ở đây Ngài lại nói nếu có người buổi sáng đem thân của mình nhiều bằng số cát sông Hằng để bố thí, buổi trưa đem thân nhiều bằng số cát sông Hằng bố thí, buổi chiều cũng như vậy thì một ngày bố thí chừng bao nhiêu thân? Chỉ buổi sáng cũng tính không hết! Lại không phải chỉ một ngày mà trải vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp thì bố thí chừng bao nhiêu thân? Đem thân bố thí nhiều như vậy mà nếu có người nghe kinh Kim Cang, lòng tin không nghịch thì phước của người này còn hơn phước của người đó, quý vị tin nổi không? Giả sử có ai nói: Người đem thân bố thí, ai cần mũi thì cho mũi, ai cần tai thì cho tai, cần phần nào trong thân thể đều cho hết không tiếc, với người nghe kinh này tin nhận, thọ trì thì phước của người thọ trì kinh hơn phước của người bố thí, điều đó chúng ta còn chưa tin thay! Cho cái mũi đâu phải dễ, cho cái tai đâu phải dễ, vậy tại sao cái khó làm có phước ít hơn cái dễ làm? Phần nhiều nếu so sánh thì cái khó làm phải có công đức nhiều hơn cái dễ làm. Tại sao ở đây Phật bảo cái dễ công đức nhiều, cái khó công đức ít? Chỉ bố thí một

thân thôi mà còn không làm nổi, huống nữa là vô lượng thân trong vô lượng kiếp, thế mà phước lại thua người trì kinh, thật là khó hiểu! Cho nên nói: Phật nếu nói đủ, người ta sẽ hoang mang, hồ nghi, không tin. Thật ra nếu chúng ta, ai ai cũng đều thấy thân này là thật thì chắc chắn không bao giờ tin nổi kinh này. Trái lại nếu chúng ta biết rõ thân này như hạt sương buổi sáng, như đám mây chiều, không có gì lâu bền thì người đem những vật tạm bợ bỏ thí sánh với người biết trở về pháp thân bất sanh bất diệt, người nào hơn? Pháp thân bất sanh bất diệt mới là hơn chứ? Xả một triệu, một muôn, một ức cái thân bèo bọt này để được cái bất sanh bất diệt mới là quý chứ! Nhưng chắc là chúng ta không chịu. Vì chúng ta thấy không phải là bèo bọt. Tuy nghe Phật nói như thế song trên thực tế chúng ta còn thấy thân là thật, cho nên bảo xả nó chúng ta thấy thật là khó. Bởi thấy nó thật nên khi nghe Phật bảo xả bao nhiêu thân cũng không sánh được người trì kinh này, chúng ta không thể tin nổi. Chỉ có hàng Bồ-tát thấy thân như huyễn như hóa, khi nghe Phật nói, các Ngài cười và tin ngay. Thế nên đức Phật bảo rằng "Lòng tin không nghịch thì phước còn nhiều hơn người kia", huống nữa là cố gắng biên chép ra, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói thì phước vô kể. Như vậy trong hai việc bỏ thí thân và trì kinh, quý vị chọn việc nào? Tại sao chúng ta chọn trì kinh? Có phải vì chúng ta biết thân này là giả nên trì kinh để trở về cái chân thật, hay vì chúng ta sợ đau không dám bỏ thí thân? Như vậy để thấy rằng chúng ta trì kinh với cái niệm xem thân là quý, chứ không phải vì biết thân là giả và việc trì kinh chánh đáng hơn. Tuy còn cho thân là quý nhưng biết hướng về trì kinh để ứng dụng tu thì từ từ rồi cũng thấm, thân lần lần cũng hết quý, như vậy cũng có công đức lớn.

Ở đây chúng ta thuộc về hạng Tối thượng thừa hay hạng Đại thừa? Hay là hạng gì? Hạng Nhân thừa. Vì còn thấy thân là quý, muốn bỏ thân này được thân khác tốt hơn đó là thuộc Nhân thừa, chứ không phải Đại thừa, huống nữa là Tối thượng thừa! Trong kinh này, Phật vì người Đại thừa, vì người cầu Tối thượng thừa mà nói, nên nhiều khi chúng ta thấy khó hiểu. Nếu thật chúng ta thuộc hai hạng trên thì nghe kinh này, trì tụng và ứng dụng tu hành không có gì khó, vì chuyện đó dễ tin quá. Tất cả chúng ta không biết mê lầm từ thuở nào mà hiện giờ ai cũng đều thấy thân mình là thật. Nhưng ngày nay không bảo đảm được ngày mai, lấy gì gọi là thật? Nếu thật thì có bảo đảm. Trái lại không bảo đảm được một ngày, huống nữa đến một năm! Pháp thân là cái chưa từng sanh chưa từng diệt, là bảo đảm, nghĩa là sống được với cái đó rồi thì muôn kiếp ngàn đời không hoại. Còn sống với thân này thì không bảo đảm ngày mai. Như vậy đem cái không bảo đảm đổi cái bảo đảm mà tiếc không muốn đổi. Bỏ thí gồm có tài thí và pháp thí. Trong tài thí có chia hai phần: ngoại tài và nội tài. Ngoại tài là của cải, nội tài là thân mạng. Trong đoạn trước Phật nói về bỏ thí ngoại tài, đoạn này đức Phật nói đến bỏ thí nội tài. Đem thân này bỏ thí thì ngã không còn, ngã không còn thì niềm tin đối với pháp này không lui sụt. Thế nên đức Phật bảo rằng: Nếu người nào hay thọ trì, đọc tụng kinh này, rộng vì người nói thì Như Lai ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu công đức

không thể nghĩ, không thể lường, không thể suy tính được, người ấy ắt là hay gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Người nào hiểu đúng kinh này, ứng dụng để sống, lại vì người giảng nói thì Phật biết chắc người đó là người gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức pháp thành Phật, người đó xứng đáng kế thừa Phật.

Vì có sao? Đây Tu-bồ-đề, nếu người ưa pháp nhỏ là chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thời giả. Ưa pháp nhỏ là pháp gì? Tỉ dụ chúng ta đem bốn thí chùng năm, mười đồng bạc thì chúng ta nghĩ với số tiền bốn thí này đời sau mình sẽ được giàu có. Như vậy chúng ta chỉ thích được giàu sang, sung sướng ở đời sau mà sự giàu sang đó nhiều lắm chỉ là năm, sáu chục năm thôi, đó là tướng sanh diệt, mà mình thích cái sanh diệt thì không phải ưa pháp nhỏ là gì? Người ưa pháp nhỏ là còn nghĩ đời sau mình hưởng đó là ngã kiến, người giúp cho mình được hưởng đó là nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến đầy đủ. Vì thế đối với kinh này, người đó khó mà nghe, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói. Người chấp ngã đối với kinh Kim Cang thì khó nghe, khó nhận, khó thọ trì đọc tụng tại vì không tin. Kinh Kim Cang chỉ thẳng ngã là tướng hư dối, các pháp hiện tại là tướng hư dối, chỉ sống trở về với trí tuệ Bát-nhã, sống trở lại với pháp thân, cái đó mới chân thật. Vậy người biết rõ thân và cảnh giả dối, đó là hiểu kinh Kim Cang (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng) và biết ngay nơi mình có cái trí tuệ Bát-nhã bất sanh bất diệt, đó là trì kinh Kim Cang. Biết rõ cảnh không thật, thân không thật mới nhận ra mình có cái chân thật, trong người giả có lòng cái chân thật, nhận được như thế mới tin kinh Kim Cang. Như vậy được bao nhiêu người tin? Lời Phật dạy, ai cũng tin cả. Nói thì nói thế, nhưng tin được lẽ đó là lẽ thật thì hơi khó, vì thấy mình thật mà Phật nói giả, thấy cảnh thật mà Phật nói giả thì làm sao mình chịu, còn cái Phật nói là thật thì mình lại không thấy, thế nên nói kinh này rất khó tin. Nhưng nếu tin được thì người đó không còn bốn tướng ngã nhân chúng sanh thọ giả, còn người chưa tin là còn nguyên bốn tướng. Người ấy không làm sao tu pháp cao siêu giải thoát được, họ chỉ thích những pháp nhỏ, nghĩa là đời này tu đời sau hưởng, hoặc bây giờ làm mai một hưởng.

Kết luận Phật nói rằng kinh này ở nơi nào thì tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường như là cúng dường tháp, đi nhiều chung quanh, đem hương hoa dâng cúng. Đây là đức Phật chỉ pháp này cao siêu tối thượng vượt hơn tất cả pháp thế gian, ai hiểu được pháp đó đều nên cung kính cúng dường.



ĐOẠN 16

ÂM:

NĂNG TỊNH NGHIỆP CHUỖNG.

Phục thứ Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng thử kinh, nhược vi nhân khinh tiện, thị nhân tiên thế tội nghiệp, ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhân khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tắc vi tiêu diệt, đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ-kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiên đắc trí bát bách tứ thiên vạn ức na-do-tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự vô không quá giả. Nhược phục hữu nhân ư hậu mạt thế năng thọ trì đọc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật công đức, bách phần bất cập nhất, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập. Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư hậu mạt thế, hữu thọ trì đọc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn tâm tẩu cuồng loạn hồ nghi bất tín. Tu-bồ-đề! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệt bất khả tư nghị.

DỊCH:

HAY LÀM SẠCH CÁC NGHIỆP CHUỖNG.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, thiện nữ thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh chê, người này do tội nghiệp đời trước lẽ ra phải đọa trong đường ác, do đời này bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước ắt là tiêu diệt, sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề, ta nhớ thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ở trước đức Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha các đức Phật, ta đều cúng dường thờ phụng không sót một vị nào. Nếu lại có người ở đời mạt pháp sau này hay thọ trì đọc tụng kinh này, được công đức, đối với công đức cúng dường chư Phật của ta, trăm phần chẳng bằng một, ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ đều không thể bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu người thiện nam thiện nữ ở đời mạt pháp sau này, có người thọ trì đọc tụng kinh này, được công đức, nếu ta nói cho đủ hoặc có người nghe tâm tất cuồng loạn, hồ nghi, không tin. Này Tu-bồ-đề, nên biết kinh nghĩa này không thể nghĩ bàn nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

GIẢNG:

Trước khi giảng qua phần thứ mười sáu, tôi nhắc lại phần trước một chút khi nói về bố thí thân. Tôi dẫn một ví dụ nhỏ để quý vị thử xem mình dám bố thí không. Giả như ban đêm chúng ta ngủ, mộng thấy đi nơi này, nơi kia và cũng có nhà cửa đủ các thứ. Đến

một lát sau giật mình tỉnh cơn mộng, đó là mộng số một, thân mộng số một. Đến khuya lại mộng lần nữa, cũng thấy cảnh thân v. v... đó là mộng số hai. Như vậy cộng lại, cả đời mình bao nhiêu lần mộng? Không biết mấy ngàn cái mộng. Trong mấy ngàn mộng đó, đều có thân có cảnh. Giả sử có người đem hết các thân cảnh trong mộng đó đổi lấy thân của một đứa nhỏ chừng năm, ba tuổi, quý vị chịu đổi không? Bao nhiêu thân và cảnh trong mộng đó, dù là cả trăm ngàn thân và cảnh mộng, đem đổi một đứa bé thật độ năm, ba tuổi thì ai chịu đổi? Thân của đứa bé sống dài lắm chỉ là chín mươi năm thôi mà đổi bao nhiêu thân trong mộng mình còn không chịu đổi thay! Trong mỗi giấc mộng đều có thân có cảnh nhưng khi hết mộng thì mất, vậy thân cảnh trong mộng đó thật hay giả? Trong mộng thì ai nói giả được, chỉ khi thức rồi mới biết nó giả. Hiện tại chúng ta cũng giống như thế, bao nhiêu thân cảnh chúng ta đang sống - nghĩa là đang mê - thì đều thấy nó thật cả, nên nếu đổi nó với một thân chân thật thì chúng ta không đồng ý. Nhưng đến chừng giật mình thức giấc, tức là được tỉnh rồi, khi đó mới thấy rằng đổi bao nhiêu thân mộng cho một cái thân thật này cũng không xứng đáng nữa. Song phải đợi tỉnh đã, bây giờ còn mê thì thấy nó quý vô ngần!

Đến phần mười sáu, trước hết đức Phật bảo rằng nếu có người thiện nam thiện nữ hay thọ trì đọc tụng kinh này, nếu người đó bị người ta chê bai thì đó là do tội đời trước, đáng lý họ phảiọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nhưng hiện đời này bị chê bai cho nên tội nghiệp đời trước liền tiêu diệt, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy Phật nói rất rõ. Ai trì kinh này thì tội nghiệp đời trước sẽ giảm đi, lý đáng phải bịọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nhưng nhờ trì kinh này nên chỉ bị người chê bai thôi và tương lai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như thế, nếu có người nói: Coi chừng trì kinh này thì đổ nghiệp, quý vị phải trả lời thế nào? Người đó nói theo Phật hay nói theo ai? Phật bảo một đàng mà nói một ngả thì đó là ma nói rồi. Nói đổ nghiệp để ngăn không cho người ta trì kinh, đó là ngăn trở người ta tu hành phải không? Ở đây Phật khuyên chúng ta trì kinh để giảm nghiệp, đáng lẽ phảiọa trong ba đường ác mà bây giờ chỉ bị chê bai một chút thôi thì nhẹ biết chừng nào, vậy là giảm tối thiểu đó. Thế mà có người nói coi chừng tụng kinh Kim Cang thì đổ nghiệp, quý vị xác định cho kỹ xem câu nói đó là ai nói? Câu đó là ma nói. Giả sử người cạo tóc ở chùa mà nói câu đó thì không phải là người tu nữa, vì Phật bảo: Ngoài kinh mà nói là ma nói. Ở đây kinh chỉ rõ ràng mà họ nói khác đi, không có chỗ y cứ thì không phải là gì? Như vậy quý vị nên dè dặt đừng nói sai kinh mà mang tội. Thế nên chúng ta phải hiểu rõ lời Phật dạy. Nếu có ai hỏi: Tôi có thể trì kinh Kim Cang được không và trì kinh Kim Cang có đổ nghiệp không, thì quý vị trả lời ra sao? Chúng ta phải nói: Trì kinh Kim Cang là giảm nghiệp chứ không phải đổ nghiệp và dẫn câu này làm chứng: Nếu có người trì kinh này bị người khinh chê, người này do tội ác đời trước, lẽ ra bịọa đường ác mà đời này bị người khinh chê nên nghiệp ác đời trước hết và sau sẽ thành Phật.

Tiếp theo đức Phật so sánh công đức trì kinh, trong đoạn trước Ngài so sánh với công đức bố thí nội tài và ngoại tài rồi, đến đây Ngài so sánh với công đức cúng dường Phật. Ngài bảo rằng: Trước đức Phật Nhiên Đăng (đến Phật Nhiên Đăng, Ngài được thọ ký thành Phật), Ngài đã gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha chư Phật, Ngài đều cúng dường thờ phụng không sót một vị nào. Nếu trong đời mạt pháp này có người trì kinh Kim Cang, thì sánh với công đức Ngài cúng dường bao nhiêu đức Phật đó, công đức của Ngài không bằng một phần công đức của người trì kinh Kim Cang kia, cho đến toán số thí dụ cũng không bì kịp. Như vậy quý vị có tin nổi không? Quý vị có cúng dường được đức Phật nào chưa? Thật ra trong kinh nói: Ra đời mà gặp Phật là quý vô lượng vô biên, huống nữa là cúng dường bao nhiêu đức Phật, vậy mà không bằng người trì kinh Kim Cang là tại sao? Cúng dường đó là chúng ta đem cái gì cúng dường? Của cải bên ngoài và tâm thành kính bên trong của mình phải không? Nhưng tâm thành kính đó là sanh diệt hay là bất sanh diệt? Tâm thành kính cúng dường đó là tâm sanh diệt, của cải cũng là tướng sanh diệt. Trì kinh là không còn thấy ngã thật, nhân thật mà thấy được ngay nơi mình có trí Kim Cang, nhận ra được trí chân thật đó tức là trì kinh Kim Cang. Như vậy bao nhiêu cái sanh diệt kia đâu bì được với cái chân thật. Thế nên Phật bảo công đức cúng dường không bằng một phần công đức trì kinh. Nhưng hiện nay nghe nói cúng dường thì thích mà nói trì kinh thì ngán phải không? Nếu bảo quý vị tổ chức lễ cúng dường Phật, cúng dường chư tăng được phước vô lượng thì ai cũng chịu, nếu bảo trì kinh Kim Cang thì ai cũng ngán. Chao ôi! Kinh gì nói không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh, thọ giả, vậy chớ ai đây? Ai kia? Cứ thấy mình thật, người thật nên không kham trì kinh Kim Cang, chớ nếu hiểu rõ ngã, nhân và pháp đều là tướng hư giả không thật thì người trì kinh Kim Cang là công đức vô kể.

Thế nên đức Phật mới bảo rằng: Nay Tu-bồ-đề, nếu có người thiện nam thiện nữ nào ở trong đời mạt pháp thọ trì kinh Kim Cang, thì công đức của người đó nếu ta nói cho đủ hoặc có người nghe thì tâm họ sanh cuồng loạn hồ nghi. Vì quá sức tưởng tượng của con người nên họ hoảng hốt, họ hồ nghi, không tin. Ngài bảo thêm: Nên biết nghĩa của kinh này không thể nghĩ bàn cho nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn. Tại sao nghĩa không thể nghĩ bàn? Vì Kim Cang Bát-nhã là trí chân thật bất sanh bất diệt của chúng ta, là chân tâm bất sanh bất diệt hay pháp thân bất sanh bất diệt của mình, cái đó không bị giới hạn trong thời gian và không gian. Bởi không giới hạn trong thời gian, không gian nên thường nói là tuyệt đối, vượt ngoài đối đãi. Còn tất cả pháp thế gian đều nằm trong tương đối, vì tương đối nên là tướng sanh diệt. Quý vị kiểm lại xem trong cuộc sống này có cái gì không phải là tương đối? Như tối và sáng là tương đối, cho nên hiện giờ sáng, một lát nữa tối, rồi đến sáng, sáng tối đuổi nhau sanh diệt. Như vậy sáng tối là tương đối nên là tướng sanh diệt. Nam nữ cũng là tương đối cho nên nam nữ hợp là có sanh, sanh thì có tử, đó là tướng sanh diệt. Trên thế gian này tất cả đều là tương đối, đó là pháp sanh diệt. Pháp sanh diệt bì sao được với pháp không sanh diệt. Thế nên nghĩa của pháp không

sanh diệt cao siêu vô tận và quả báo cũng vô tận. Còn nghĩa của pháp sanh diệt là hữu tận thì quả báo cũng hữu tận. Đem cái hữu tận so với cái vô tận thì không bao giờ sánh kịp.

Quý vị hiểu như thế nào? Hiểu qua lời giải chớ chưa hiểu thật sự. Người nào thấy rõ thân này là ảo mộng là huyễn hóa như bọt như bóng, thấy cảnh cũng vậy thì người đó mới thật hiểu, người đó là người trì kinh Kim Cang. Còn nếu hiểu mơ hồ, vẫn thấy mình là thật thì chưa trì nổi kinh Kim Cang. Nếu có, đó là trì bằng chữ, bằng ngôn ngữ chớ chưa phải trì bằng tâm trí quán chiếu. Trái lại nếu thấy rõ hoặc xét rõ thân cảnh là tướng duyên hợp hư giả, đó là trì bằng trí tuệ quán chiếu. Trì bằng chữ nghĩa gọi là văn tự Bát-nhã, còn dùng trí soi xét quán chiếu đó là quán chiếu Bát-nhã. Sống được với trí tuệ bất sanh bất diệt, đó là thật tướng Bát-nhã, đó mới là bất sanh bất diệt. Quý vị nhớ nên ứng dụng cái thứ hai hơn là cái thứ nhất, vì văn tự chữ nghĩa đọc qua rồi mất, còn quán chiếu mới thấm sâu vào trong, đó là cái để đi đến thật tướng.



ĐOẠN 17

ÂM:

CÚU KÍNH VÔ NGÃ.

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm? Phật cáo Tu-bồ-đề: Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, đương sanh như thị tâm, ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ nhi vô hữu nhất chúng sanh thật diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Phật ngôn: Như thị, như thị! Tu-bồ-đề, thật vô hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, Nhiên Đăng Phật tắc bất dữ ngã thọ ký: Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni. Dĩ thật vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni. Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp Phật đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, ư thị trung, vô thật vô hư, thị cố Như Lai thuyết: Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Tu-bồ-đề! Sở ngôn nhất thiết pháp giả tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp. Tu-bồ-đề! Thí như nhân thân trường đại.

Tu-bồ-đề ngôn: Thế Tôn! Như Lai thuyết nhân thân trường đại tác vi phi đại thân, thị danh đại thân.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát diệt như thị. Nhược tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh, tức bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp danh vi Bồ-tát, thị cố Phật thuyết nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tác thị ngôn: Ngã đương trang nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm. Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ-tát.

DỊCH:

TỐT CÙNG KHÔNG CÓ NGÃ.

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia? Phật bảo Tu-bồ-đề: Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sanh tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ. Vì có sao? Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ắt không phải là Bồ-tát. Vì có sao? Tu-bồ-đề, thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo: Như thế, như thế! Tu-bồ-đề, thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Do thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thế nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta, nói thế này: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Vì có sao? Như Lai tức là nghĩa Như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay Tu-bồ-đề, thật không có pháp Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong ấy không thật, không hư. Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Nay Tu-bồ-đề! Nói tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp. Nay Tu-bồ-đề thí như có người thân cao lớn.

Ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn ắt không phải thân lớn, ấy gọi là thân lớn.

- Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh, ắt không gọi là Bồ-tát. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề! Thật không có pháp tên là Bồ-tát. Thế nên Phật nói: tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả. Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói lời thế này: Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, ấy chẳng gọi là Bồ-tát. Vì có sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ-tát.

GIẢNG:

Chúng tôi đã nói với quý vị rằng: Kinh Kim Cang chủ yếu là trả lời hai câu hỏi: Làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm, nhưng câu hỏi đó phải đi đôi với câu trước là người phát tâm cầu thành Phật chứ không phải người thường. Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức phát tâm cầu thành Phật, làm sao trụ tâm, làm sao hàng phục tâm? Câu hỏi đó ở trước Phật trả lời rồi, vậy tại sao ở đây ngài Tu-bồ-đề lại hỏi nữa? Bởi vì hai câu hỏi này là tối hệ trọng trên đường tu hành, nếu chúng ta nghe lướt qua, không chăm chỉ để hết tâm trí vào đó thì khó mà lãnh hội nổi, cho nên Ngài nhắc lại một lần nữa để Phật giải. Do đó tôi gọi là điệp khúc. Đó là vì Ngài muốn chúng ta thấy rõ ý Phật dạy cách hàng phục tâm, cách an trụ tâm.

Đức Phật trả lời: Nếu người thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu thành Phật nên sanh tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, nhưng độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh nào được diệt độ. Độ là qua, diệt là mất, tức là đưa tất cả chúng sanh qua chỗ tịch diệt qua mất hết. Tôi đã từng nói với quý vị: Mỗi niệm là một chúng

sanh, đưa nó đến chỗ vô sanh, đưa nó qua đó rồi nhìn lại không còn chúng sanh nào hết, mà không còn một chúng sanh nào, như vậy lúc đó có còn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả không? Quý vị nhớ chúng ta còn thấy ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là do niệm sanh phải không? Do niệm khởi mới chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu niệm không khởi thì lấy gì chấp? Thế nên nói độ qua hết rồi thì không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Sở dĩ hiện tại ai nói đến tên chúng ta liền nổi giận là vì vừa nghe nói, niệm liền khởi phân biệt nên mới giận, nếu nghe nói mà niệm không khởi thì đâu có giận. Nếu dấy niệm thì chấp ngã cho nên sân, không dấy niệm thì không chấp ngã cho nên không sân. Không chấp ngã thì không chấp nhân do đó tham sân si đâu còn. Như vậy chúng ta thấy rõ độ tất cả niệm đến chỗ vô sanh rồi bốn tướng cũng theo đó hết. Trái lại còn có niệm sanh thì còn bốn tướng. Thế nên muốn hàng phục tâm mình đến chỗ an trụ viên mãn thì phải độ tất cả chúng sanh. Tại sao ở đây đức Phật chỉ trả lời câu hàng phục tâm chứ không nói an trụ tâm? Bởi vì hàng phục rồi là an trụ. Ổu đoạn trước Phật dạy an trụ riêng, hàng phục riêng, nhưng ở đây kết thúc lại thì hàng phục là an trụ. Quý vị thử hàng phục tâm mình đi. Nếu mình độ hết tất cả chúng sanh rồi thì có an trụ không? Đó là an trụ rồi, vì vậy không cần nói đến an trụ nữa. Nói độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh thật diệt độ. Do đó Phật bảo: Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì không phải là Bồ-tát. Người không còn bốn tướng là người gì? Như vậy quý vị lo gì mình không làm Bồ-tát được. Nếu mình đừng dấy niệm, đừng khởi chấp ngã, lúc đó dù mình không tự xưng là Bồ-tát, không mang nhãn hiệu Bồ-tát nhưng vẫn là Bồ-tát. Trái lại dù mang nhãn hiệu Bồ-tát A, Bồ-tát B v. v... mà niệm khởi liền liền thì có phải là Bồ-tát chưa? Như vậy chúng ta thấy rõ Bồ-tát là người tâm không còn chấp, không còn kẹt. Hiểu như thế mới thấy được ý nghĩa của sự tu hành là phải đi đến chỗ độ hết chúng sanh, độ hết chúng sanh rồi là hàng phục, hàng phục rồi liền an trụ. Như thế mới thật là Bồ-tát. Tiếp theo Phật liền đặt câu hỏi: Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thường thường khi tu, chúng ta thích lựa pháp cao để tu cốt mau thành Phật. Tuy nhiên khi phát tâm cầu thành Phật thì pháp để chúng ta ứng dụng tu là thật hay không thật? Nếu thấy pháp đó thật thì tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả còn hay không? Như muốn qua sông, tôi nhờ chiếc đò đưa qua sông rồi, tôi thấy chiếc đò là thật thì thế nào? Đò thật thì tôi cũng thật, người chèo đò cũng thật. Tất cả đều thật! Thế nên qua sông rồi, thấy đò không còn quan trọng nữa mới bỏ đò được. Như vậy còn có pháp thì còn có ngã, còn có ngã thì còn có pháp, hai cái đó hỗ tương. Đoạn trước Phật phá chấp ngã, ở đây Phật phá thêm chấp pháp. Đây không phải pháp thường, pháp này là pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà còn không thấy là thật, thì tất cả pháp thế gian có pháp nào thật đâu! Khi chúng ta đưa ra một ý kiến, đó là pháp, nhưng nếu điều mình nói mà người ta không theo thì sao? Chúng ta giận phải không? Cái đó là phi pháp thì tại sao chúng ta giận? Pháp còn nên xả, hà huống phi pháp, nên nhớ câu đó. Nếu không chấp pháp thì không còn buồn phiền. Trái lại nếu nói việc này là thật là phải mà

người ta không chịu nghe thì sao? Bởi chấp nó phải nên biến thành sân si, mà biến thành sân si thì còn phải nữa không? Chúng ta chấp việc phải là chấp pháp phải, chấp pháp phải rồi thì ngã nổi lên, ngã nổi lên tức si mê đầy khởi. Thế nên người tu đến cả pháp cũng không chấp nữa.

Đến đây tôi nói tế nhị hơn, như hiện nay quý Phật tử thường nghe chúng tôi dạy tu thiền, thấy tu thiền hay liền ứng dụng tu. Bất thần, hôm nào có người chỉ mặt nói tu thiền là điên, là ngu si thì quý vị nghĩ sao? Lúc đó nếu chấp pháp của tôi hay thì ngã nổi lên, tức thì muốn đàn áp, muốn gây sự với họ. Như vậy có pháp là có ngã. Đó là chỉ nói pháp tu thiền thôi. Còn đức Phật bảo cả pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thật. Thật là cao siêu, thâm diệu! Thế gian chúng ta quá nông nổi, những vọng tưởng là ý nghĩ không thật mà còn chấp, nghĩ ra là muốn bắt người khác theo, ai không theo thì giận ngay, thật là phi lý làm sao! Nếu ai gạt bỏ được những cái phi lý đó thì lần lần sẽ bớt khổ, bớt sân si. Đó là chỗ tu. Thế nên phải thuộc lòng câu Pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp. Pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn phải bỏ, huống nữa là cái phi pháp. Hiểu như vậy, quý vị mới sống một cách thoải mái nhẹ nhàng. Chúng ta hiểu, chúng ta ứng dụng tu mặc người đời chê khen. Giải thoát hay không là việc làm của mình, họ khen mình cũng không giải thoát, họ chê mình cũng không trầm luân. Chúng ta biết rõ tu như thế là có ích lợi cho mình thì cứ việc tu. Thí dụ như quý Phật tử hàng ngày, buổi sáng, buổi trưa khi đói bụng thì ăn cơm, xong rồi thấy khỏe, đi làm công tác được; đều đều bữa nào như bữa ấy, mình thấy vui vẻ nhẹ nhàng. Bây giờ bất thần có người bảo ăn cơm là ngu si, là vô ích thì lúc đó chúng ta cứ ăn hay là ngưng không ăn? Vô lý quá, mình không ăn để đói sao? Thế nên những lời nói dù là lời chửi mắng, chê bai, mình nghe làm gì, nổi sân làm chi? Chúng ta biết rõ trăm phần đó là lẽ thật thì ai nói gì cũng mặc, chuyện mình làm mình biết rõ rồi. Người như vậy mới là người thật tin lẽ thật. Có nhiều người đang làm một việc lợi ích thật, nhưng vừa nghe người khác chỉ trích liền hoảng hốt nghi ngờ, đó là chưa có kinh nghiệm, chưa nhận lẽ thật; chớ nếu có kinh nghiệm, nhận lẽ thật rồi thì ai nói gì cũng không thay đổi lập trường. Trong sự tu hành cũng phải như thế. Quý vị thấy câu Pháp còn nên bỏ huống là phi pháp thật hay vô cùng, chúng ta ứng dụng thì lợi ích biết bao nhiêu. Chúng ta nghĩ phải mà nếu ai nói không phải, chúng ta bảo làm, họ nói không phải không làm, thì chúng ta nghĩ pháp của Phật còn phải xả huống nữa là cái phi pháp này, do đó chúng ta không giận hờn chi cả. Chúng ta có quyền đề nghị nhưng nghe theo hay làm theo là quyền của người, như vậy chúng ta mới không sân hận. Nhất là quý đạo hữu có quyền làm chủ gia đình, hay lấy quyền làm chủ bắt mọi người theo mình, nhiều khi đề nghị sai nhưng tự ái không dám nhận lỗi. Thế nên nếu mình cởi mở, cho mỗi người được tự do, mình đề nghị nhưng khi thấy hợp, thấy hay thì họ làm, khi thấy không hợp, không hay thì thôi, mình cũng cười, không hờn gì cả, như vậy là an ổn nhất trong đời tu của mình.

Đức Phật lại hỏi tiếp: Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Ngài Tu-bồ-đề phủ nhận: Bạch Thế Tôn, không. Tại sao Ngài dám phủ nhận? Chúng ta thấy Ngài nói thật là dè dặt: Như chỗ hiểu của con qua lời Phật nói, Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bởi vì Ngài chưa thành Phật, Ngài chưa xả được, nhưng hiện giờ Ngài hiểu qua lời Phật dạy. Người xưa thật kỹ lưỡng, còn chúng ta bây giờ vừa hiểu một chút là nói bướng, xưng là ta nói, ta hiểu. Phật khen: Đúng như vậy, đúng như vậy, này Tu-bồ-đề, thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu thấy có pháp để được thì còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Phật giải nghĩa thêm: Này Tu-bồ-đề, nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta: Ở đời sau ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Nếu ta còn thấy có pháp để được thì Phật Nhiên Đăng không bao giờ thọ ký cho ta thành Phật. Do thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta. Bởi Phật không thấy có pháp được nên Ngài được thành Phật, trái lại nếu thấy có một pháp được là không được thành Phật. Cũng thế, tất cả chúng ta tu mà còn thấy thân này thật, cảnh thật, pháp thật, thì không giác ngộ. Trái lại nếu chúng ta thấy nó giả, tạm có trong một thời gian ngắn chừng vài mươi năm không đáng kể, thì chúng ta trở về sống với cái thật. Đó là chúng ta tỉnh, chúng ta giác, do tỉnh giác tương lai sẽ được Phật thọ ký. Như trong đoạn trước Phật bảo người trì kinh này, do tội đời trước, đáng lẽ bị đọa địa ngục, nhưng chỉ bị mắng chê thôi và sau này sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là đúng lời Phật nói chớ tôi đâu dám ức thuyết. Phật nói rõ ràng như vậy, nghĩa là người nào biết rõ thân này, cảnh này là hư giả, do duyên hợp tạm có một lúc rồi hoại, trong cái tướng hư giả đó có cái chân thật đang bày hiện nơi sáu căn của chúng ta, nếu chúng ta sống được với nó thì tất cả cái hư giả đều vô nghĩa. Nếu không còn chấp thân, chấp cảnh, chấp pháp thì lúc đó sẽ được Như Lai ắt thấy chúng ta, ắt biết chúng ta tương lai sẽ thành Phật không nghi. Như thế làm người giác có khó không? Tôi thấy không khó chút nào, chỉ cần vận dụng trí nhìn cho đúng, thấy cho đúng thôi. Tỉnh rồi thì giác. Vậy tại sao không dùng trí mà cứ dùng tình thương ghét, buồn, giận rồi cả ngày nó cứ dẫn mình chạy loanh quanh không dùng. Thương ai, vắng mặt thì trông, thì tìm; ghét ai, gặp mặt thì tức, thì tránh. Chúng ta sống với cái Biết tất cả là giả, mang cái giả chạy tìm cái giả làm chi cho cực. Biết thế rồi cả ngày sống an lành tự tại, lúc nào cũng cười, vì tất cả đều giả thì có gì quan trọng mà giận, mà buồn!

Tuy không quan trọng nhưng vẫn phải làm, đó là chủ trương của Bồ-tát. Như Ngũ minh và Tứ nhiếp pháp là những phương tiện để Bồ-tát giáo hóa chúng sanh. Biết rằng thân giả, cảnh giả nhưng khi mê người ta thấy nó thật. Họ đang đói phải cho họ cơm ăn cho đỡ đói rồi mới giảng đạo lý, lúc tỉnh rồi họ mới nghe. Vì vậy mà Bồ-tát biết thân cảnh như huyễn, nhưng vẫn phải làm giúp người no ấm rồi mới giảng đạo lý cho họ nghe. Quý vị phải hiểu cho rõ, nếu không hiểu thì học Đại thừa trở thành Tiểu thừa tiêu cực. Tại

sao? Bởi vì nghe cái gì cũng giả thì chúng ta muốn ngồi không cho rồi, làm chi nữa vô ích. Như vậy trở thành tiêu cực yếm thế. Chỉ có mình biết nó giả chứ mọi người chưa biết, muốn cho người biết, mình phải có nghề nghiệp cho khéo (công xảo minh) để dạy người ta làm, trong khi làm mới nói chuyện đạo lý cho họ nghe, lần lần người ta thấm, đó là hạnh Bồ-tát. Quý vị phải hiểu như vậy mới đúng tinh thần kinh Kim Cang, đừng hiểu khác rồi trở thành tiêu cực yếm thế, trái đạo Đại thừa. Đó là chỗ thực tế của Phật pháp. Tóm lại đức Phật chỉ rõ nếu ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Ngài còn thấy có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho Ngài, bởi Ngài không thấy có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên mới được Phật Nhiên Đăng thọ ký cho sau này thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.

Ngài nói thêm: Vì có sao? Như Lai tức là nghĩa như của các pháp. Học kinh Kim Cang là quý vị thâm nhập được nghĩa Như Lai. Kinh Kim Cang giải thích nghĩa Như Lai quá rõ. Nếu có người hỏi thế nào là Như Lai, quý vị dùng kinh Kim Cang mà đáp: Như Lai giả vô sở tung lai diệt vô sở khứ cố danh Như Lai, hoặc Như Lai giả tức chư pháp như nghĩa. Như Lai là gì? Như Lai là nghĩa như của các pháp. Nghĩa như các pháp là thế nào? Các pháp như đó là Như Lai. Các pháp làm sao như được? Tỉ dụ khi chúng ta đi, lúc đi là như như hay là động? Nếu là động, là biến đổi, là xê dịch thì đâu phải là như, cho đến tất cả sự vật ở cõi này có cái nào như đâu, cái nào cũng đang động, đang xê dịch, tại sao nói Như Lai là nghĩa như của các pháp? Đúng vậy, Như Lai là nghĩa như của các pháp, bởi vì các pháp tự nó không động, mà động là do duyên hợp và do tâm động tịnh của mình, nên phân biệt cảnh động tịnh, như chuyện hai Sa di nói phước động với gió động, còn Lục tổ nói tâm nhân giả động. Nếu tâm không động thì phước còn động, gió còn động không? Tâm mình như thì cảnh cũng như, cho nên nói Như Lai là nghĩa như của các pháp. Khi nào đối với cảnh, tâm mình như như bất động thì đó là Như Lai chứ không có gì lạ cả. Như thế Phật chỉ hết sức rõ. Ví dụ như nhìn tất cả quý vị tôi thấy rõ hết, nhưng tôi không dấy một niệm phân biệt để thương người này, ghét người kia. Tâm không dấy niệm thương ghét, đó là tâm Phật bình đẳng, đó là như, do tâm như nên cảnh cũng như. Đối với tất cả pháp ở cõi này cũng thế, gió thổi lá cây rung v. v... nhưng tâm mình như thì không dấy niệm phân biệt động tịnh. Phân biệt động tịnh thì các pháp động tịnh; không dấy niệm thì các pháp tự như đó là nghĩa Như Lai. Như vậy chúng ta thấy có cái nhất quán từ trước đến giờ. Phật dạy độ tất cả chúng sanh mà không thấy chúng sanh được diệt độ, đó là Như Lai. Đến chỗ đó, không còn một niệm tức tâm mình như thì đối cảnh cũng như, đó là Như Lai, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Rõ ràng lời Phật dạy thì chung nhất quán. Như thế trong kinh đã nói rõ, chúng ta không còn gì nghi ngờ.

Nếu có người nói Như Lai được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, này Tu-bồ-đề, thật không có pháp Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề, Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong ấy không thật không hư. Thật

hư là đối đãi, mà chỗ Phật thấy, chỗ Phật ngộ không còn đối đãi. Còn chúng ta thấy có được, có mất là đối đãi, có thật, có hư là đối đãi. Thế nên chỗ Phật thành Phật, chỗ đó không còn đối đãi, đó mới là Phật, còn thấy đối đãi thì chưa phải là Phật. Thấy được tức là đối với mất, thấy hư là đối với thật. Như thế chỗ Phật đạt là chỗ không thật không hư.

Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Câu đó quý vị thấy thật là cao siêu và lý thú làm sao! Chỉ một câu này là một bài giảng rồi. Tại sao? Bởi vì nếu chúng ta nhìn tất cả mọi mặt của các pháp thế gian thì pháp nào cũng là Phật pháp. Đây tôi chỉ cho quý vị thấy, ngay trong cảnh tham sân si nếu mình biết ứng dụng đúng tinh thần đạo đức đó thì tham sân si là Phật pháp. Tại sao? Tỉ dụ bây giờ quý vị phát tâm tu mạnh mẽ, khi đó có người kêu tên mình chửi, mình nổi sân lên thì đó là gì? Là phiền não, là phi Phật pháp. Còn nếu biết mình đang phát tâm tu mạnh mẽ mà người này chửi mình, có lẽ họ thử mình tức họ là Bồ-tát thử xem mình có kiên tâm chưa, nhân đó mình cảm ơn họ, mình vươn lên, không buồn giận gì hết. Như vậy phải là Phật pháp hay không? Tất cả việc khác cũng vậy, mọi việc đến với mình, mình cũng đều cho là thử thách xem mình có bền vững không, có tu thật không? Những thử thách đó, nếu vượt qua khỏi, là mình tiến lên một bước, như thế người giúp mình tiến là người ân phải không? Việc họ làm là Phật pháp rõ ràng, vì giúp cho mình tiến bộ. Tất cả pháp đều là Phật pháp. Phật pháp có nghĩa là hữu ích cho chúng sanh. Tất cả ở thế gian này quý vị thấy cái nào là vô ích cho mình, cho người hay không? Cho đến vật mà mình chê như mấy đồng rác hôi hám, nhưng cũng có những người làm rẫy hốt về làm phân trồng rau, cho đến những thứ của mình bỏ ra, người ta cũng dùng được nữa thì có cái gì là vô ích đâu. Nếu biết dùng thì tất cả đều hữu ích cho chúng sanh, hữu ích tức là Phật pháp. Đó là mình nhìn một cách phổ biến.

Bây giờ đến cái cao hơn, như người ta hay than phiền ở thế gian có nhiều chướng ngại khó tu. Tỉ dụ người nặng về sắc dục thì nói rằng thấy những người đẹp nên chướng ngại khó tu, người nặng về tham của cải thấy những món vật tốt nên chướng ngại khó tu v. v... Tôi hỏi lại: Người đẹp, vật tốt có phải là cái chướng ngại hay không? Hay chướng ngại tại nơi lòng tham của mình? Sự thật người, vật không chướng. Nếu thấy nó làm chướng, làm mình động tâm thì đó là phiền não. Trái lại khi thấy người đẹp chúng ta liền dùng trí Bát-nhã thấy đó là tứ đại duyên hợp hư giả không thật, thấy vật tốt cũng biết đó là tứ đại duyên hợp hư giả không thật. Vừa thấy đó trí Bát-nhã liền hiện, như thế là Phật pháp rồi! Tất cả những cái khác cũng thế thì cái gì không phải là Phật pháp? Cao hơn nữa, là "Chư pháp như nghĩa". Thấy cái nào cũng như hết thì có cái gì không phải là Phật pháp? Trong kinh nói: Xúc mục là bồ-đề, tức thấy cái gì cũng là bồ-đề cả, cái gì cũng là như thì có cái gì không phải là Phật pháp? Quý vị thử kiểm xem thế gian có cái gì là chướng không? Không có chướng thì tại sao mình sợ, sợ là sợ cái gì? Sợ thế gian hay sợ tâm mình? Sợ vọng tưởng điên đảo của mình? Như vậy nếu người nào biết vọng tưởng điên đảo là cái đáng sợ thì hàng ngày cứ trị nó chớ cần gì phải trốn thế gian. Quý vị nghĩ

đi đâu trốn thế gian được? Bất cứ nơi nào cũng nằm trong thế gian, vô rừng cũng là thế gian, ở núi cũng là thế gian, ở chợ cũng là thế gian... Chỉ có tâm mình an thì chỗ nào cũng là Phật pháp cả. Vậy tại sao chúng ta không lo trị vọng tưởng mà cứ lo trốn cảnh, trốn người v. v... Vậy thì chúng ta thấy cái nào là trọng tâm, là then chốt để chúng ta làm. Nếu muốn tu thì ngay nơi tâm mình mà tu. Trước hết nhắm thẳng tâm mình, làm sao trị những chú vọng tưởng thành những người lương thiện, chúng không còn điên đảo ngược xuôi nữa, chừng đó chúng ta mới nhẹ nhàng, rồi lần lần nó thuần thực nằm yên như con trâu mà mình ngồi trên lưng nó thối sáo đi tự tại, thế là thành thoi lắm rồi đó. Như vậy mình phải trị mình, phải sợ mình chớ không sợ thế gian, vì tất cả pháp trên thế gian đều là Phật pháp. Nhất thiết pháp vô phi Phật pháp. Vô phi Phật pháp hay giai thị Phật pháp cũng thế, cũng có nghĩa đều là Phật pháp.

Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Phật xác nhận rõ như vậy. Đây tôi dẫn một câu chuyện để nhiều khi quý vị nghe mà không hiểu. Như có một lần, Ngài Văn Thù bảo Thiện Tài đồng tử: Người ra ngoài núi tìm những cây cỏ thuốc đem về cho ta. Thiện Tài đồng tử bước ra ngoài thấy cây nào cũng là cây thuốc cả, liền về thưa: Bạch Hoà Thượng sao con thấy cây nào cũng là cây thuốc cả. Ngài Văn Thù mới bảo: Thôi người ra ngoài tìm cây nào không phải cây thuốc đem về cho ta. Thiện Tài đồng tử đi ra nhìn thấy cây nào cũng không phải cây thuốc! * Như vậy là tại sao? Đó là để nói rằng nếu chúng ta nhìn đúng, nếu chúng ta có quan niệm đúng đắn thì các pháp đều là Phật pháp. Trái lại nếu chúng ta có quan niệm sai lầm thì tất cả pháp đều là phiền não. Tại sao? Vì khi nói không phải thuốc thì Thiện Tài đồng tử định ninh trong tâm trí cái không phải thuốc rồi thấy cây nào cũng không phải thuốc. Chúng ta hiện nay cũng như thế. Vì chúng ta đang sống với vọng tưởng điên đảo nên nhìn cái nào cũng là vọng tưởng điên đảo. Khi chúng ta dùng trí tuệ Bát-nhã nhìn thì cái nào cũng là trí tuệ Bát-nhã. Như thế chúng ta thấy rằng tất cả cảnh không phải đẹp, không phải xấu, không phải lợi, không phải hại mà đẹp xấu lợi hại là tại tâm mình phân biệt. Nếu tâm mình không phân biệt thì các pháp có lỗi lầm gì! Như vậy chúng ta thấy cái trọng tâm là do tâm mình chớ đừng nói tìm pháp nào thuận lợi cho mình. Câu Tất cả pháp đều là Phật pháp rất chí lý. Tuy nhiên khi nói câu này, đức Phật lại e chúng ta bám vào đó, chấp cho là thật nên Phật mới bảo: Này Tu-bồ-đề, nói rằng tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp. Như vậy khi nói tất cả pháp đều là Phật pháp là nhìn theo khía cạnh nào? Đó là nhìn theo trí tuệ Bát-nhã, nghĩa là thấy tất cả pháp đều là tướng duyên hợp hư huyễn, thấy pháp nào cũng thế tức là trí tuệ Bát-nhã rồi. Trái lại nếu thấy tất cả pháp là thật, thì tất cả không phải là Phật pháp. Vì vậy không phải là thật, ấy là Phật pháp, nghĩa là thấy tất cả pháp đều là tướng duyên hợp không thật, nhưng trên giả danh thì tạm gọi là tất cả pháp.

Này Tu-bồ-đề, thí như có người thân cao lớn. Ngài Tu-bồ-đề đang dùng trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp không phải tất cả pháp nên ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn,

Như Lai nói thân người cao lớn ắt không phải thân lớn, ắt gọi là thân lớn. Nếu còn thấy thật cao, thật lớn thì chưa phải là lớn mà phải thấy rõ thân cao lớn đó chẳng qua là tướng duyên hợp, bởi tướng duyên hợp nên không thật là cao lớn nhưng trên giả danh thì gọi là cao lớn.

Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh, ắt không gọi là Bồ-tát. Đức Phật nhấn mạnh lại chỗ chấp ngã, nếu còn thấy mình diệt độ tất cả chúng sanh thì không phải là Bồ-tát rồi. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, thật không có pháp tên là Bồ-tát. Kể cả danh tự Bồ-tát cũng không thật! Nếu còn chấp Bồ-tát là thật cũng còn kẹt. Thế nên đức Phật nói tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả. Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát nói lời thế này, ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, ắt chẳng gọi là Bồ-tát. Vì có sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm ắt gọi là trang nghiêm. Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ-tát. Như vậy quý vị thấy trong đoạn này đức Phật chỉ rõ: Những vị Bồ-tát nếu còn thấy mình là Bồ-tát thì đó không phải là Bồ-tát. Như thế ai dám vỗ ngực xưng Bồ-tát thì người đó phải là Bồ-tát chưa? Vậy mà có người dám xưng Phật mẫu thì sao? Mạo xưng Phật mẫu, chúng ta tin được không? Xưng là Bồ-tát còn không phải Bồ-tát huống nữa là xưng danh hiệu gì. Xưng danh đó là ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, người đó không phải là Thánh. Không phải Thánh mà xưng Thánh là mù quáng, mê tín. Vì thế trong nhà Phật thường nói những vị Bồ-tát khi thị hiện giáo hóa chúng sanh, lúc đang làm việc, không ai biết đó là Bồ-tát, đến khi gần tắt thở mới làm một bài thơ để lại, khi chúng ta biết đó là Bồ-tát là các Ngài đã đi rồi, chớ không bao giờ đang hiện tại mà xưng mình là Bồ-tát. Như vậy những người xưng mình là Thánh đó đều là tà quái chớ không phải Thánh đâu, kinh đã chỉ rõ ràng. Quý vị phải nhớ kỹ, có khi Bồ-tát ở bên cạnh phá mình tôi bời, nên mình xem không ra gì. Vì vậy chúng ta không dám khi một người nào, giả sử chúng ta mới phát nguyện tu mà có người tướng như yêu quái đến phá, mình đừng vội nghĩ họ là yêu quái mà phải tự bảo: Đây chắc là Bồ-tát thị hiện thử mình. Nghĩ như thế nên mình thăm mang ơn người, thăm kính phục người tự nhiên quý vị tiến, quý vị thành công; trái lại nếu chúng ta nghĩ họ là yêu quái muốn trị họ, muốn phạt họ, làm dữ với họ tự nhiên mình thành yêu quái. Như vậy quý vị mới thấy rõ, khi nghĩ người ta yêu quái, mình biến thành yêu quái, khi nghĩ người ta là Bồ-tát mình là Bồ-tát. Thế nên, ai làm khó ngăn trở sự tu tiến của mình, hoặc là quấy rối bằng cách này, cách khác, mình đều thấy họ là Bồ-tát. Tỉ dụ người đem đạo lý khuyên dạy mình, nhắc nhở mình từng cái dở, cái xấu để mình sửa, đó là Bồ-tát thuận hạnh; người làm trở ngại ngăn bước tiến của mình để mình vươn lên, đó là Bồ-tát nghịch hạnh. Tất cả đều là Bồ-tát. Như vậy đối với tất cả chúng sanh mình có tâm bình đẳng, ai cũng là người mình quý cả. Tâm Bồ-tát là tâm từ bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Nếu chúng ta thấy người này là ơn, người kia là thù thì bất bình, bất bình thì mình đã thành phàm phu mất rồi. Đây là cứu kính chân thật. Chúng ta muốn thành Bồ-tát (nói muốn được cũng là tham vọng),

muốn tiến tu thì phải thấy tất cả mọi người đều là Bồ-tát, Bồ-tát thuận hạnh, Bồ-tát nghịch hạnh, như vậy cả ngày không một niệm thù hận, giận hờn. Nếu mọi người đều có tâm niệm tu như vậy thì có ai phiền não không? Ngày nào chúng ta cũng vui vẻ, ai chúng ta cũng quý cũng kính, giả sử người không phải Bồ-tát thật nhưng chúng ta đối với họ như vậy thì lâu ngày họ cũng thành Bồ-tát, bởi vì lúc đầu họ có niệm xấu, ngăn trở mình nhưng thấy mình vẫn kính, vẫn thương họ, sau cùng họ bị mình cảm hóa. Đó là một điều rất hay, lợi mình, lợi người đầy đủ. Đó là chỗ quan trọng trong sự tu hành. Thế nên chúng ta hiểu Phật pháp cho chí lý thì nhìn lại thấy cuộc đời đáng quý vô cùng, không có chỗ nào đáng chê, vì tất cả pháp đều là Phật pháp. Ai cũng là Bồ-tát thuận hạnh, nghịch hạnh, cõi này toàn là Bồ-tát còn gì mà chán, đợi về Cực lạc làm bạn bất thối chuyển thì xa quá, lâu quá. Ở ngay đây mình có bạn Bồ-tát rồi, vui biết chừng nào! Sống ở chùa không có chán gì cả, chúng ta thấy cõi đời này như Cực lạc, toàn thiện hữu tri thức bậc thượng vì toàn là Bồ-tát, và pháp nào cũng là Phật pháp thì đâu còn gì buồn chán. Đợi về Cực lạc mới nghe chim thuyết pháp, mới nghe nhạc trời thì lâu quá. Nơi đây, nếu biết tất cả pháp đều là Phật pháp thì còn gì không phải Phật pháp mà phải đi kiếm Phật pháp làm chi. Như vậy quý vị thấy nếu chúng ta có tâm địa cứng cõi và khéo léo thì việc tu hành ở cõi đời này hay vô cùng, chuyển cõi ta bà thành tịnh độ ngay trong cuộc sống này, chuyển tất cả những bạn bè không tốt trở thành tốt, tất cả mọi người đều thành người tốt, dù ai nói sao đi nữa cũng bái bái: Tôi xin lỗi Bồ-tát, tôi làm!

Nói đến trang nghiêm Phật độ. Tôi ví dụ như lối tu bên Tịnh độ, muốn trang nghiêm tịnh độ thì phải làm sao? Trong kinh thường dạy muốn trang nghiêm tịnh độ thì hàng ngày phải niệm Phật, đến khi tâm mình tịnh rồi thì cõi Phật sẽ thanh tịnh, đó là nhân trang nghiêm tịnh độ. Có những vị Bồ-tát khác trang nghiêm tịnh độ bằng cách hoặc phát nguyện bố thí, hoặc phát nguyện nhẫn nhục, hoặc phát nguyện tinh tấn, mỗi hạnh tu là để trang nghiêm tịnh độ, khi thành Phật thì cõi nước phước đức viên mãn. Như vậy vô tình còn có chỗ để mình được phải không? Việc làm này còn có nghĩ tới chỗ mình được, mà còn nghĩ chỗ mình được thì còn ngã pháp, vì vậy Phật mới bảo rằng: Bồ-tát nếu khởi nghĩ ta sẽ trang nghiêm Phật độ ấy không phải Bồ-tát. Vì có sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật là không phải trang nghiêm, ấy mới gọi là trang nghiêm. Nghĩa là làm tất cả lợi ích chúng sanh mà không thấy có gì thật cả thì không trang nghiêm mà là trang nghiêm cho nên không phải trang nghiêm đó mới gọi là trang nghiêm. Cuối cùng đức Phật giải thích: Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát thông đạt được pháp vô ngã, Như Lai nói đó mới là chân thật Bồ-tát. Thấy được pháp vô ngã mới là chân thật Bồ-tát, còn chưa thấy được thì chưa phải thật Bồ-tát.



ĐOẠN 18

ÂM:

NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ?
- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu nhục nhãn.
- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ?
- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu thiên nhãn.
- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu tuệ nhãn phủ?
- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu tuệ nhãn.
- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn phủ?
- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu pháp nhãn.
- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ?
- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Phật nhãn.
- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?
- Như thị Thế Tôn! Như Lai thuyết thị sa.
- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ?
- Thập đa Thế Tôn!

Phật cáo Tu-bồ-đề: Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

DỊCH:

ĐỒNG QUÁN CÓ MỘT THỂ.

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn chăng?
- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có nhục nhãn.
- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn chăng?
- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có thiên nhãn.
- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn chăng?
- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có tuệ nhãn.
- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn chăng?
- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có pháp nhãn.
- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn chăng?
- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có Phật nhãn.
- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, Phật nói là cát chăng?
- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai nói là cát.
- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như trong một sông Hằng có bao nhiêu cát, có những sông Hằng bằng số cát như thế, có các thế giới của Phật bằng số cát của những sông Hằng ấy, như thế thật là nhiều chăng?
- Bạch Thế Tôn, rất là nhiều!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Trong các cõi nước đầy dẫy như thế, có tất cả chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai thấy đều biết. Vì có sao? Như Lai nói các tâm đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.

GIẢNG:

Trong đoạn này trước hết đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Đức Phật có đủ ngũ nhãn không? Ngũ nhãn là năm con mắt. Con mắt thứ nhất là con mắt gì? Nhục nhãn, đó là con

mắt thịt. Phật hỏi: Như Lai có nhục nhãn không? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, Như Lai có nhục nhãn. Tôi hỏi quý vị có nhục nhãn không? Quý vị nói thế nào? Dạ có nhục nhãn. Kế đến Phật hỏi: Như Lai có thiên nhãn không? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, Như Lai có thiên nhãn. Tôi hỏi quý vị, quý vị nói thế nào? Thưa không. Tại sao vậy? Chúng ta chỉ có nhục nhãn. Thiên nhãn là con mắt của chư thiên. Thường thường chư thiên xa thật xa cũng thấy và nhỏ thật nhỏ cũng thấy. Thế nên nói Phật dùng thiên nhãn, nhìn trong bát nước thấy vô số vi trùng. Trong bài kệ quán chú khi uống nước: "Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng" nghĩa là Phật nhìn trong một bát nước, có tám muôn bốn ngàn vi trùng. Như vậy thì thấy cái nhìn của Ngài là cái nhìn bằng thiên nhãn. Hiện nay chúng ta phải nhờ kính hiển vi mới thấy vi trùng, Phật không cần kính hiển vi gì cả. Chính vì được thiên nhãn mà Ngài thấy. Như nhìn những ngôi sao, Phật biết đó là những thế giới nên Ngài nói hằng hà sa số thế giới, không cần có viễn vọng kính hay phi thuyền không gian mới biết có thế giới. Thế nên quý vị thấy những lời Phật nói là do lẽ thật nói ra, muôn đời là thật, không ai chối cãi được, chỉ có điều người ta chưa biết tới nên không hiểu, nếu tìm đến rồi thì từ từ thấy lẽ thật đó.

Phật lại hỏi: Như Lai có tuệ nhãn không? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, Như Lai có tuệ nhãn. Tuệ nhãn là con mắt của hàng Thanh văn. Hàng Thanh văn tức là chứng quả từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán thì được tuệ nhãn. Tuệ nhãn là con mắt trí tuệ thấy thân này là vô ngã, do ngũ uẩn hợp chớ không có thật ngã. Kế đến Phật hỏi: Như Lai có pháp nhãn không? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, Như Lai có pháp nhãn. Pháp nhãn là con mắt của Bồ-tát, thấy tất cả pháp là huyễn hóa. Hàng Thanh văn chỉ thấy thân thôi, còn hàng Bồ-tát do trí tuệ Bát-nhã thấy ngã pháp đều huyễn hóa. Hiện nay chúng ta đang tu con mắt nào? Nhớ là chúng ta chưa được, nhưng mà đang tu tuệ nhãn và pháp nhãn. Nếu tu thành công liền được những con mắt đó. Cuối cùng Phật hỏi: Như Lai có Phật nhãn chăng? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Như Lai có Phật nhãn. Con mắt của Phật bao trùm hết, thấy không còn lầm nữa, cái thấy được viên mãn, còn những con mắt kia thấy từng khía cạnh, hoặc thiên về ngã hoặc thiên về pháp. Như vậy xác nhận Phật có ngũ nhãn để làm chi? Để nói rằng cái thấy của Phật đã đầy đủ viên mãn, do đó Ngài thấy thế gian như thế nào đó là cái thấy đúng, chớ không phải thấy lầm để chúng ta không còn nghi ngờ Phật nói. Nhục nhãn thấy không xa, che tấm giấy là không thấy, quá mười mấy cây số là không thấy, như vậy cái thấy đó bị giới hạn, cho nên nhiều khi nói tôi thấy như vậy là đúng, nhưng chưa chắc là đúng, vì cái thấy của chúng ta quá tầm thường. Thế nên nói Phật đầy đủ cả năm con mắt để xác nhận cái thấy của Phật không còn lầm lẫn nữa.

Tiếp theo Phật mới dạy, ví như có con sông Hằng, trong sông Hằng đó có bao nhiêu cát, rồi một hạt cát của sông Hằng đó là một sông Hằng thứ hai, như vậy bao nhiêu cát sông Hằng là bấy nhiêu sông Hằng nữa. Vậy số sông Hằng thứ hai đó nhiều ít? Trong số sông Hằng thứ hai đó, mỗi sông Hằng có bao nhiêu cát, mà một hạt cát của số sông

Hằng thứ hai đó là một thể giới, quý vị tính thử bao nhiêu thể giới. Chỉ số sông Hằng thứ hai là tính không nổi, hướng là một hột cát trong số sông Hằng thứ hai là một thể giới. Bao nhiêu thể giới đó, đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề nhiều chẳng, ngài Tu-bồ-đề thưa là rất nhiều. Phật bảo, trong bao nhiêu thể giới đó có bao nhiêu chúng sanh và bao nhiêu chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Phật thấy đều biết không lầm lẫn. Như vậy Phật xác nhận cái thấy của Phật để đưa đến ví dụ là tâm của bao nhiêu chúng sanh Ngài đều biết hết. Vì có sao? Phật giải thích: Như Lai nói các tâm đó đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Vì có sao? Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được. Như vậy thì đức Phật biết tâm gì? Đó là chỗ thật hệ trọng. Giả sử tôi nói thể này: Tất cả quý vị trong hội giảng hôm nay tôi đều biết tâm quý vị hết, quý vị tin không? Có vẻ khó tin. Chắc sẽ có người đứng dậy hỏi: "Thầy biết tâm tôi đang nghĩ gì không?" Thế mà tôi quả quyết tôi biết thật, vậy tôi có phải Thánh không? Tôi biết thật, biết chắc chắn không nghi ngờ... Chắc có nhiều người ngạc nhiên lắm. Tôi biết chắc chắn trăm phần trăm không nghi, vì tôi biết tâm quý vị là vọng tưởng, tôi biết tâm quý vị là không thật. Tôi biết đúng như vậy. Quý vị thấy đúng không? Tôi thấy, tôi biết đúng như vậy, cái đó ngàn đời cũng đúng. Như vậy tâm người nào cũng là vọng tưởng, là không thật, còn việc nghĩ gì đó thì nghĩ tôi không cần biết, tôi chỉ cần biết thể của nó là không thật, là vọng tưởng thôi, đó là tôi biết thật phải không? Vì thế đức Phật bảo: Tất cả tâm chúng sanh đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Biết rõ tất cả tâm chúng sanh là hư vọng không thật, biết rõ không nghi ngờ nên Ngài kết luận: Vì có sao? Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

Tâm quá khứ là tâm gì? Tức là tâm tưởng nhớ lại việc quá khứ. Phần nhiều chúng ta hiện nay sống với mấy tâm? Mình sống với ba thời: tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai. Những người đầu hơi hoa râm như tôi hoặc là bạc trắng hơn nữa thì sống với tâm nào? Tâm quá khứ, cứ nhớ thuở xưa, lúc đương thời làm những gì, nhớ những gì thuộc quá khứ như vậy là tâm quá khứ. Nhưng những tâm duyên về quá khứ có thật không? Nó là bóng dáng không thật nên quá khứ tâm bất khả đắc. Rồi tâm hiện tại là tâm gì? Là cái tâm suy tính, đang nghĩ đang tính một điều gì. Tâm suy tính đó có dừng lại ở một chỗ thật không? Đang suy tính mà nhìn lại nó cũng mất, cũng không thật. Đến tâm tưởng tượng vị lai, mai kia thế này, mai kia thế khác, như những người thanh niên nghĩ ngày sau mình sẽ như thế nào đó v. v... Tâm đó có thật không? Vị lai là chưa đến mà hiện giờ tưởng tượng ra thì cũng là cái tưởng tượng bóng dáng thôi. Như vậy ba thời tâm có thật không? Vậy biết rõ ba thời tâm không thật là biết đúng sự thật. Chúng ta cứ muốn biết cái bóng của tâm thôi, nhưng biết ngay thể của tâm mới là biết thật. Cái "nghĩ gì" là bóng dáng không đáng kể, biết bản chất nó không thật mới là biết. Vậy mà chúng ta cứ muốn biết cái bóng dáng chứ không chịu biết cái chân thật. Biết rõ tâm mình hư giả không thật, biết rõ tâm người hư giả không thật, biết rõ cả người là tướng duyên hợp không thật nữa thì cái biết như vậy là khá lắm rồi. Nếu chúng ta hằng biết được như vậy thì chúng ta

vượt hơn phạm tình, phạm tình chỉ biết tâm vọng tưởng của người, như đang vọng tưởng một điều gì, vọng tưởng thương người này, vọng tưởng ghét người kia... Rồi chấp vào đó để phiền não, như vậy thì biết làm chi; trái lại phải biết tâm của họ là hư giả không thật, phải biết rõ như vậy. Chúng sanh hiện giờ luôn luôn sống với cái hư giả, do sống với cái hư giả nên không bao giờ đạt được lẽ thật vì ba thời tâm đều không thể được. Quý vị có nhớ bà già nói với ngài Chu Kim Cang không? Bà nói: "Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được, thầy điểm tâm nào?" Chính điều đó nhắc chúng ta thấy rằng tất cả tâm hướng về ba thời là tâm hư vọng không thật. Đã là hư vọng không thật tại sao chấp, tại sao bám vào đó cho là mình? Có người nào không bám vào đó cho là mình không? Mà bám vào cái không thật cho là mình thì không phải si mê là gì? Thế nên đây thật là một yếu tố để chúng ta tu. Trong đoạn trước Phật phá chấp thân làm ngã, trong đoạn này Phật phá chấp tâm làm ngã. Nếu chúng ta còn thấy tâm duyên theo ba thời là thật thì đó là mê lầm, chấp tâm sanh diệt là mình. Nếu chấp tâm sanh diệt là mình thì đó là động cơ dẫn vào sanh tử luân hồi. Trái lại nếu biết rõ tất cả những tâm duyên quá khứ, hiện tại, vị lai là bóng dáng không thật, biết thật như thế thì tất cả đều buông, mà buông bỏ không chấp thì đâu còn nghĩ phải quấy, hay dở v. v... Thấy nó là hư giả thì nó không dẫn mình đi, như vậy tự nhiên cái hư giả buông đi thì tâm chân thật hiện tiền, đó mới là trí tuệ như thật. Chúng ta biết nó hư giả là biết bằng quán chiếu Bát-nhã mà khi quán chiếu thành công thì thật tướng Bát-nhã hiện tiền. Đó là cái thực tế để tu.

Quý vị thấy hiện giờ chúng ta khổ là tại sao? Vì tất cả chúng ta đều sống theo tâm vô thường sanh diệt quá khứ, hiện tại, vị lai... Đây tôi nói chuyện đời xưa cho quý vị nghe một chút. Quý vị nhớ câu chuyện Lưu Thần Nguyễn Triệu nhập Thiên thai, câu chuyện vui chứ phải không? Câu chuyện này có một triết lý rất hay. Thử hỏi chúng ta ai mà không muốn được ở cảnh tiên? Việc gì sung sướng thì nói sướng như tiên, vậy có ai nghĩ rằng lên cảnh tiên còn muốn trở lại cõi trần tục này nữa không? Chắc không có ai. Đang ở cõi trần, chúng ta ước mơ được lên cảnh tiên, nếu lên được cảnh tiên thì còn gì sung sướng bằng. Vậy tại sao Lưu Thần Nguyễn Triệu lên cảnh tiên rồi lại khởi lòng trần tục nhớ lại trần gian? Đã được lên cảnh tiên rồi, có tiên hầu hạ, tiệc tùng v. v... tại sao còn mong lòng trần tục muốn về thăm quê hương? Và khi đã từ giả cảnh tiên trở xuống trần rồi thì thế nào? Có an phận ở lại cõi trần tục không? Hay về trần tục lại nhớ cảnh tiên nữa? Như thế là tại sao? Đó là tại tâm vô thường của chúng ta. Chúng ta luôn luôn sống với tâm nhìn lui về quá khứ, ước mơ vị lai mà lãng quên hiện tại, nếu ngay hiện tại thì chấp nhận cái hiện tại sanh diệt mà không thấy cái hiện tại thực tế. Thế nên khi chưa được cảnh tiên thì ước mơ cảnh tiên, khi được cảnh tiên lại nhớ tiếc quá khứ muốn trở về cõi phàm tục, khi trở lại cõi trần thấy chán ngán lại muốn trở lên cảnh tiên, cứ qua lại mãi. Tất cả chúng ta cũng không khác Lưu Thần Nguyễn Triệu. Quý vị thấy có ai đang ở đây mà nói mình vui vẻ, không còn mơ ước gì nữa không? Dầu ở chỗ sung sướng no ấm

đến thế mấy đi nữa, ở mãi rồi cũng thấy tầm thường và mơ ước đến chỗ khác, đến chỗ khác rồi lại mơ ước trở lại chỗ cũ. Đó là bệnh ngàn đời của chúng sanh. Tại vì con người chấp nhận ba cái tâm là mình cho nên không bao giờ an vui được, ở chỗ chưa như ý thì đòi chỗ như ý, được chỗ như ý thì nhớ lại chỗ cũ. Vì vậy người ta cứ chuộng đồ cổ, dù đồ cổ tầm thường cũng vẫn chuộng nó, bảo đồ xưa là quý! Đó là tại tâm niệm tiếc nuối quá khứ rất nặng. Thấy tức cười là đi tới đâu đều ghi nhật ký để ngày sau đọc, sợ việc qua rồi thì mất... Cho những hình bóng quá khứ là có giá trị để sau này làm nguồn an vui của mình. Còn trẻ thì cứ mơ ước vị lai, nhưng đến khi vị lai tới rồi cũng chán chường. Như thế, luôn luôn người ta sống trong chán chường buồn khổ nhớ nhung. Tiếc nuối quá khứ là nhớ nhung, mơ ước vị lai thì chán chường với hiện tại, thành ra điên đảo hoài không bao giờ an, có cười là cười gượng thôi vì có an mới vui, mới cười hoài, còn không an thì không bao giờ vui được. Tâm bất an làm sao vui?"Tâm bình thế giới bình", đó là lẽ thật. Câu chuyện trên ngụ một triết lý của cổ nhân để cho chúng ta thấy tâm con người điên đảo như vậy, không có cái gì làm cho họ bằng lòng, mà không bằng lòng tức là bất an rồi.

Chuyện gần hơn là như lúc tôi ở Thiên Duyệt thất. Thiên Duyệt thất cát tương đối cũng duyên dáng, chung quanh có trồng hoa xác pháo v. v... ở sau là vườn trà, khí trời lành lạnh ... Có một chú ở thành phố lên thăm tôi, vừa mới lên, đầu tiên chú khen: Chà! ở đây thật như là cảnh Thiên thai. Tôi cười. Kế tôi hỏi: Chú định lên chơi bao lâu? - Dạ con ở một tháng. Nhưng mới được một tuần, chú thưa với tôi: Thưa thầy con về. Tôi hỏi: Ủa, sao về mau vậy? - Dạ tại buồn quá! Tôi nhớ lại câu chuyện Lưu Thần Nguyễn Triệu. Thực tế là như vậy, khi chưa đến thì thấy cảnh đó là cảnh tiên, đến rồi, ở một thời gian tự nhiên chán chường. Thế nên con người khi chưa an thì ở đâu cũng không an mà không an thì luôn mong ước, thành ra cứ mong ước mãi hết việc này đến việc kia, lúc nào cũng sống trong ước mơ, chờ đợi.

Trong thế gian này tất cả chúng sanh đều tham sân si như nhau, gặp người này tham sân si, chờ gặp người khác cũng là tham sân si thế thôi. Chỉ tại vì mình tham sân si cho nên gặp ai rồi cũng tham sân si... Thế nên có chờ đợi là chờ đợi còn hay hết tham sân si, điều đó mới đáng mong chờ... Vì thế tôi nói chúng ta tập tâm Bồ-tát nghĩa là khi đang tu tập, thấy ai giúp, ai ngăn trở, chúng ta cũng đều xem là Bồ-tát cả để mang ơn, bái phục mọi người. Quý vị sẽ thấy mình sống trong cảnh Bồ-tát và mình sẽ là người sung sướng nhất, vì thấy chung quanh mình toàn là thiện hữu tri thức bậc thượng. Bồ-tát đâu thể là bậc hạ được. Tôi thấy chúng ta cần có cái nhìn như vậy, sống như vậy mới thấy vui. Cuộc đời chỉ mấy mươi năm... Cho nên có một thiền sư đi tới đâu Ngài cũng nói chuyện ồn náo và cười hoài. Có một vị thiền khách khác ở chung liêu thấy Ngài nói cười ồn quá chịu không được mới lên bạch Hoà thượng. Hoà thượng kêu Ngài lên quở: Sao huynh cười nói ồn náo làm phiền huynh đệ? Ngài trả lời: Bạch Hoà thượng, cuộc đời là

mộng mà con muốn sống mộng vui chứ không muốn sống mộng khổ, vì vậy mà con cười... Thế nên người xưa có những câu nói thật lý thú!



ĐOẠN 19

ÂM:

PHÁP GIỚI THÔNG HÓA.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược hữu nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước đa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước thậm đa.

- Tu-bồ-đề! Nhược phước đức hữu thật, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa, dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa.

DỊCH:

PHÁP GIỚI THÔNG SUỐT KHÔNG BỊ NGĂN TRỞ.

- Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu đầy đầy cả tam thiên đại thiên thế giới dùng bố thí, người ấy do nhân duyên này được phước đức nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn! Như thế! Người này do nhân duyên đó được phước đức rất nhiều.

- Nay Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

GIẢNG:

Quý vị hiểu đoạn này như thế nào? Nếu phước đức có thật thì Như Lai không nói phước đức nhiều, bởi phước đức không, tức không thật nên Như Lai nói phước đức nhiều. Vậy là phước đức có hay không? Đó là câu mà đa số chúng ta đều thấy hơi khó hiểu. Trong đoạn trước tôi nói rằng triết lý kinh Kim Cang là chỉ cho các pháp tự tánh là không, duyên hợp giả có, bởi duyên hợp giả có cho nên nói có nói không chỉ là giả danh chứ không thật. Nếu chúng ta thấy có thật thì cái thấy đó không đúng, bởi thấy không

đúng cho nên nói là không nói phước đức nhiều, mà sở dĩ nói phước đức nhiều là vì thấy rõ tự tánh phước đức không thật, vì tự tánh phước đức không thật cho nên tùy duyên tụ hợp nhiều thì gọi đó là nhiều, tụ hợp ít thì gọi đó là ít. Tụ hợp nhiều thì gọi là nhiều, nhiều đó là tại tùy duyên chớ không phải trên lẽ thật, quý vị nhớ cho thật rõ chỗ đó. Ví dụ có người khuân cả ngàn, cả muôn thùng lúa đổ thành đống, vậy đống lúa đó nhiều hay ít? Quý vị trả lời thế nào? Nói nhiều, ít thì cái nhiều và ít đó là tướng tùy duyên chớ trên lý chân thật, trên lý tánh không, các pháp không có nhiều, ít. Tỉ dụ một khối đất bằng nắm tay ta gọi khối đất nhỏ, khối đất bằng cái thùng thiếc chúng ta gọi là khối đất to, cái to, nhỏ đó là tại sao? Chẳng qua là tướng duyên hợp nhiều ít. Nhiều hạt bụi kết thành khối to gọi là khối đất to, ít hạt bụi kết thành khối nhỏ gọi là khối đất nhỏ. Như vậy to nhỏ là trên sự kết hợp nhiều ít của duyên chớ đâu có gì khác. Quý vị hiểu như vậy mới thấy được ý nghĩa của đoạn này.

Sở dĩ đức Phật nói: Nếu phước đức có thật thì Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai nói phước đức nhiều là vì đứng về mặt tánh không, các pháp do duyên khởi nên tự tánh là không. Tôi nhắc lại một lần nữa, vì tất cả chúng ta quen nghe nói cái bàn thì nghĩ cái bàn thật, nghe nói cái nhà thì nghĩ cái nhà thật, nghe nói cái đồng hồ thì nghĩ cái đồng hồ thật, mỗi vật chúng ta đều cho nó là thật, tức là nhận có một cái thể chân thật ở trong nó. Người trí tuệ như đức Phật thì không thấy như thế; đồng hồ, nhà, bàn... chỉ là tướng duyên khởi hay là duyên hợp mà tự tánh cái đồng hồ là không, tự tánh cái nhà là không, tự tánh cái bàn là không, do duyên hợp nên giả có. Vì duyên hợp giả có nên duyên nhiều thì nó to, duyên ít thì nó nhỏ; nó to, nó nhỏ là nói lý tùy duyên. Thế nên đức Phật bảo: Nếu có thật, có thật thể thì không nói nhiều, nói ít, vì không có thật thể nên tùy duyên nhiều thì gọi là nhiều, duyên ít thì gọi là ít. Trên lẽ chân thật, các pháp không cố định nên nói rằng tánh nó là không. Vì thế trên tánh không mà nói có lớn nhỏ là sai, chỉ trên tướng tùy duyên mới có to, có nhỏ khác nhau.



ĐOẠN 20

ÂM:

LY SẮC LY TƯỚNG.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?

- Phát đã Thế Tôn! Như Lai bắt ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?

- Phát đã Thế Tôn! Như Lai bắt ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.

DỊCH:

LÌA SẮC, LÌA TƯỚNG.

- Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Phật có thể do đầy đủ sắc thân mà thấy chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ sắc thân mà thấy. Vì có sao? Như Lai nói đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân ấy gọi là đầy đủ sắc thân.

- Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thể do đầy đủ các tướng mà thấy chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ các tướng mà thấy. Vì có sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, ấy gọi là các tướng đầy đủ.

GIẢNG:

Tựa của đoạn này là lìa sắc lìa tướng tức là lìa chấp sắc và lìa chấp tướng. Căn cứ vào đâu mà lìa chấp? Tức là căn cứ ngay nơi thân Phật, nên đức Phật mới hỏi: Có thể do đầy đủ sắc thân mà thấy Như Lai chăng? Trong kinh nói đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đó là đầy đủ sắc thân. Có thể do những cái đó mà thấy Phật chăng? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Không. Tại sao? Vì Như Lai thường nói đầy đủ sắc thân tức không phải đầy đủ sắc thân, ấy gọi là đầy đủ sắc thân.

Đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân, nghĩa là cái sắc thân đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đó không có tự thể, tánh nó là không, nên mới nói là không phải đầy đủ sắc thân, nhưng do duyên hợp nên gọi là đầy đủ sắc thân. Quý vị nhớ hai câu đó rõ ràng như vậy. Cũng như tôi nói cái bàn không phải cái bàn, vì sao? Vì nó không có thể thực của cái bàn, nhưng do duyên hợp nên tạm gọi là cái bàn. Như vậy mới hiểu được lời Phật nói. Sắc thân là giả tướng, mà giả tướng đó không có thật thể. Tỉ dụ nói ba mươi hai tướng tốt của Phật, thì ba mươi hai tướng tốt đó, cái gì là thể cố định thật? Như nói Ngài có trái tai dài hay Ngài có cái ngực no tròn hình chữ vạn v. v...,

những cái đó chúng ta nói cái nào là thật, là chủ của thân. Ba mươi hai tướng chẳng qua là nhiều phần ráp lại, đủ ba mươi hai tướng gọi là Phật, như vậy ba mươi hai tướng đó chỉ là những giả tướng chứ không phải thật. Nếu cho ba mươi hai tướng là Phật thì không thấy Phật vì đó là mắc kẹt trên tướng. Lại nữa, ba mươi hai tướng hiện nay còn không? Ba mươi hai tướng là duyên hợp cho nên khi đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất. Còn Như Lai có mất hay không? Như vậy để chúng ta hiểu rằng đừng căn cứ vào sắc thân, đừng chấp ba mươi hai tướng tốt là Phật, mà phải biết Như Lai là thể bất sanh bất diệt. Ba mươi hai tướng là tướng không có chủ thể, nên nói là tánh không. Vì tự tánh nó là không nên nói không phải đầy đủ sắc thân, do duyên hợp tạm có nên gọi là đầy đủ sắc thân.

Đến phần các tướng, tướng đây chỉ sáu căn đầy đủ: mắt, tai, mũi v. v... toàn bộ của thân. Đức Phật hỏi: Có thể do đầy đủ các tướng mà thấy Như Lai chăng? Khi này là sắc, là hình sắc trắng đen hoặc là những vẻ tốt biểu hiện ra, ở đây nói về tướng tức là các phần trong thân. Ngài Tu-bồ-đề trả lời: Không thể do các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai. Vì có sao? Vì Phật nói các tướng đầy đủ tức không phải các tướng đầy đủ, ấy gọi là các tướng đầy đủ. Chúng ta tưởng các tướng đầy đủ là Phật nhưng sự thật thì không phải. Vì các tướng không có tự thể cho nên nói không phải các tướng đầy đủ, nhưng duyên hợp có đủ các tướng gọi là các tướng đầy đủ. Hiểu như vậy thì chúng ta có chấp sắc, chấp tướng là thật không? Đây là đức Phật căn cứ vào Ngài, nay thử căn cứ vào chúng ta xem thể nào? Giả sử có một đạo hữu tên Chánh Đức, tôi hỏi rằng có thể do sắc trắng đen của Chánh Đức mà thấy Chánh Đức không. Quý vị trả lời thế nào? Không phải. Nếu do cái đó mà thấy Chánh Đức, khi những cái đó tan rã thì không còn Chánh Đức nữa. Tôi lại hỏi: Có thể do các tướng hoặc là tay chân v. v... ráp lại mà thấy Chánh Đức không. Quý vị trả lời thế nào? Cũng không phải. Như thế thì các tướng đó chỉ là tướng duyên hợp, tự nó không có thật thể, do duyên hợp nên tạm gọi là các tướng thôi. Vậy con người chúng ta ngoài các sắc, các tướng duyên hợp, còn có cái gì nữa không? Nếu căn cứ vào sắc, vào tướng cho là mình thì thể nào? Như lâu lâu sụt vài ký thì nói tôi sụt hết mấy ký, lên được vài ký thì nói tôi được thêm mấy ký phải không? Như thế là cho việc lên ký, sụt ký là mình. Vậy chúng ta phải nói thế nào cho đúng nghĩa hiểu đạo lý? Tứ đại của tôi lúc này giảm hay tăng thêm được mấy ký, nói thế mới đúng lẽ thật. Nếu chấp nhận tôi là tứ đại thì tứ đại là vô tri, chấp vô tri là tôi thì quá khờ dại, tức là mình đã phủ nhận mình một cách đáng thương. Quý vị kiểm điểm lại xem chúng ta có nói như thế không? Nếu có thì chúng ta đã phủ nhận chúng ta một cách đáng thương. Do đất nước v. v... gặp duyên tốt giữ được nhiều thì đó là tăng, gặp duyên xấu tiêu hao đi thì gọi là giảm. Như thế tăng giảm chỉ là việc của tứ đại chứ không liên hệ gì đến mình cả. Ngày xưa khi năm, mười tuổi mình thấp chừng tám, chín tấc thì cũng là mình, bây giờ bốn mươi, năm mươi tuổi cao lên cả một thước mấy thì cũng vẫn là mình. Cao thấp đó là do tứ đại tăng trưởng chứ đâu phải mình có cao, có thấp. Cao thấp là tướng duyên hợp nhiều ít, còn mình thì vẫn là mình. Hiểu như thế là ta hiểu lời đức Phật nói Sắc tướng không phải là Như Lai. Nếu

chấp sắc tướng là Như Lai thì khi sắc tướng tan rã Như Lai đâu còn. Bởi sắc tướng là duyên hợp nên chúng ta đừng chấp sắc tướng là mình, nếu ai chấp sắc tướng là mình là đã quên mất mình rồi. Nếu không chấp sắc tướng là mình thì có đẹp cũng không tự cao, có xấu cũng không tủi hổ, đẹp xấu chỉ là sắc tướng đầy đủ hoặc thiếu kém... Nếu hiểu như vậy tức chúng ta thoát ngoài hai cái khổ: Đẹp thì sanh kiêu mạn, xấu thì sanh tự ti. Như vậy lúc nào mình cũng an ổn, cả khi gần tất thảy mình cũng an vui. Tại sao? Vì đó là sắc tướng hết duyên nên hoại chớ đâu phải mình hoại. Trái lại nếu nhận sắc tướng là mình thì khi sắp hoại sẽ khổ sở vô ngần, vì thấy mình sắp mất nên kinh hoàng. Quý vị thấy khi ta nhận sâu được lý kinh rồi mới thấy đúng lẽ thật, do đó lòng ta an ổn trước những cảnh mà thiên hạ hoảng hốt. Đó là điều thiết yếu cho cuộc sống. Thế nên hiểu đạo thì sống an lành. Chúng ta hiện nay vì không hiểu đạo nên cứ bám vào sắc thân, cho nó là mình nên khi nó tăng hoặc nó có gì thay đổi hơn người thì tự hào, tự mãn hoặc sanh khinh mạn, khi nó thiếu kém thì xấu hổ, buồn tủi, tự ti, đó là điều lầm lẫn. Tóm lại nếu còn chấp sắc, chấp tướng thì không thấy Như Lai, nhưng Như Lai đây không phải là đức Thích-ca, vậy không thấy Như Lai nào? Như Lai mà mỗi người tự có đó!



ĐOẠN 21

ÂM:

PHI THUYẾT SỞ THUYẾT.

Tu-bồ-đề! Nhữ vật vị Như lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu-bồ-đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp. Nhĩ thời Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?

Phật ngôn: Tu-bồ-đề! Bĩ phi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh.

DỊCH:

KHÔNG NĂNG THUYẾT VÀ SỞ THUYẾT.

Này Tu-bồ-đề, ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này, ta sẽ có nói pháp, chớ khởi cái nghĩ ấy. Vì có sao? Nếu người nói Như Lai có nói pháp tức là phỉ báng Phật, không thể hiểu nghĩa ta đã nói. Này Tu-bồ-đề, nói pháp đó không có pháp có thể nói ấy gọi là nói pháp. Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, và lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này sanh lòng tin chăng? Phật bảo: Tu-bồ-đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh.

GIẢNG:

Đây là lìa năng thuyết và sở thuyết. Năng thuyết là người hay nói, sở thuyết là pháp bị nói. Người hay nói và pháp bị nói đều lìa, tại sao? Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: Ông chớ nói Như Lai khởi nghĩ sẽ có nói pháp, chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì nếu người nói Như Lai có nói pháp tức là chê bai Phật, không hiểu nghĩa Phật nói. Như vậy chúng ta có chê bai Phật không, vì chúng ta luôn luôn nói Phật thuyết pháp. Kinh là Phật nói, nếu nói Phật nói là chê bai Phật. Quý vị làm sao hiểu được đoạn này? Đức Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: Nói pháp tức là không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp. Đó là chỗ thật là khó hiểu phải không? Tại sao đức Phật nói pháp bốn mươi chín năm trong lịch sử ghi rõ ràng, nhưng nếu nói Phật thuyết pháp là phỉ báng Phật? Nếu chúng ta thấy thật có Phật, thân tứ đại của Ngài là thật và pháp Ngài nói ra là thật, chúng ta không hiểu nghĩa Ngài nói rồi. Ngài bảo tứ đại là duyên hợp không thật mà chúng ta nói là thật, tức chúng ta phản bội Phật. Nếu Phật không thật thì pháp Phật nói có thật không? Vậy nếu cho là có pháp thật Phật nói thì không phải chê bai Phật là gì? Chúng ta phải hiểu rõ Phật nói pháp là nói các pháp ở thế gian không có tự thể, do duyên hợp giả có nên không có một pháp thật; nay chúng ta chấp Phật nói pháp thật thì đó là phỉ báng Phật chớ gì. Pháp Phật nói chẳng qua là tướng tùy duyên, không có thật thể, cũng như thân Phật cũng là tướng tùy duyên không có thật thể, nếu chúng ta thấy là thật là phản bội lời Phật, vì vậy nói là phỉ báng Phật. Trái lại chúng ta biết Phật thuyết pháp đó là tướng tùy duyên thì không có lỗi gì cả, hiểu như thế là chúng ta không phỉ báng Phật.

Tỉ dụ từ trước đến giờ quý vị đã nghe tôi nói, bao nhiêu ngôn từ, quý vị tìm lại xem có không? Lời lẽ phát ra là tướng duyên hợp, do nó hợp với nhĩ căn của quý vị, nên có chủng tử gieo vào tàng thức cũng là tướng duyên hợp. Từ duyên này phát ra rồi duyên kia thâm vào, đó đều là tướng duyên hợp, không có một pháp thật. Nếu có pháp thật thì những lời tôi nói ra sẽ thành khối chớ không mất, nhưng khi tôi nói ra rồi quý vị thử tìm xem nó còn không? Nhưng duyên đó lại gắn vào trong tàng thức của quý vị, quý vị có thể ôn lại những ngôn từ đó được, đó là tướng của duyên chớ đâu có một pháp thật. Hiểu như thế, người nghe pháp cũng như người nói pháp đều là tướng duyên hợp chớ không phải thật. Thế nên đức Phật bảo: Nói pháp là không pháp có thể nói, tức là không có pháp thật nào để nói cả, chỉ tùy duyên để đánh thức chúng ta biết các pháp là hư giả, không thật thể.

Như thế khi biết các pháp hư giả không thật thể thì nói pháp là phương tiện nói, cho nên không pháp có thể nói ấy gọi là nói pháp. Nếu nói rằng tôi nói cái này một là một, hai là hai, cố định như vậy đời đời kiếp kiếp, đó mới là pháp thật để nói phải không? Như vậy chúng ta phải hiểu rằng tất cả ngôn từ Phật nói ra cũng chỉ là giả danh, tùy duyên. Bởi giả danh nên nó không có thật thể, do đó không có pháp có thể nói mà tùy duyên phát ra nên gọi là nói pháp. Đó là Ngài chỉ thẳng không có pháp để nói.

Đến đây nói về người. Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch rằng: Và lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này, họ sanh lòng tin chăng? Tại sao đoạn trước nói tôn giả Tu-bồ-đề hay ngài Tu-bồ-đề mà đoạn này lại thêm chữ Tuệ Mạng? Chữ Tuệ Mạng là chỉ cho hàng Thanh văn đã ngộ đạo, các Ngài thấy mạng sống của các Ngài là trí tuệ chớ không phải là tứ đại, các Ngài lấy trí tuệ làm mạng sống nên gọi là Tuệ Mạng. Lẽ ra đức Phật trả lời hoặc họ tin hoặc không tin, tại sao đức Phật bảo: Đây Tu-bồ-đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì có sao? Đây Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh. Như thế Phật có trả lời ngài Tu-bồ-đề không? Quý vị nghe thật lạ phải không? Tại sao chẳng phải chúng sanh? Vì không có tự thể. Chúng sanh ấy chẳng qua là tướng duyên hợp không có tự thể, nên nói chẳng phải chúng sanh, nhưng trên tướng duyên hợp thì có, nên nói "Chẳng phải chẳng chúng sanh" tức là chúng sanh. Như vậy câu đầu chẳng phải chúng sanh là để chỉ rõ nó không có tự thể, câu thứ hai chẳng phải chẳng chúng sanh chỉ rằng ấy là tướng duyên hợp giả có. Trên tướng duyên hợp thì giả có chúng sanh, trên tự thể thật của nó thì không có. Kế đến Ngài kết thúc: Vì có sao? Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh đó Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh. Vì chúng sanh chỉ là tướng duyên hợp cho nên Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, do duyên hợp giả danh gọi là chúng sanh nên nói ấy gọi là chúng sanh. Quý vị thấy cái nhìn của đức Phật với cái nhìn của chúng ta khác nhau chỗ nào? Chúng ta thấy chúng sanh là chúng sanh; đức Phật thấy chúng sanh không phải chúng sanh, ấy mới gọi là chúng sanh.

Nếu chúng ta bắt chước nhìn đúng như đức Phật thì chúng ta cũng giống Phật. Trái lại nếu chúng ta cứ nhìn như từ trước đến nay thì chúng ta không giống Phật chút nào cả. Tôi nhắc lại đức Phật thấy chúng sanh là tướng duyên hợp không có tự thể cho nên không phải chúng sanh, nhưng do duyên hợp nên tạm gọi là chúng sanh. Nếu chúng ta thấy mình và người đều là tướng duyên hợp không có tự thể, không tự thể thì không có ngã. Không có ngã nhưng do duyên hợp nên tạm gọi là ta, là người. Như thế ta và người chỉ là tạm theo duyên mà nói. Nếu nhìn rõ ràng thấu đáo như vậy thì chúng ta đã có trí tuệ gần với đức Phật. Chúng ta muốn làm Phật thì phải chịu khó nhìn như Phật, tại sao mình không chịu nhìn như Phật mà cứ nhìn theo mình mãi? Nếu chúng ta nhìn đúng trí tuệ Phật dạy thì tự nhiên mọi cố chấp đều tan, như thế việc tu hành rất dễ. Trái lại nếu chúng ta cứ nhìn theo cái mê lầm của mình thì tu nhiều công mà kết quả ít. Tỷ dụ như

chúng ta thấy mình là thật, người là thật, nghe tiếng nói cũng là thật... Bất chợt có ai nói một câu nghe hơi nặng tai một chút thì chúng ta dễ dẫn lòng hay khó? Nếu thấy mình là giả, người giả, ngôn từ cũng giả thì dù họ có nói câu hơi nặng tai, chúng ta cũng bỏ qua vì đó là giả, tức nhiên mình không đề nén gì hết, mà tâm mình tự an, sự tu hành cũng nhẹ nhàng thanh thoi. Do trí tuệ đi đầu nên chúng ta nhìn đúng với chiều đức Phật nhìn, tức là mình đã tỉnh giác và đã khác hơn phàm phu. Phàm phu nghe câu nói nặng nhẹn không nổi, chúng ta nghe mà nhẹn nổi vì chúng ta xem nó là hư giả. Đó là thấy đúng lẽ thật, đó là sống bằng trí tuệ, chúng ta buông xả các chấp, đó là tu bằng cách buông nhẹ nhẹ. Còn thấy không đúng lẽ thật thì cố gắng nhẫn nhẹn, rốt cuộc càng khổ tâm vì chỉ đề nén đến một mức nào thôi.. .

Thế nên ở đây đức Phật muốn chỉ cho chúng ta thấy rõ không có người năng thuyết thật, và không có pháp sở thuyết thật, hay nói một cách khác là không có thật người và cũng không có thật pháp. Pháp và người chẳng qua là tướng duyên hợp thôi, đã là tướng duyên hợp thì có gì mà chấp. Chấp người là chấp ngã, nói ra là chấp pháp mà chấp ngã chấp pháp là phải trầm luân ngàn đời. Nay chúng ta thấy rõ chúng sanh không phải là chúng sanh, duyên hợp tạm gọi là chúng sanh, nhớ rõ như vậy thì khi nào ai xúc chạm đến ta, chúng ta cứ nhớ câu trên, tự nhiên mình sẽ nhẹ nhàng. Tất cả pháp còn không thật huống là những lời nói sai quấy. Khi con người sân hận, họ hay thốt ra những lời sai quấy, những lời đó đâu có thật mà chấp. Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp! Pháp của Phật là pháp cao siêu mà còn phải xả huống là những lời nói phi pháp thì chấp làm gì. Hiểu như thế chúng ta thấy việc tu hành dễ hay khó? Hiện nay chúng ta tu không nổi vì chúng ta chấp những cái phi pháp hoài, nên buồn người này, giận người kia v. v... lỡ ai có một lời nói không tể nhị thì mình tức giận, mất ăn mất ngủ, đó là cái khổ do mình chấp ngôn ngữ, chấp những cái phi pháp. Vậy chúng ta học một đoạn kinh Phật là chúng ta có một kinh nghiệm để tu chứ không phải học suông.

Tóm lại qua lời Phật dạy, chúng ta thấy rõ người hay nói và pháp bị nói đều không thật, khi chúng ta không chấp là thật thì chúng ta phá được chấp ngã và chấp pháp. Ngã và pháp đều phá thì đó là vào hàng Sơ địa Bồ-tát. Thanh văn chỉ phá được chấp ngã chứ chưa phá được chấp pháp. Như hàng Thanh văn thì nói ngã là không nhưng Niết-bàn là có tức là còn kẹt vào pháp, nói bồ-đề là có tức là còn kẹt vào pháp. Chỉ phá được chấp ngã đã gọi là chứng Tứ quả Thanh văn, nếu phá luôn được chấp pháp thì đó là Đẳng địa Bồ-tát. Vậy nếu chúng ta chịu khó thực hành thì chắc được phải không? Tôi thấy nếu mình cố gắng thì nhất định phải được, không được là vì mình không cố gắng.



ĐOẠN 22

ÂM:

VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phật đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, vì vô sở đắc da?

Phật ngôn: Như thị, như thị! Tu-bồ-đề! Ngã ư A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

DỊCH:

KHÔNG PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay là không được ư? Phật bảo: Đúng như thế, như thế! Này Tu-bồ-đề, ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhãn đến không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

GIẢNG:

Quý vị thấy bệnh chấp của chúng ta, từ những cái chấp có mình thật, pháp thật, kể đến là chấp có cái này để được, cái kia để chứng... Trong đoạn này đức Phật phá đến có chúng, có đắc. Ngài Tu-bồ-đề hỏi đức Phật: Thế Tôn có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay là không được? Nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đâu gọi là Phật. Tại sao ngài Tu-bồ-đề lại hỏi như thế? Hỏi có được, không được là để xác nhận lại xem có năng đắc và sở đắc hay không? Khi đó đức Phật liền trả lời: Đúng thế, đúng thế! Tu-bồ-đề! Ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có một ít pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như thế quý vị mới thấy bệnh của chúng ta hiện nay, hoặc là phật tử, hoặc là tăng, ni có tu được chút công phu khi gặp nhau liền hỏi: Lúc này anh chứng được gì rồi? Lúc này huynh được cái gì rồi, thầy được cái gì rồi? Như thế chúng ta cứ mắc kẹt trong cái chứng cái đắc. Nếu có chứng có đắc nghĩa là có được, một là có người hay được, hai là có pháp bị được. Đoạn trước có nói, không có người nói pháp và không có pháp bị nói thì làm sao có người hay được và pháp bị được. Nếu còn thấy có cái để cho mình được thì không phải là Phật. Thế nên nếu nói có được tức là nói Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là phi báng Phật. Tại sao? Nếu Ngài còn thấy có sở đắc thì Ngài còn ngã, còn pháp.

Đức Phật nói: Ta đối Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chỗ giác ngộ cứu kính không còn thấy có một chút ngã pháp. Do không còn một chút ngã pháp nào cho nên chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được mà không được! Chỗ này thật khó nói. Đến đây tôi nhớ ngài Hoàng Bá nói rằng: Nếu một hạt bụi chúng ta đập nát ra thành một trăm hạt nhỏ, trong một trăm hạt bụi nhỏ đó, chín mươi chín hạt chúng ta thấy là không, còn một hạt nhỏ xíu, nếu thấy có thì cũng là chưa thấy đạo! Còn một chút xíu mà thấy có là chưa thấy đạo! Một chút xíu mà còn thấy được cũng chưa phải là Phật! Chúng ta hiện nay cái gì cũng muốn được hết, được cái này, được cái kia v. v... Cho nên cứ mãi làm chúng sanh! Vì lúc nào chúng ta cũng ôm cái bản ngã to tướng nên thấy các pháp đều là thật, vì vậy muốn được cái này, được cái kia... Do đó khi vào đạo tu hành cũng vẫn nghĩ đến cái được mãi, nghe nói không được thì sanh chán nản vì không hợp với bản ngã. Nhưng quý vị thấy nếu còn mang bản ngã, cho bản ngã là thật làm sao giác ngộ, vì đó là tướng si mê mà! Ở đây Phật chỉ thấu đáo rằng nếu không còn thấy có một chút pháp để được, mới thật giác ngộ đến chỗ vô thượng, không còn gì hơn. Trái lại còn có một chút được là không được, là chưa giác ngộ. Như thế người nào nói tu ba tháng hay bốn tháng hay sáu tháng được cái này, cái kia v. v... thì chúng ta liền biết người đó làm to thêm cái bản ngã. Vậy mà hiện nay thiên hạ hay gạt nhau như thế, vào đạo bằng cách tô điểm cho bản ngã lớn thêm, đó chỉ là chồng chất thêm si mê chứ không phải là dạy đạo. Giác ngộ là phải thấy tận lẽ thật, mà thấy đến lẽ thật thì bao giờ còn một chút mê lầm, dù là một chút xíu thôi, về ngã về pháp cũng là chưa viên mãn giác ngộ. Như vậy chúng ta thấy tu theo đức Phật có vẻ buồn phải không? Tại sao? Bởi vì ở thế gian, sở dĩ chúng ta vui là khi nào chúng ta được nhiều người hoan nghênh, nghĩa là khi được người ta tô điểm, vuốt ve bản ngã. Trái lại lúc bị dìm bản ngã xuống, lúc đó chúng ta buồn, mà ở đây Phật phá không còn một chút nào hết thì không buồn sao được! Nhưng đó là cái buồn của kẻ si mê chứ khi giác ngộ mình sẽ thấy rõ phải mất cái giả đó mới đạt được cái thật. Thiên hạ cứ chết chìm trong cái giả thì đời nào thấy được cái thật! Thế nên đức Phật đập tan cái giả, không cho chúng ta chấp cái giả một chút nào cả để rồi Ngài chỉ chúng ta cái chân thật. Như vậy vào đạo trước hết phải buồn, vì không có những cái tô điểm bản ngã thì dường như buồn, nhưng thật ra phải biết chính đó là niềm vui. Tại sao? Vui vì mình thấy được lẽ thật, vui vì thấy mình qua được cơn si mê mà thế gian đã chôn vùi mình không biết bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp. Nay mình nhảy vọt qua khỏi hầm si mê thì đó là điều đáng mừng, người không biết thì buồn vì mất bản ngã. Như thế chúng ta học đạo là cốt làm sao tự mình thoát ra khỏi cái khổ chìm trong đen tối si mê, và cái vui thoát khỏi cơn si mê là cái vui lớn lao. Người nào biết hưởng cái vui đó là người gần với đạo, còn người nào nghe phá bản ngã sanh ra sợ, buồn thì người đó khó gần được đạo. Thế nên trong nhà Phật thường ví dụ người si mê như con tằm nhả tơ kết thành kén, càng nhả tơ càng kết kén nhốt mình ở trong, rốt cuộc bị bỏ vào chảo nước sôi để người ta kéo chỉ... Người thế gian cũng thế, tự mình

chấp ngã, rồi muốn mọi người tô điểm bản ngã của mình, tạo điều này, điều kia đưa bản ngã mình lên... Đó là mình nhả tơ kết kén để chôn mình, cuối cùng bị chôn vùi không thể nào thoát được. Vì thế người học đạo phải là người tỉnh giác. Như tôi thường nói quý vị đến với chúng tôi là chúng ta cùng tìm lẽ thật, mà lẽ thật ngay nơi con người mới là thiết yếu và khi mình thấy được lẽ thật rồi, đó là cái vui cao cả, cái vui của trí tuệ. Người nào vui được như thế, tôi tin rằng có ngày họ sẽ thoát khỏi mê lầm, nếu không được cái vui đó chỉ là học để mà chơi chứ không đi tới đâu cả. Hiểu cho thật rõ như vậy thì khi vào đạo chúng ta phải hiểu bằng trí tuệ, chứ đừng đòi hỏi được sự nuông chiều bản ngã, đừng đòi hỏi những sở đắc, sở chứng, đó là những cái mê muội...

Tuy nói như thế mà Phật có chứng hay không? Bởi vì khi đập tan được cái bản ngã hư giả này thì chừng đó mới sống với cái thể chân thật, đó là chứng, là đắc; nhưng không phải chứng đắc trên cái giả dối tạm bợ mà lâu nay chúng ta mê lầm, chính khi sống được với cái chân thật thì gọi là Phật. Ở đây nói cho đến không có một chút pháp để được ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa là không có một chút pháp có thể được nên mới gọi là Phật. Nếu còn có được thì chưa phải là Phật. Qua lời Phật dạy ở đây, chúng ta liền nhìn ra những ai dạy đạo mà đặt nặng sự chứng đắc thì chúng ta biết đó là khó thoát sanh tử. Hiểu như thế thì giả sử có ai nói tôi đã đắc đạo, tôi thành Phật v. v... chúng ta tin được chưa? Đó là trái với đức Phật rồi. Thế nên chúng ta phải dùng kinh của Phật dạy để khỏi lầm, những người đi trong con đường lầm lại chỉ cho chúng ta lầm theo.



ĐOẠN 23

ÂM:

TỊNH TÂM HÀNH THIỆN.

Phục thứ Tu-bồ-đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả tu nhất thiết thiện pháp tắc đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

DỊCH:

TÂM TRONG SẠCH LÀM VIỆC THIỆN.

Lại nữa Tu-bồ-đề, pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả tu tất cả pháp lành tức được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề, nói rằng pháp lành đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp lành, ấy gọi là pháp lành.

GIẢNG:

Tịnh tâm là tâm trong sạch tức là không còn chấp ngã, chấp pháp, lúc đó lại làm lành nữa mới gọi là Phật. Đây đức Phật nói: Pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bình đẳng không có cao thấp gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hay nói ngược lại là pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tâm bình đẳng không có cao thấp. Bình đẳng là thế nào? Quý vị thử hiểu xem. Như hiện giờ trong giảng đường có một trăm người nhưng trình độ học thức hiểu biết có bình đẳng không? Nếu đem ra đo lường trình độ thì một trăm người này có thể sai biệt nhau vô cùng, kẻ hơn cái này, người thua cái kia... luôn luôn có sai biệt. Như thế trên tâm lượng hiểu biết do học tập được thì tất cả chúng ta có bình đẳng không? Nay tất cả những kiến thức do học được và những kiến thức do kinh nghiệm trong cuộc sống, chúng ta dẹp qua một bên, lặng hết mọi vọng tưởng thì lúc đó chúng ta có nghe, có thấy, có biết, nhưng những cái đó có bình đẳng không? Thế nên pháp này bình đẳng không cao thấp là thế, nghĩa là người nào đến chỗ đó, tức là được bình đẳng, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng ta học đạo muốn được đạo là chỗ đó. Vì thế đức Phật bảo: Tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật. Nhưng hiện nay sở dĩ chúng ta có thiên sai vạn biệt là do huân tập, chứa chấp không đồng. Cái thiên sai vạn biệt đó là tướng huân tập bên ngoài đem lại, là những chủng tử sanh diệt, chúng ta bám vào đó cho là mình nên bị dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Huân tập cái gì nhiều thì sức mạnh của cái đó dẫn đi, gọi là theo nghiệp thọ sanh. Nếu những cái đó chúng ta cho lặng hết, chỉ còn cái tri giác bình đẳng, lúc đó không còn nghiệp nào dẫn chúng ta đi, là giải thoát, là Phật. Thành Phật ngay ở chỗ đó. Như thế quý vị nghĩ ở đây có người nào không có khả năng thành Phật không? Ai cũng có mà chỉ ung hay không ung làm thôi. Ai không ung làm thì cứ làm chúng sanh, còn ai ung làm thì người đó có ngày sẽ thành Phật. Thế nên đừng trách ai mà phải tự trách mình tại sao không ung làm Phật, do không ung làm Phật nên cứ lạy Phật hoài. Nay tất cả những gì Phật đã làm, chúng ta làm theo đúng như vậy thì chúng ta sẽ là Phật. Như thế pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã sẵn nơi mình, không người nào thiếu. Người nào còn thấy, còn nghe, còn biết thì người đó có khả năng thành Phật. Nếu tất cả chúng ta buông hết những cái do bên ngoài huân vào thì chỉ còn cái ta chân thật, khi ấy sẽ không còn luân hồi sanh tử, đó là giác ngộ thành Phật, đó là căn bản. Như thế thì không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả, vì đến chỗ bình đẳng thì không còn thấy có mình, có người, không thấy ngã nhân thì không thấy chúng sanh, thọ giả. Tại sao? Vì khi quý vị buông tất cả, vọng tưởng lặng xuống chỉ còn cái chân thật hằng giác hằng tri, cái đó

không có niệm dấy lên phân biệt đây là mình, kia là người, cũng không dấy niệm ta là chúng sanh... Chúng sanh là tướng duyên hợp, do các duyên hợp lại mà thành, mà sanh nên gọi là chúng sanh. Cái chân thật đó không phải là tướng duyên hợp nên không phải là chúng sanh, không có chúng sanh thì không có thọ giả tức thọ mạng, không bao giờ sanh thì làm gì có tử mà nói có thọ mạng. Quý vị thấy đến đó là mất hết bốn tướng. Nhưng không phải đến đó rồi không làm gì hết, đến đó lại phải làm tất cả pháp lành, mới là điều đặc biệt. Điều này quý vị nghe cũng khó hiểu. Tại sao đến khi không thấy bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả lại làm lành chi vậy? Tôi ví dụ như một hôm quý vị đi đường, bỗng dưng thấy một người té, người đó không phải là thân, cũng không phải là thù, quý vị liền đỡ họ. Khi quý vị hành động như vậy là do niệm thân thù hay do cái gì? Không có niệm gì hết, thấy họ khổ thì ta giúp. Đó là một ví dụ nhỏ khi mình chưa sạch bốn tướng, huống là khi tất cả chấp ngã, chấp nhân lặn rồi thì các hành động phát ra đều lành hết, cái lành đó là Vô duyên từ, nghĩa là lòng từ không có duyên có. Chúng ta hiện nay lòng từ sanh ra đều có duyên có. Tỉ dụ hôm nay có một huynh đệ thấy mình thiếu thức ăn, họ đem qua cho mình một đĩa thức ăn, ngày mai mình thấy huynh đệ đó thiếu thức ăn, nếu mình có thì mình đem cho lại, như vậy lòng từ giúp đỡ nhau đó có duyên có chớ đâu phải không duyên có. Cả khi những người tật nguyền đến xin mình, có khi mình cũng giúp với lòng không có niệm gì hết, nhưng nhiều khi giúp họ mà mình nghĩ là bố thí cho có phước. Nói có phước tức là một lối bỏ ống chớ gì, như vậy cũng là có duyên có. Không còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì lòng từ không có duyên có, thấy người khổ là giúp, vì đâu còn thấy có mình có người mà còn có duyên có. Chúng ta vì thấy có người có mình nên làm gì cũng qui về bản ngã, hoặc là bản ngã hưởng ngay bây giờ hoặc mai sau hưởng, nên việc làm có duyên có, lòng từ có duyên có. Đó là để thấy rõ khi tu hành đến đó rồi làm tất cả pháp lành chớ không phải tâm như như rồi không làm gì hết. Nếu không làm chi cả thì Phật đâu có đi thuyết pháp bốn mươi chín năm, Bồ-tát đạt đến đó rồi cũng đem lục độ giáo hóa chúng sanh. Hiểu như thế mới thấy rằng khi đến đó mới có lòng từ không duyên có và đó mới là lòng từ chân thật. Còn chúng ta hiện nay lòng từ tuy có, nhưng cũng còn mưu toan tính toán hoặc ít hoặc nhiều. Người đời thường nói: Thấy phơi lúa mới cho mượn gạo, nếu như không thấy họ phơi lúa thì không muốn cho mượn gạo... Chúng ta giúp nhau phần nhiều là thấy người kia có thể giúp lại mình việc gì mai sau, như thế đều là những việc có tính toán cả, tâm đó chưa phải bình đẳng, chưa phải là cứu kính. Phải đến chỗ không còn bốn tướng mà vẫn làm pháp lành đó mới gọi là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, tức là những cái giả đó đã phá sạch rồi, đến chỗ như như lại còn hiện thân làm tất cả việc lợi ích cho chúng sanh, như thế mới là Phật.

Nói pháp lành nhưng e chúng ta chấp pháp lành là thật, nên Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: Pháp lành đó Như Lai nói tức không phải pháp lành, ấy gọi là pháp lành. Ở thế gian nói thiện nói ác chẳng qua là tướng duyên thôi. Như thế thì nói pháp lành chẳng qua là

cái tướng của duyên khởi, không có thật cho nên nói không phải pháp lành, nhưng giả danh tạm gọi là pháp lành. Làm đau khổ chúng sanh gọi là ác, làm an vui chúng sanh gọi là lành. Khi đạt đạo rồi, sống được bình đẳng thì thấy tất cả chúng sanh nào khổ mình giúp, giúp họ được vui tạm gọi là lành, chớ đâu phải thật có một pháp lành. Đó là Tịnh tâm hành thiện, tâm hoàn toàn không còn ngã pháp mà làm lành.



ĐOẠN 24

ÂM:

PHƯỚC TRÍ VÔ TỈ.

Tu-bồ-đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư Tu-di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tỳ, hữu nhân trì dụng bồ thí. Nhược nhân dĩ thử Bát-nhã ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị tha nhân thuyết, ư tiền phước đức bách phần bất cập nhất, bách thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

DỊCH:

PHƯỚC TRÍ KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG.

Này Tu-bồ-đề, nếu trong tam thiên đại thiên thế giới có các ngọn núi Tu-di chúa, như thế dùng bảy báu nhóm họp bằng những ngọn núi Tu-di ấy có người mang ra bồ thí. Hoặc có người đem kinh Bát-nhã ba-la-mật này cho đến bốn câu kệ v. v... thọ trì đọc tụng, vì người khác nói thì phước đức của người này đối với người trước, người này trăm phần, người kia không bằng một, trăm ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ cũng không thể bằng.

GIẢNG:

Lại một lần nữa đức Phật so sánh phước đức của người trì kinh Kim Cang. Ngài bảo: Giả sử như trong tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu ngọn núi lớn Tu-di, có người đem bảy báu như vàng, bạc, lưu ly, pha lê v. v... chất bằng những quả núi Tu-di đó ra bồ thí, lại có người ngay trong kinh Bát-nhã ba-la-mật này, cho đến bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng vì người nói thì phước của người này được một trăm phần, còn phước của người bồ thí bảy báu đó không được một phần, cho đến người này được trăm ngàn muôn ức

phần, người kia cũng không được một phần. Như thế để nói phước của người thọ trì đọc tụng và vì người nói kinh Kim Cang hơn phước của người kia không thể tính kể. Tại sao thế? Quý vị thấy thọ trì bốn câu kệ kinh Kim Cang có khó không? Đọc tụng rồi vì người nói thì đâu có gì cực nhọc lắm. Tôi xin hỏi: Giả sử gom hết những ngọn núi trên nước Việt Nam mình thì khối lượng đó bao lớn? Chúng ta có vàng, bạc, lưu ly, pha lê v. v... bằng khối lượng đó đem ra bỏ thí thì quý vị nghĩ xem có nhiều không? Độ chừng bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp, chúng ta tích tụ được vàng bạc, của báu bằng những ngọn núi đó? Thật không biết đời kiếp nào mà kể. Giả sử như ngay ngọn núi lớn Vũng Tàu, chúng ta phải làm trong bao nhiêu đời để có vàng đầy ngọn núi này, huống nữa là vàng bạc bằng bao nhiêu ngọn Tu-di để đem ra bỏ thí. Thế mà phước không bằng người thọ trì đọc tụng và vì người nói kinh Kim Cang. Đối với kinh này, thọ trì đọc tụng vì người khác nói chỉ bốn câu kệ thôi, mà phước của người này một trăm phần, người kia không được một phần. Như thế quý vị chọn việc nào? Thọ trì bốn câu kệ kinh Kim Cang ngay đời này chúng ta làm được không? Còn đem của báu bằng ngọn núi lớn, núi nhỏ Vũng Tàu ra bỏ thí thì bao nhiêu đời chúng ta làm được? Việc nào dễ làm? Việc thọ trì đọc tụng bốn câu kệ kinh Kim Cang xem ra không khó phải không? Thế tại sao chúng ta không ưng làm việc đó? Muốn thọ trì, đọc tụng bốn câu kệ kinh Kim Cang, quý vị nhớ xem phải làm sao?

Nếu nói kệ, trong kinh Kim Cang có hai bài, một bài nói:

Nhược dĩ sắc kiến ngã, Dĩ âm thanh cầu ngã, Thị nhân hành tà đạo, Bất năng kiến Như Lai.

Hoặc bài cuối:

Nhất thiết hữu vi pháp, Như, mộng, huyễn, bào, ảnh, Như lộ diệt như điện, Ưng tác như thị quán.

Hai bài đó quý vị đọc trong bao lâu thì thuộc? Một lát thôi. Trì chừng bao lâu? Nhẹ thật là nhẹ phải không? Vừa nhẹ lại vừa dễ mà tại sao chúng ta không làm? Nhưng tôi xin nhắc lại: Thọ là nhận, trì là giữ, nhận giữ mãi trong lòng gọi là thọ trì, và lâu lâu đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe... Nhưng nhận giữ như thế nào? Như tôi đã nói: Phật thấy tất cả chúng sanh không phải chúng sanh, do duyên hợp nên gọi là chúng sanh. Nếu chúng ta luôn luôn thấy như vậy, thấy mình, thấy người đều biết rõ là tướng duyên hợp không thật, do duyên hợp nên tạm gọi là ta, luôn biết như thế là trì kinh Kim Cang. Như vậy có khó không? Quý vị thấy khó ư? Lúc nào, đi đâu cũng cứ như thế mà thọ trì, luôn luôn thấy rõ như thế, không phút giây nào lằm. Thọ trì như thế, quý vị từ con người phàm dần dần thành Thánh. Vậy tại sao không chịu thọ trì? Làm Thánh thì ưng mà thọ trì như thế thì không chịu. Quý vị hiểu tại sao không? Tại vô minh cứ che hoại, mới vừa nhớ một chút, kể lại quên, thấy ta thật, người thật, cái chi cũng thật, chớ nếu hằng nhớ, hằng

thấy như lời Phật dạy, thấy mình là duyên hợp hư giả, người là duyên hợp hư giả thì quý vị nghĩ còn gì mà sân si, còn gì mà tham lam! Chỉ bao nhiêu đó thôi mà đã gần bậc Thánh rồi, huống nữa là đầy đủ bốn câu! Thế nên việc đó thật ra không phải là khó, nhưng vì chúng ta mê nên quên mãi...

Có nhiều người đến hỏi chúng tôi: Quý thầy ở đây lâu năm tu hành như thế nào? Tôi đáp: Chỉ có bài kinh Bát-nhã mà đọc hoài không thuộc, cứ quên tới, quên lui! Ở đây Phật nói ngắn hơn, chỉ bốn câu kệ thôi mà vẫn không thuộc. Nghĩa là ở đây coi như thuộc, bước ra khỏi chùa là hết thuộc, vì vừa ra khỏi là tính mai làm gì, mốt làm gì v. v... tính một hồi là quên mất câu kinh... Thế nên tất cả chúng ta đều quên, quên mãi, mà quên đó là mê. Vì thế đức Phật chỉ thật là kỹ: Dù cho chúng ta đem bao nhiêu của báu bồ thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Ứng dụng thọ trì bốn câu kinh Kim Cang là phước hơn làm ra bao nhiêu của báu để bồ thí. Thật ra nếu chúng ta nhận được lý đó để sống, tự nhiên chúng ta chuyển cả cuộc đời mình, chuyển từ cái thân giả dối trở lại cái chân thật. Còn bồ thí của cải dù nhiều bao nhiêu đi nữa, sau này sanh ra mình hưởng, nhưng cũng vẫn ở trong sanh diệt. Thế nên khéo trì kinh Kim Cang là đã chuyển mê thành ngộ, bỏ thân luân hồi sanh diệt trở về cái vô sanh, như thế phước đức không gì sánh bằng.



ĐOẠN 25

ÂM:

HÓA VÔ SỞ HÓA.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh. Tu-bồ-đề! Mặc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Thật vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tác hữu ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả tác phi hữu ngã, nhi phạm phu chi nhân dĩ vi hữu ngã. Tu-bồ-đề! Phạm phu giả, Như Lai thuyết tác phi phạm phu, thị danh phạm phu.

DỊCH:

GIÁO HÓA KHÔNG CÓ CHỖ GIÁO HÓA.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này: Ta sẽ độ chúng sanh. Này Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy. Vì có sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ đó. Nếu có chúng sanh Như Lai độ đó thì Như Lai ắt có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề, Như Lai nói có ngã ắt không phải có ngã mà người phàm phu cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề, người phàm phu đó Như Lai nói tức không phải phàm phu, ấy gọi là phàm phu.

GIẢNG:

Lời đức Phật dạy thật thấu đáo, Ngài chỉ đến chỗ tốt cùng mà chúng ta si mê quá lắm! Tôi thường thí dụ như cái hồ bèo phủ kín trên mặt, có người lấy tay vạch bèo bày nước ra, thấy được một chút nước nhưng khi lấy tay lên, bèo phủ kín trở lại. Cái si mê của chúng ta như thế đó. Đây Phật bảo: Tu-bồ-đề, ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ ta sẽ độ chúng sanh. Đây là những bệnh đức Phật chỉ cho chúng ta biết rõ. Thường khi chúng ta được một chút đạo đức là cứ nghĩ mình độ thiên hạ, độ người này, người kia... Nhưng vừa nghĩ mình độ người là thấy mình thật, người thật, ta là người hay độ, kia là kẻ được độ. Nếu thấy mình thật, người thật thì chưa phải, chưa xứng đáng là người giác ngộ, mà không giác ngộ thì độ ai? Thế nên đức Phật bảo tiếp: Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy, vì có sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ. Nếu Như Lai còn thấy thật có chúng sanh thì còn ngã, còn nhân, còn chúng sanh... Cho nên độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh được diệt độ cũng là một ý nghĩ thâm sâu ở đây.

Nếu có chúng sanh Như Lai độ đó thì Như Lai ắt có ngã có nhân... Tại sao? Vì ta là người hay độ và kia là chúng sanh được độ, như thế tức là có mình, có người, có chúng sanh, có thọ giả, tức còn chấp ngã làm sao thành Như Lai? Vì thế cái nhìn của Ngài là: Như Lai nói có ngã đó ắt không phải có ngã. Có khi Phật cũng xưng "Ta" cũng như nói chuyện với quý vị tôi xưng tôi vậy. Nói ta, nói tôi như là có ngã nhưng mà không phải ngã. Vì sao? Khi Ngài nói ngã, Ngài vẫn biết ta là tướng duyên hợp hư giả chớ không phải thật, còn phàm phu nói ta là ta thật. Vì thế nên nói rằng: Như Lai nói ngã đó ắt không phải có ngã mà người phàm phu cho là có ngã. Phật cũng nói có ngã, cũng nói có chúng sanh, nhưng nói ngã, nói chúng sanh là nói theo danh từ của người thế gian. Vì muốn độ thế gian thì phải dùng danh từ thế gian, nhưng khi nói như thế Ngài vẫn thấy rõ những cái đó đều không thật, trái lại chúng ta nói cái nào là thật cái ấy... Nên người phàm phu cho rằng có ngã. Nghe Phật nói phàm phu, chúng ta lại tưởng Phật chấp phàm phu thật nên Ngài lại nói: Phàm phu đó, Như Lai nói tức chẳng phải phàm phu, ấy gọi là phàm phu. Câu này có hai nghĩa. Nói phàm phu đó tức chẳng phải phàm phu. Tại sao? Phàm phu thật ra là một giả danh, mê thì gọi là phàm phu, nếu ngộ rồi thì đâu còn gọi là phàm phu nữa, vì thế phàm phu chỉ là một giả danh chớ không phải thật nên nói "Không phải phàm phu", nhưng trong lúc còn mê thì cũng tạm gọi là phàm phu. Như thế nay nói mình là phàm phu cũng là tạm thôi, đừng nghĩ mình phải là phàm phu suốt kiếp, mai kia

hết mê thì hết phàm phu. Vậy đừng mặc cảm chúng ta là phàm phu, mà phải thấy bây giờ mình là phàm phu chỉ là tạm thôi, khi hết mê thì hết phàm phu. Thế nên nhìn với con mắt Phật thì không chấp cố định, chúng ta có bệnh hay cố định Phật là Phật, phàm phu là phàm phu. Đó là tôi nói theo tinh thần kinh Bát-nhã. Nếu nói xa hơn nữa thì Phật thấy ngay kẻ phàm phu có trí tuệ Phật, nên phàm phu cũng không phải phàm phu. Nếu nói rằng trong phàm phu có Phật tánh thì phàm phu đâu phải là phàm phu. Nghĩa thứ nhất là nghĩa của kinh vì những danh từ phàm, Thánh chẳng qua là những danh từ tạm chỉ lúc mê và lúc ngộ, lúc mê thì gọi là phàm phu, lúc ngộ gọi là Phật, là Thánh. Như thế phàm phu thật không cố định là phàm phu. Hiểu như thế, tất cả chúng ta không có mặc cảm gì cả. Ngày nay là phàm phu, nhưng một ngày nào đó mình không phải là phàm phu nữa.



ĐOẠN 26

ÂM:

PHÁP THÂN PHI TƯỚNG.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Như thị, như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai. Phật ngôn: Tu-bồ-đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh Vương tắc thị Như Lai. Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai. Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã,

Thị nhân hành tà đạo,

Bất năng kiến Như Lai.

DỊCH:

PHÁP THÂN CHẲNG PHẢI LÀ TƯỚNG.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa rằng: Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai.

Phật bảo: Tu-bồ-đề, nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai. Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, không nên do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai. Khi ấy Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu do sắc thấy ta,

Do âm thanh cầu ta, Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai.

GIẢNG:

Sách Ấn Độ nói: Người có đủ ba mươi hai tướng tốt, đi tu thì thành Phật, còn ở thế gian thì làm Chuyển Luân Thánh Vương. Như thế những Chuyển Luân Thánh Vương là những vị vua hiền có đủ ba mươi hai tướng tốt. Thế nên nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?

Trong đoạn này, đức Phật muốn chỉ Như Lai là pháp thân bất sanh bất diệt. Pháp thân đó không riêng đức Phật mà tất cả chúng ta đều có. Nơi đức Phật thì nói ba mươi hai tướng, nơi chúng ta thì nói chừng mấy tướng? Chẳng do một tướng hoặc hai tướng tốt hoặc không tướng tốt nào mà thấy phải không? Đức Phật sợ chúng ta lầm chấp pháp thân là tướng cho nên Ngài mới hỏi ngài Tu-bồ-đề: Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chẳng? Không biết lúc này ngài Tu-bồ-đề muốn dùng lối trả lời sai để Phật dạy cho chúng ta, hay là Ngài nhận không đúng, có lẽ Ngài nhận chưa ra là phải hơn. Tại sao tôi dám nói như thế? Bởi vì trong kinh thường nói Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, lên mỗi địa là ngộ được một phần pháp thân, còn Thanh văn thì chưa thấy được pháp thân. Đây nói về pháp thân nên ngài Tu-bồ-đề nhận lầm, Ngài nói rằng: Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai. Phật liền quở: Nếu do ba mươi hai tướng thấy Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương có ba mươi hai tướng là Như Lai rồi. Câu nói sau đây của ngài Tu-bồ-đề chứng minh được lời tôi nói ở trên. Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói. Bởi vì về pháp thân thì Ngài chưa ngộ, nên Ngài nói theo nghĩa Phật nói, chẳng nên do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai. Chúng ta thấy Ngài nói rất là dè dặt. Bây giờ đức Phật mới kết thúc lại bằng một bài kệ:

Nếu do sắc thấy ta,

Do âm thanh cầu ta,

Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai.

Do sắc thấy ta tức do ba mươi hai tướng, do âm thanh cầu ta tức là do những thứ tiếng mà cho là Như Lai. Cả hai sắc tướng và âm thanh là tướng sanh diệt, nếu dùng cái sanh diệt mà cầu Phật, đó là đạo tà, không thể thấy được pháp thân. Bài kệ này cốt nói về pháp thân phi tướng.

Hiện nay có nhiều người xuyên tạc: Không do sắc thấy ta, không do âm thanh cầu ta, ta đây là chỉ cho Phật, như vậy ở chùa thờ Phật thì có sắc, đóng chuông, đánh mõ tụng kinh ra tiếng đó là âm thanh, nếu lấy cái đó tu để cầu thành Phật là đạo tà, không thể nào thấy Phật. Đó là lối xuyên tạc, thật là đại xuyên tạc. Ở đây Phật bảo: Không do sắc thấy ta, không do âm thanh cầu ta là để nói đó là hai tướng sanh diệt, dù âm thanh không tướng nhưng cũng là sanh diệt, đem cái sanh diệt để cầu Như Lai tức pháp thân bất sanh bất diệt thì không đúng, nên nói đó là hành đạo tà, không thể thấy được pháp thân. Như thế muốn thấy pháp thân phải làm sao? Như Phật đã nói: Không do ba mươi hai tướng mà thấy Phật. Phải nhận ngay khi tắt cả tâm vọng tưởng lặng xuống rồi, lúc đó cái chân thật hiển lộ. Cái chân thật đó không phải là cái sanh diệt nên không phải là sắc tướng, là âm thanh. Nếu chạy theo sắc tướng, âm thanh là lầm. Vậy ở chùa thờ Phật, tụng kinh gõ mõ đánh chuông có tiếng, như thế có phải đạo tà không? Dùng sắc, dùng thanh để dùng cái điên đảo vọng tưởng, để lặng những tâm niệm đang chạy theo sáu trần, như thế mượn âm thanh sắc tướng để lặng vọng tưởng rồi sẽ thấy Như Lai thì có lỗi gì? Đâu phải tà. Còn những người không theo sắc tướng, nhưng không biết làm gì để Như Lai hiện thì có tà không? Hoặc là không theo sắc tướng, nhưng ngồi tưởng xuất hồn lên trời v. v... thì có tà không? Như thế là hiểu lầm, hiểu sai. Trong nhà Phật có nhiều lối tu, tôi nói để quý vị rõ. Sự truyền bá đạo Phật đã hơn hai ngàn năm, qua nhiều thời, nhiều vị đệ tử Phật có đủ khả năng, đủ sáng kiến, nên các Ngài khéo linh động lập ra nhiều pháp tu, tuy cùng một gốc. Theo danh từ nhà Phật gọi là từ thể bất biến nhưng khéo tùy duyên, tùy duyên mà thể vẫn bất biến. Nghĩa là từ chỗ chân thật Phật dạy, các Ngài khéo tùy duyên, tùy thời, tùy căn cơ mà linh động, khi dùng pháp này, khi dùng pháp kia... Như người mới vào chùa không hiểu cách tu hành làm sao nhiếp tâm, cứ buông lung cho nó chạy ngược, chạy xuôi, bảo ngồi thiền thì họ chưa thông, hoặc bảo họ chấn trâu, họ không biết làm sao chấn, thì bảo: Thôi, cứ lên chùa tụng kinh, đánh chuông gõ mõ, nhìn Phật, cốt chú ý vào kinh đừng nghĩ bậy có tội! Khi lên gõ mõ tụng kinh mà không nghĩ bậy, thì đó là một giờ hoặc nửa giờ yên được một phần vọng tưởng thì đâu phải là tà. Đó là phương tiện của kẻ sơ cơ, là phương tiện trong giai đoạn động. Những người không hiểu cứ chấp phải ngồi khơi khơi để nó không ngơ như bầu trời không mới đúng, thì đó là bệnh. Thế nên người tu phải khéo có phương tiện, với người thể nào nên dùng hình sắc độ họ, với người thể nào nên dùng âm thanh độ họ v. v... tùy phương tiện để giúp họ dùng tâm điên đảo vọng tưởng, đó là tài của người giáo hóa chớ đừng cố chấp. Nhưng đa số người học hay

cổ chấp, nghe cái nào là chấp cái ấy, như nghe nói dùng sắc tướng âm thanh cầu ta là hành đạo tà, khi thấy cái gì có sắc tướng liền bảo đó là tà, cái gì có âm thanh liền bảo đó là tà... Đó là tự mình tà chứ không phải đạo tà. Tự mình tà nghĩa là mình chưa biết tới chỗ cứu kính.

Tóm lại trong đoạn này đức Phật cốt chỉ cho chúng ta thấy pháp thân không phải là sắc tướng, không phải là âm thanh. Âm thanh và sắc tướng là sanh diệt mà pháp thân là bất sanh bất diệt, nếu kẹt vào tướng và âm thanh, cho đó là thật, đó là đạo tà. Nếu biết sắc tướng âm thanh là giả thì không phải tà. Thế nên tôi thường dặn quý vị mỗi khi lễ Phật phải nhớ mãi câu chúng ta đọc: "Năng lễ sở lễ tánh không tịch". Chúng ta là người hay lay, đức Phật là vị để mình lay, cả hai đều tự tánh là không, là lặng lẽ, nhưng duyên hợp thì giả có. Chúng ta thấy rõ như vậy, chứ không phải thấy Phật ngồi trên bàn là thật và mình đây là thật. Hiểu như vậy làm sao gọi là tà được! Chỉ tại những người không hiểu, đọc là cứ đọc thôi cho nên thành tà! Như thế nếu trì bốn câu kệ này, chúng ta có thể được công đức như Phật nói ở đoạn trước không? Nghĩa là nếu cứ thọ trì mãi bốn câu này, thì chúng ta có thể tỉnh giác không? Đừng nghĩ Như Lai là Phật Thích-ca. Phải nhớ Như Lai là pháp thân thường hằng của chúng ta. Pháp thân đó không thuộc sắc tướng thì đâu có chấp ngã, nó cũng không thuộc âm thanh thì đâu có chấp âm thanh. Tất cả âm thanh sắc tướng sanh diệt đều không chấp tức là không hành đạo tà, như thế mới thấy được pháp thân. Nếu nhớ và sống như thế thì chúng ta giác ngộ rồi. Thế nên bài kệ này rất quan trọng.



ĐOẠN 27

ÂM:

VÔ ĐOẠN, VÔ DIỆT.

Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.

DỊCH:

KHÔNG ĐOẠN, KHÔNG DIỆT.

Này Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: Như Lai chẳng do các tướng cụ túc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy, Như Lai không do tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói các pháp đoạn diệt, chớ khởi cái nghĩ này. Vì có sao? Vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với pháp không có nói tướng đoạn diệt.

GIẢNG:

Đây là đức Phật sợ khi nghe nói tất cả sắc tướng thanh âm không phải là Phật, chúng ta lại tưởng Phật là ngoài thân năm uẩn mà có. Như thế thì thân năm uẩn này không liên hệ gì với Phật cả. Thế nên đến đây đức Phật liền xác nhận: Này Tu-bồ-đề, ông chớ khởi nghĩ thế này, Như Lai chẳng do các tướng đầy đủ mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chớ khởi nghĩ như thế. Vì sao? Vì Phật thành Phật là ngay nơi thân này mà thành, chớ đâu phải ngoài thân này. Nếu chúng ta nghĩ Phật ngoài thân này thì đó là bệnh. Pháp thân lồng sẵn trong thân sắc tướng. Chữ Như Lai ở đây phải hiểu là pháp thân, pháp thân đó có sẵn trong sắc thân này. Đừng bao giờ nghĩ Như Lai chẳng do các tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chính được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là ngay nơi thân sắc tướng này. Như vậy để cho chúng ta biết không phải cầu Phật ngoài thân này mà ngay thân năm uẩn đã có pháp thân, đừng tách rời nó mà tìm Phật.

Tiếp theo, đức Phật dạy thêm: Này Tu-bồ-đề, ông nếu khởi nghĩ thế này, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói các pháp đoạn diệt. Chớ khởi nghĩ như thế. Vì có sao? Vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với pháp không nói tướng đoạn diệt. Khi nói điều này, Phật lại sợ chúng ta chấp điều kia. Đức Phật bảo: Muốn cầu thành Phật thì phải ngay nơi sắc thân này mà cầu. Nhưng lại sợ chúng ta hiểu lầm thân sắc tướng này hoại thì Phật mất sao. Tuy thân sắc tướng hoại nhưng pháp thân không mất, thế nên Phật bảo ông đừng nghĩ người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói pháp đoạn diệt. Ngay trong thân sanh diệt có pháp thân bất sanh bất diệt. Khi nghe nói ngay trong sắc thân này cầu Phật, chúng ta nghĩ khi sắc thân đoạn diệt thì Phật cũng đoạn diệt luôn... Đừng hiểu lầm như thế, vì người thành Phật không bao giờ nói các pháp đoạn diệt. Chính điểm này là điểm mà tất cả người tu Phật phải để ý. Bởi vì chúng ta thường có hai thứ bệnh, bệnh chấp thường và bệnh chấp đoạn. Chấp thường là nghĩ rằng trong thân mình có linh hồn, linh hồn đời đời không bao giờ mất. Chấp đoạn thì nói thân này chết rồi là hết, không còn gì nữa. Chúng ta phải thấy rõ thân này là tướng hư giả do tứ đại hợp. Đã là tướng hư giả thì khi tứ đại tan rã, thân này không còn. Tứ đại là vô tri, nhưng trong tứ đại hợp này có cái tri giác. Tri giác lại chia hai phần, tri giác hư

vọng sanh diệt và tri giác không hư vọng, không sanh diệt. Khi người ta chấp toàn vật chất thì đức Phật phá tứ đại là không thật. Khi người ta xem nhẹ phần vật chất, chấp nặng phần tinh thần thì đức Phật phá ngũ uẩn. Sắc uẩn là tứ đại; thọ, tưởng, hành, thức, bốn uẩn này thuộc về tinh thần. Bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức là tướng tâm sanh diệt, bốn tướng tâm sanh diệt này không phải là ngã. Như thế là để phá chấp ngã về thân, chấp ngã về tâm. Khi thân giả và tâm giả này mất rồi thì Như Lai tức pháp thân hiện tiền. Thế nên pháp thân không phải là tướng đoạn diệt. Thân hư giả và tâm hư giả mất chớ không phải pháp thân mất, như thế là thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chớ không phải tới đó là hết. Có người nói Niết-bàn là viên tịch, chỗ đó lặng lẽ, hoàn toàn không có gì cả, đó là lầm lẫn, hiểu không thấu đáo. Đúng ra khi không còn những mầm sanh diệt, đó là chân thật giải thoát, đó là Như Lai bất sanh bất diệt.



ĐOẠN 28

ÂM:

BÁT THỌ, BÁT THAM.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát dĩ mãn Hằng hà sa đẳng thế giới thất bảo trì dụng bồ thí, nhược phục hữu nhân tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ưu nhĩ. Thử Bồ-tát thắng tiền Bồ-tát sở đắc công đức. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Dĩ chư Bồ-tát bát thọ phước đức cố. Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà Bồ-tát bát thọ phước đức?

- Tu-bồ-đề! Bồ-tát sở tác phước đức bất ưng tham trước, thị cố thuyết bát thọ phước đức.

DỊCH:

KHÔNG THỌ, KHÔNG THAM TRƯỚC.

Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát dùng thất bảo đầy cả thế giới bằng số cát sông Hằng để đem bồ thí, nếu lại có người biết tất cả pháp là vô ngã được thành đức nhĩ như, thì Bồ-tát này được công đức hơn vị Bồ-tát trước, vì có sao? Này Tu-bồ-đề, do các vị Bồ-tát không thọ phước đức. Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thế nào là Bồ-tát không thọ phước đức?

- Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm phước đức mà chẳng nên tham trước, thế nên nói chẳng thọ phước đức.

GIẢNG:

Trước hết đức Phật dùng hình ảnh người đem của báu đầy cả số thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí. Quý vị thử tính xem bao nhiêu của báu? Không thể tính nổi. Của báu đầy đầy thế giới mà mỗi thế giới là một hạt cát của sông Hằng, như thế không biết bao nhiêu thế giới và cũng không biết bao nhiêu của báu. Lại có người biết tất cả pháp là vô ngã, thành được đức nhẫn nhục. Như thế là có hai đức, đức thứ nhất là trí tuệ, do trí tuệ thấy tất cả pháp không có tự thể. Vô ngã là không có tự thể, do thấy các pháp duyên hợp, không có tự thể nên thực hành hạnh nhẫn nhục được viên mãn, đó là đức thứ hai. Đức Phật bảo: Vị Bồ-tát dùng trí biết tất cả pháp vô ngã, nên thực hành được hạnh nhẫn nhục, được công đức nhiều hơn vị Bồ-tát đem của báu đầy đầy số thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí. Ngài hỏi: Vì có sao? Rồi Ngài giải thích: Bởi do các vị Bồ-tát đó không thọ phước đức. Thế nào gọi là không thọ phước đức? Bởi vì chúng ta thấy tất cả pháp vô ngã, vô ngã thì không có chủ thể, nghĩa là không có mình, dù cho làm tất cả hạnh nhẫn nhục hay tất cả công đức gì mà không thấy có mình thật thì không có thọ. Đây là đức Phật đặt trí tuệ lên hàng đầu. Công đức của chúng ta được viên mãn là từ trí tuệ không thấy có ngã, bởi không thấy ngã nên không thọ, không thọ nên phước đức mới lớn. Thế nên ở đây chủ yếu là nói không thọ, mà không thọ gốc từ trí tuệ vô ngã. Dù bố thí của báu bao nhiêu đi nữa cũng không bằng do trí tuệ Bát-nhã dẫn đầu tu được hạnh nhẫn nhục. Người như thế được công đức vô kể, vì người đó không có ngã. Như chúng ta hiện nay tu hạnh nhẫn nhục thì hạnh nhẫn nhục của mình hữu ngã hay vô ngã? Như quý Phật tử hoặc tăng ni biết đạo chút ít, đều thầm nghĩ mình là người biết đạo thì không bao giờ nên sân, không bao giờ có niệm ác với kẻ khác. Nhưng giả sử có người chạm tới quyền lợi của mình, quyền lợi nhỏ thôi, lúc đó mình nghĩ: Đây là chạm đến quyền lợi mình, nhưng là Phật tử hay là người tu thì rán nhịn. Đến quyền lợi khá khá một chút, khả dĩ còn rán được. Nhưng khi họ chạm đến quyền lợi thật to của mình, lúc đó chắc hết nhẫn nổi. Đó là chưa nói đến khi họ làm nhục, đánh đập, lúc đó mình nhẫn nổi không?

Thế nên nhẫn nhục mà còn ngã, dù ngoại tài hay nội tài, cũng khó đến ba-la-mật. Vì thế muốn nhẫn nhục ba-la-mật trước phải có trí tuệ Bát-nhã thấy rõ các pháp là vô ngã. Đã không có ta thật thì còn ai làm khổ ta, ai hại ta? ... Khi ấy mới nhìn được tất cả những điều khó nhịn. Thế nên đức Phật dạy, trước hết phải biết các pháp là vô ngã rồi mới thực hành hạnh nhẫn nhục. Đó là điều tiên quyết, vì nhẫn mà không có trí tuệ Bát-nhã thì không bao giờ viên mãn. Hiểu như thế nên khi người nhẫn được tất cả điều khó nhẫn, đến công đức người đó cũng không thọ nhận. Tại sao? Vì nhẫn nhục mà không thấy mình nhẫn nhục nên không thọ phước đức. Còn chúng ta mỗi lần nhẫn được thì khoe khắp mọi người phải không? Thành ra vì chúng ta có ngã nên làm điều gì cũng thấy có

thọ nhận cả. Trong đoạn này đức Phật đề cao công đức hay phước đức bất thọ, và phước đức bất thọ đó cũng do trí tuệ vô ngã mà ra. Thế nên khi ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Thế nào là không thọ phước đức thì đức Phật bảo: Bồ-tát làm phước đức không tham trước nên gọi là không thọ phước đức. Sở dĩ chúng ta làm mà tham trước là vì có ngã, nếu vô ngã còn tham trước cái gì? Thế nên nói rằng không tham trước là phước đức lớn nhất.



ĐOẠN 29

ÂM:

UY NGHI TỊCH TĨNH.

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Như Lai giả, vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.

DỊCH:

BỐN OAI NGHI ĐỀU TỊCH TĨNH.

Này Tu-bồ-đề, nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa của ta nói. Vì có sao? Như Lai đó không từ đâu đến cũng không đi đâu nên gọi là Như Lai.

GIẢNG:

Trong kinh Kim Cang có những chỗ định nghĩa Như Lai, như đoạn trước, tôi nhắc lại để quý vị nhớ. "Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa". Nghĩa Như của các pháp, đó là Như Lai. Ở đây nói: Như Lai giả, vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai. Như Lai là không từ đâu đến cũng không đi đâu nên gọi là Như Lai. Nói rằng: Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi đâu, đó là đứng về phương diện nào mà nói? Đến và đi là hành động, mà hành động tức là tướng động, nếu nói Như Lai là tướng động thì không phải là Như Lai. Trong đoạn trước đã định nghĩa: Như Lai là nghĩa như của các pháp, nghĩa như tức là như như bất động. Tóm lại đoạn này nói Như Lai là để chỉ cho pháp thân bất sanh bất diệt, không bao giờ dao động. Thấy được pháp thân bất động mới gọi là thấy Phật, chớ không phải thấy đức Phật có ba mươi hai tướng. Tại sao? Vì nếu thấy có ba mươi hai

tướng là Phật thì khi thân tứ đại rã Phật không còn sao? Như Lai không còn sao? Thế nên phải hiểu rõ Như Lai là chỉ cho pháp thân thanh tịnh, mà pháp thân thanh tịnh thì không đến, không đi. Vì thế trước hết đức Phật bảo: Nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, đó là không hiểu nghĩa Phật nói. Nếu thấy Như Lai đến, đi, ngồi, nằm, đó là Như Lai có hình tướng, có tác động, mà hình tướng tác động là sanh diệt. Nếu cho Như Lai là sanh diệt thì không hiểu nghĩa Phật nói. Thế nên trong đoạn này Phật chỉ rõ Như Lai là pháp thân thanh tịnh, bất sanh bất diệt, không đến, không đi, đó là để chúng ta thấy rõ Như Lai là tịch tĩnh, lặng lẽ thường hằng.



ĐOẠN 30

ÂM:

NHẤT HIỆP TƯỚNG LÝ.

Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần, ư ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tắc bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng tắc phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới tắc phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới thật hữu giả, tắc thị nhất hiệp tướng. Như Lai thuyết nhất hiệp tướng tắc phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng.

- Tu-bồ-đề! Nhất hiệp tướng giả tắc thị bất khả thuyết, đản phàm phu chi nhân tham trước kỳ sự.

DỊCH:

LÝ MỘT HỢP TƯỚNG.

Này Tu-bồ-đề, nếu người thiện nam, thiện nữ đem thế giới tam thiên đại thiên này nghiền nát thành bụi, ý ông nghĩ sao? Số bụi này thật là nhiều chăng? Ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Vì có sao? Nếu là bụi thật có đó thì Phật ắt không nói là bụi nhiều. Vì có sao? Phật nói các bụi đó tức không phải là bụi, ấy gọi là bụi. Bạch Thế Tôn, Như Lai nói thế giới tam thiên đại thiên tức không phải thế giới, ấy gọi là thế giới. Vì có sao? Nếu thế giới thật có thì ắt là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức không phải một hợp tướng ấy gọi là một hợp tướng.

Này Tu-bồ-đề, một hợp tướng đó ắt không thể nói, chỉ người phàm phu tham trước việc ấy.

GIẢNG:

Trong đoạn này đầu tiên đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Giả sử có người nam, người nữ, đem thể giới tam thiên đại thiên này nghiền nát thành bụi, số bụi đó nhiều chăng? Ngài Tu-bồ-đề trả lời là rất nhiều. Trả lời xong, Ngài không dừng nơi đó, Ngài giải thích thêm: Vì có sao? Vì bụi nếu thật có thì Phật không nói là bụi, Phật nói bụi tức không phải bụi, ấy gọi là bụi. Chỗ này nhắc chúng ta nhớ trong đoạn trước tôi đã nói quá rõ rồi. Nếu chúng ta lầm chấp các pháp có thật thể tức là thể giới là thật thể giới, hạt bụi là thật hạt bụi; lớn như thể giới, nhỏ như hạt bụi, nếu tất cả lớn nhỏ đều chấp có một thật thể thì đó là cái nhìn của phàm phu. Tại sao? Vì nếu thấy nó có thật thể tức là không phải tướng duyên hợp. Trái lại, con mắt trí tuệ Bát-nhã của Bồ-tát thấy các pháp do duyên hợp, mà đã duyên hợp thì không cái nào có thật thể. Thể giới cũng là tướng duyên hợp nên không thật, chỉ theo phàm phu giả đặt tên là thể giới. Như vậy thể giới chỉ có giả danh mà không có thật thể. To như thể giới mà chỉ có giả danh, còn nhỏ như hạt bụi thì sao? Hạt bụi tuy quá nhỏ đối với thể giới, nhưng hạt bụi cũng không phải là đơn vị cuối cùng. Nhỏ như hạt bụi cũng vẫn là một hợp thể do duyên hợp. Hạt bụi do duyên hợp nên không phải là hạt bụi, nhưng giả danh gọi là hạt bụi. Như thế để thấy rằng dù lớn, dù nhỏ đối với con mắt trí tuệ đều thấy là tướng duyên hợp, chứ không một cái gì tự có thật thể. Thường chúng ta có hai lối nhìn, hoặc cho cái nhỏ không thật mà cái lớn lại là thật, hoặc cho cái lớn là duyên hợp mà cái nhỏ là đơn vị cuối cùng. Cũng như viên đất bằng nắm tay, đập nát thành bụi, chúng ta cho viên đất là không thật, nhưng hạt bụi là thật, đó là đơn vị thật hợp thành viên đất, thể là chúng ta thấy cái lớn là giả mà cái nhỏ là thật.

Chủ yếu Phật dạy ở đây là phải nhìn cho tường tận tất cả pháp, không một pháp nào có hình tướng mà có thật thể. Như thế mới hiểu, mới thấy được lý duyên hợp. Từ thể giới đến hạt bụi đều không có thật thể, nó là một hợp tướng, nhưng hợp tướng cũng là giả danh, nên nói: Hợp tướng không phải hợp tướng, ấy gọi là hợp tướng. Cuối cùng Ngài kết lại một câu: Này Tu-bồ-đề, một hợp tướng đó ắt không thể nói, chỉ người phàm phu tham trước việc ấy. Nói là một hợp tướng thì không thể nói. Tại sao? Vì nó là hư giả, không thể nói là có, là không, nhưng người phàm phu không biết, tham trước cho là thật. Trên nhân gian này, tất cả những gì có hình, có tướng, sắc, thanh, hương v. v... quý vị kiểm lại xem có cái nào không phải là tướng duyên hợp hay không? Cái nào cũng là tướng duyên hợp, thể mà phàm phu chúng ta cho nó là thật hay giả? Nếu chúng ta nói: Chậu bông của tôi giả. Có người khác nói: Giả thì cho tôi đi! Khi đó chúng ta nói thể nào? Tuy nói giả mà ai xin thì không cho. Nói giả sợ người ta xin, thành ra thấy cái gì cũng thật nên quý, mà quý thì tham trước. Thế nên sự liên hệ là từ chỗ thấy các pháp là thật, rồi sanh ra tướng nó là quý và tâm tham trước theo đó mà sanh. Bởi chiếc xe tôi thật,

nhà của tôi thật nên tôi quý, tôi phải cố bảo vệ, tất cả sự vật đều như thế cả. Thế nên những gì mình thấy là thật, đều quý, đều tham trước. Không phải chúng ta bị quan, tạo ra một cái tướng tượng không đâu, mà đây đúng là chúng ta nhìn bằng trí tuệ, thấy được lẽ thật. Nói đến cái nhà thì biết nó là tướng duyên hợp, không có thật thể. Nếu nói cái nhà thật thì thử hỏi cái gì thật là nhà? Vách tường không phải nhà, kèo cột không phải nhà... Chẳng qua là nhiều tướng nhỏ chung hợp thành một tướng lớn, tướng lớn đó tạm đặt tên là cái nhà. Vậy cái nhà là danh từ tạm đặt để chỉ một hợp tướng, mà hợp tướng là do duyên hợp thì đâu có cái gì là chủ, nên nó không có tự thể hay không có thật thể. Đó là một lẽ thật, chúng ta nhìn đúng lẽ thật chứ không phải bị quan. Nhìn đúng lẽ thật nên không có tâm tham trước, do không tham trước nên không mắc kẹt ở thế gian. Trái lại vì nhìn không đúng lẽ thật nên khởi tâm tham trước, do đó mất một cái gì là lòng quần đau, đến khi cái ngã mất thì đau vô ngần, vì thế nên cứ quanh quẩn trong thế gian không có ngày ra.

Phật bảo một hợp tướng không thể nói là có, không thể nói là không. Quý vị phải hiểu tinh thần Đại thừa cốt chỉ thẳng lý duyên hợp, cho nên không quyết định nơi hai cái có và không. Ai thấy các pháp thế gian thật có, thật không là bệnh. Thế mà lâu nay đại đa số người học kinh Bát-nhã đều nói học Bát-nhã là chấp không. Chấp không là bệnh tối kỵ với tinh thần Bát-nhã. Thấy có, thấy không là thấy hai bên, trái với lý Bát-nhã. Bát-nhã nói các pháp duyên hợp nên không thật, vì duyên hợp nên không phải có, vì duyên hợp nên không phải không. Nói duyên hợp là giả tướng nên không phải có mà cũng không phải không. Thế gian chỉ một mặt nói có hoặc nói không, nhưng ta thấy rõ các tướng duyên hợp không phải có, không phải không nên không thể nói được, không thể nói cho họ hiểu được. Vì thế mà đức Phật bảo một hợp tướng ắt không thể nói, chỉ vì người phạm phu tham trước việc ấy.

Quý vị đã thấy rõ ý nghĩa sâu xa của kinh Đại thừa là không cho chúng ta kẹt một bên nào, hoặc có, hoặc không. Kim Cang và Bát-nhã nói các pháp do duyên hợp không có tánh thật, chứ không phải không ngơ. Như cái bàn, đối với con mắt trí tuệ Bát-nhã nó có hay không? Con mắt trí tuệ Bát-nhã thấy cái bàn không có tự thể, do duyên hợp nên chỉ có giả danh. Giả danh là tên tạm, tạm gọi là bàn, không phải không ngơ, nhưng tìm thật thể thì không có, chứ nói cái bàn không như hư không này thì đó là dốt. Nhiều người không hiểu nghe câu Thị chư pháp không tướng bất sanh bất diệt v. v... liền cho rằng Bát-nhã nói cái gì cũng không. Không đây là không có tướng thật, vì nó là duyên hợp. Cũng như tôi nói không có một nắm tay thật mà do năm ngón co lại, nhưng khi co lại thì có nắm tay không? Nói đúng theo trí tuệ Bát-nhã là nắm tay không có thật thể, chỉ giả danh tạm gọi là nắm tay, đủ duyên hợp lại tạm gọi là nắm tay. Như thế khi duyên hợp không thể nói không, khi duyên tan đâu thể nói có. Chính người không hiểu Bát-nhã mới chấp không, nói cái này có là chấp thật có, nói cái kia không là chấp thật không. Trí tuệ

Bát-nhã nhìn tường tận các pháp nên không cố định một pháp nào là thật thể, vì đó là tướng duyên hợp, đã là duyên hợp thì không phải là không hẳn. Thế nên mới dùng những chữ "như huyễn, như hóa" nghĩa là duyên hợp thì có, duyên ly tán thì không, chớ không phải không ngơ. Hiểu như thế mới không lầm ý nghĩa của lời Phật dạy trong kinh Kim Cang và Bát-nhã.



ĐOẠN 31

ÂM:

TRI KIẾN BÁT SANH.

- Tu-bồ-đề! Nhược nhân ngôn: Phật thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Thị nhân bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố, Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

- Tu-bồ-đề! Phất A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, ư nhất thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bát sanh pháp tướng. Tu-bồ-đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

DỊCH:

TRI KIẾN CHẴNG SANH.

- Nay Tu-bồ-đề, nếu có người nói Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy hiểu nghĩa của ta nói chăng?

- Bạch Thế Tôn, không hiểu vậy. Người ấy không hiểu nghĩa của Như Lai nói. Vì có sao? Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

- Nay Tu-bồ-đề, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với tất cả pháp nên như thế mà biết, như thế mà thấy, như thế mà tin hiểu, không sanh pháp tướng.

Này Tu-bồ-đề, nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.

GIẢNG:

Trong phần này, trước tiên đức Phật phá ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Nhiều người đọc tụng trong kinh, thấy đức Phật thường nói ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, do đó họ tưởng nói ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là thật, và có cái hiểu về ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thật v. v... Thế nên đức Phật bảo: Nếu cho ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến là thật, là không hiểu nghĩa Phật nói. Tại sao? Bởi vì Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức không phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Như thế, tất cả bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, dù trong kinh có nói, nhưng đức Phật nói không phải như phàm phu nói. Phàm phu nói ngã là ngã thật, nhân là nhân thật, chúng sanh là chúng sanh thật, thọ giả là thọ giả thật, tóm lại nói cái nào là thật cái ấy. Trái lại, đức Phật có khi nói ta nói, nhưng chữ ta là ngã đó không giống như phàm phu. Ngài thấy rõ ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả chỉ là tướng duyên hợp hư giả, nên ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến không phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Thấy bốn tướng đó, nhưng bốn tướng đó không phải thật, vì đó là tướng duyên hợp, vì trên giả danh người ta nói ngã, nói nhân, nói chúng sanh, thọ giả thì Phật cũng phải nói như thế cho họ hiểu. Vì thế phải thấy rõ chỗ Phật nói bốn tướng là hư giả không thật, chỉ có giả danh thôi.

Đến đây đức Phật muốn tóm kết lại cho những người tu cầu thành Phật hiểu biết đúng nghĩa Phật dạy nên Phật bảo: Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với tất cả pháp nên biết như thế, thấy như thế và tin hiểu như thế. Như thế nghĩa là thế nào? Thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới, chúng sanh không phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh, ngã kiến không phải ngã kiến, ấy gọi là ngã kiến... Phải thấy như vậy, biết như vậy và tin hiểu như vậy thì mới có thể tiến tới quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trái lại nếu thấy có cái gì là thật, cố định thì không thể tiến đến đó, vì Phật là giác ngộ, nếu còn thấy các pháp thật là si mê thì làm sao giác ngộ được? Thế nên phải thấy đúng như vậy thì mới giác ngộ. Như thế là chẳng sanh pháp tướng tức là không khởi chấp, không thấy có một pháp tướng nào thật. Vừa nói pháp tướng, Ngài lại sợ người ta cho pháp tướng là thật, nên liền bác: Này Tu-bồ-đề, nói pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.

Tóm lại tất cả danh ngôn mà đức Phật lập ra, Ngài đều bắt chúng ta phải thấy nó không có thật thể, chỉ có giả danh thôi, thấy rõ như thế mới đúng trí tuệ Bát-nhã. Nếu còn một cái gì chúng ta cho là thật, là chưa thấy đúng với tinh thần Bát-nhã. Như vậy chúng ta thấy Phật cố định là thật hay không? Thấy thế nào cho đúng với tinh thần Phật dạy?

Nếu nói chúng sanh không phải chúng sanh ấy gọi là chúng sanh, thì Phật cũng phải nói: Phật không phải Phật, ấy gọi là Phật, chớ nếu nói Phật thật thì cũng là không hiểu Phật. Hiểu như thế mới thấy khi thì Phật bác danh từ chúng sanh, khi thì Phật bác ngay cả danh từ A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Phật cũng nói không có sở đắc, sở chứng... Tóm lại, Phật chỉ cho chúng ta thấy tất cả danh ngôn Phật lập ra đều là không có thật thể, chỉ là giả danh, phải thấy hoàn toàn như thế mới là đúng trí tuệ Bát-nhã. Nhiều khi chúng ta có cái bệnh là những danh từ thế gian thì cho là giả, nhưng danh từ Phật, Bồ-đề, Giác ngộ, Như Lai ... thì cho là thật. Vì thế chúng ta phải thấy thấu đáo cả hai bên xuất thế gian và thế gian có lập ra cũng đều là giả danh.



ĐOẠN 32

ÂM:

ỨNG HÓA PHI CHÂN.

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân dĩ mãn vô lượng a-tăng-kỳ thế giới thất bảo, trì tụng bố thí; nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát bồ-đề tâm giả, trì ư thủ kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị nhân diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ. Vân hà vị nhân diễn thuyết? Bất thủ ư tướng, như như bất động. Hà dĩ cố?

Nhất thiết hữu vi pháp, Như mộng, huyễn, bào, ảnh, Như lộ diệt như điện, Ứng tác như thị quán.

Phật thuyết thị kinh dĩ, trưởng lão Tu-bồ-đề cập chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

DỊCH:

ỨNG HÓA KHÔNG PHẢI THẬT.

Này Tu-bồ-đề, nếu có người đem bảy báu bằng thế giới trải qua số kiếp vô lượng a-tăng-kỳ để bố thí. Nếu có người thiện nam, người thiện nữ phát tâm bồ-đề đem kinh này cho đến bốn câu kệ v. v... thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói thì phước của người

này còn hơn phước của người kia. Thế nào là vì người diễn nói? Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động. Vì có sao?

Tất cả pháp hữu vi,

Như mộng, huyễn, bọt, bóng,

Như sương cũng như điện,

Nên khởi quán như thế.

Phật nói kinh này rồi, trưởng lão Tu-bồ-đề và chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả thế gian trời, người, a-tu-la nghe Phật nói đều rất vui mừng, tin thọ và vâng làm.

GIẢNG:

Trong đoạn trước, đức Phật bảo: Giả sử có người đem của báu đầy cả số thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí, công đức không bằng người dùng trí biết tất cả các pháp là vô ngã và ứng dụng để tu hạnh nhẫn nhục. Ở đây đức Phật lại bảo: Đem bảy báu đầy cả thế giới trải qua thời gian vô số vô biên kiếp ra bố thí. Đoạn trước là đứng về mặt không gian mà nói (thế giới nhiều bằng cát sông Hằng), còn đoạn này là đứng về mặt thời gian là vô lượng a-tăng-kỳ. A-tăng-kỳ là vô số, nghĩa là trải qua thời gian vô lượng vô số, mà mỗi thời gian đều đem bảy báu đầy cả thế giới ra bố thí. Lại một người khác, hoặc nam, hoặc nữ phát tâm bồ-đề đem kinh này cho đến chỉ bốn câu kệ v. v... thọ trì, đọc tụng vì người diễn nói thì phước của người này hơn phước của người kia. Nghe như thế ai mà không thích. Nhưng tiếp theo đức Phật liền đặt câu hỏi: Thế nào là vì người diễn nói? Đoạn này nêu rõ ba trường hợp: Thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói, nhưng đức Phật chỉ hỏi trường hợp thứ ba thôi, tuy trường hợp thứ ba nhưng gồm cả hai trường hợp trước rồi. Ngài dạy tiếp: Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, thì thọ trì cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, đọc tụng cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, vì người diễn nói cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, đó là công đức hơn người bố thí bảy báu trải qua số kiếp vô lượng vô biên. Như thế đâu phải là đơn giản. Người nay cứ nghe nói thọ trì, đọc tụng bèn đem ra đọc mãi, cho đó là tôi thọ trì kinh Kim Cang rồi tính được một phẩm hai phẩm... (một phẩm là sáu mươi quyển), một đời tôi thọ trì được ba phẩm kinh Kim Cang và cho đó là hay. Như thế người này đã căn cứ trên chữ nghĩa để thọ trì, lại thêm tính phẩm, tính số lượng nữa thì đối với tướng là thủ tướng. Hiểu như thế mới thấy rõ lời Phật dạy chớ nhiều khi chúng ta bị lầm, chỉ nhớ mấy chữ thọ trì đọc tụng chớ không nhớ phần sau, mà chủ yếu là phần sau. Chúng ta thấy Phật thật là khéo, nếu là chúng ta, đến khi hỏi, thế nào cũng hỏi luôn cho đủ ba phần, còn Phật chỉ hỏi có phần

sau, chỉ hỏi thế nào là vì người diễn nói và dạy rằng: "Chẳng thủ tướng, như như bất động" và bỏ lửng phần thọ trì đọc tụng. Như thế để thấy rằng Ngài biết đi đến chỗ "Chẳng thủ tướng, như như bất động" rất khó, chúng sanh ít ai làm nổi. Nếu giải nghĩa trùm luôn e thấy khó không ai làm, nên Ngài chỉ nói vì người diễn nói là chẳng thủ tướng, như như bất động, mà không đề cập đến hai phần trên, nhưng vẫn thế là như thế. Người không hiểu cho rằng thọ trì đọc tụng là thường, còn vì người diễn nói mới là chẳng thủ tướng, như như bất động, thôi rán thọ trì đọc tụng để được phước. Thế nên nhiều khi chúng ta học kinh mà không nắm vững ý kinh, cứ chấp từng đoạn và lấy đó làm sở đắc, đó là điều nguy hiểm. Hiểu như thế chúng ta mới hiểu rõ tại sao đức Phật bảo công đức trì kinh Kim Cang là vô lượng vô biên, hơn tất cả công đức. Vì dùng trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp tướng không thật, do đó không chấp vào một tướng nào nên mới không thủ tướng. Không chấp tướng mà hằng sống với tâm đưa tất cả chúng sanh vào vô dư Niết-bàn, đó là như như bất động. Như thế chỗ như như bất động là cái không sanh, không diệt. Chúng ta sống được với nó, vì người diễn nói, thử hỏi công đức không hơn công đức của người đem bảy báu đầy khắp cả không gian hoặc là suốt cả thời gian mà bố thí sao? Của báu là cái hữu tướng, là vô thường, còn như như bất động là không có tướng, không vô thường nên không sanh diệt. Sống được với cái không sanh diệt, và đem cái không sanh diệt chỉ cho người nhận, thì phước đức không lớn là gì?

Đến đây đức Phật dạy thêm:

Nhất thiết hữu vi pháp,

Như mộng huyễn, bào ảnh, Như lộ diệt như điện,

Ứng tác như thị quán.

Những gì có hình tướng, có động tác bị vô thường sanh diệt đều gọi là pháp hữu vi. Có nhiều người nói: Ở chùa thờ tượng Phật, đánh chuông, đánh trống, đó là tướng hữu vi, chúng tôi không như vậy, chúng tôi chỉ thờ một tấm vải, hay chúng tôi chỉ thắp một cây hương trên bàn không, hay chúng tôi dùng tấm vải vẽ chữ Phật thôi, đó là vô vi. Tuy nhiên còn có cây hương, có tấm vải, có cái bàn cũng là hữu vi mất rồi. Thế mà người ta cứ lầm, không hiểu được ý nghĩa chính của đạo Phật. Hữu vi nghĩa là tất cả những gì có tướng mạo, có tướng mạo đều bị vô thường, sanh diệt. Như tượng Phật bằng gỗ, bằng xi măng có tướng mạo thì vô thường, tấm vải có tướng mạo thì cũng vô thường, cây nhang có tướng mạo thì cũng vô thường. Cả đến những niệm tưởng cũng là tác động sanh diệt thì cũng là hữu vi. Tất cả pháp hữu vi đều như giấc mộng, đều huyễn hóa, đều như bong bóng khi hạt mưa rơi, đều như bóng của người, của cây, của vật không thật, cũng như sương mù, điện chớp, chúng ta phải khởi quán như thế mới không thủ tướng, mới như như bất động. Nếu thấy có cái thật, tức là thủ tướng mà thủ tướng thì tâm động. Tôi nói

một ví dụ gần nhất như chúng ta mặc chiếc áo thật sạch, bất thần có người tay dính đầy lọ chụp vào vai chúng ta thì thế nào? Mình động không? Vì mình chấp cái tướng sạch nên thấy chiếc áo dơ là nổi sân liên. Thế nên thủ tướng thì động, trái lại nếu không chấp tướng thì như như bất động, rõ ràng như vậy, đó là tôi nói những việc hết sức nhỏ. Đến những việc lớn hơn như thân mạng thì động liên miên... Giả sử có người nào nghe nói ngày mai bị tử hình thì đêm nay người đó ngồi thiền yên lặng được không? Quý vị tưởng tượng xem đêm đó ngồi thiền yên lặng hay là trần trọc suốt đêm hay khóc thôi là khóc? Như thế để thấy còn chấp tướng là không bao giờ an ổn được.

Đến đây tôi kể cho quý vị câu chuyện như sau: Vua nước Kế Tân nghe lời sàm thần nói Tở Sư Tử truyền bá tà pháp làm nhiễu loạn lòng dân. Vua tay cầm kiếm đi đến chỗ Tở, hỏi: "Nghe nói Ngài thấy năm uẩn đều không phải chăng?" Tở bảo: "Phải". Vua nói: "Nếu thấy năm uẩn đều không, Ngài cho tôi cái đầu được không?" Tở bảo: "Năm uẩn đã không, sá gì cái đầu". Vua liền chặt đầu Tở.(1)

Qua câu chuyện này, vua Trần Thái Tông có lời niêm:

Tương đầu lâm bạch nhãn Du như trăm xuân phong.

Dịch: Đem đầu kẻ grooms bén Dường như chém gió xuân.

Chúng ta thấy người xưa đạt đạo đến như thế, đó là người tự tại khi sanh tử. Còn chúng ta vì thấy tất cả đều thật nên nghe động đến tứ đại này thì tâm rối loạn, không bao giờ an ổn được. Vì thế nếu không dùng trí hằng quán, hằng thấy như lời Phật dạy thì không thể nào không chấp tướng, không thể nào như như bất động được. Quý vị thấy Phật dạy có hệ thống rõ ràng, muốn được như như thì trước phải dùng chấp tướng, còn chấp tướng thì đừng nói như như. Bài kệ trên dạy ta phải dùng trí hằng thấy, hằng quán tất cả pháp hữu vi, từ thân đến cảnh, những gì có hình tướng, có tác động, đều là vô thường sanh diệt nên như huyễn, như hoá, như bào, như ảnh...

Phật nói kinh này rồi trưởng lão Tu-bồ-đề và các Tỳ-kheo v. v... đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành. Vậy quý vị có hoan hỷ, tín thọ phụng hành không? Hoan hỷ thì có thể có, còn tín thọ phụng hành thì xem ra có vẻ khó phải không?

Tôi tóm tắt lại xem bộ kinh Kim Cang dạy chúng ta những gì? Toàn bộ kinh Kim Cang chia làm ba mươi hai phần, trong ba mươi hai phần này, chủ yếu có hai điểm chánh, điểm thứ nhất là ngài Tu-bồ-đề hỏi làm sao hàng phục tâm, điểm thứ hai là hỏi làm sao an trụ tâm. Khi ngài Tu-bồ-đề hỏi hàng phục tâm, an trụ tâm là hỏi cho ai? Cho người cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có người thiện nam, thiện nữ phát tâm tu hành, cầu giác ngộ làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm? Hàng phục tâm, an trụ tâm là

hai điểm chủ yếu của bộ kinh. Đức Phật dạy như thế nào? Lý đáng thì câu hỏi đầu là an trụ tâm, câu hỏi kế là hàng phục tâm, nhưng khi trả lời, Phật dạy hàng phục tâm trước rồi an trụ tâm sau. Đức Phật dạy: Muốn hàng phục tâm thì phải phát tâm độ tất cả chúng sanh, thai sanh, thấp sanh v. v... vào Vô dư y Niết-bàn mà không có chúng sanh được diệt độ. Nói tóm lại muốn hàng phục được tâm thì phải độ tất cả những niệm tưởng về có sắc, niệm tưởng về không sắc, về có tướng, về không tướng v. v... vào chỗ vô sanh, đưa chúng vào chỗ vô sanh không còn tăm dạng. Muốn an trụ tâm phải làm sao? Đức Phật dạy: Muốn tâm an trụ thì đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tức là đối với sáu trần Bỏ-tát bỏ thí không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, tức là không để cho tâm kẹt vào sáu trần. Tâm không dính với sáu trần thì đó là trụ tâm. Như thế sáu trần là cái cớ để tâm mình động, nghĩa là mắt thấy sắc, tâm chạy theo sắc, là tâm động. Trái lại mắt thấy sắc mà tâm không chạy theo sắc, là tâm trụ, tai nghe tiếng mà tâm không chạy theo tiếng, là tâm trụ, trụ mà không trụ, trụ chỗ không trụ. Còn thấy sắc mà chạy theo sắc là không phải trụ, trụ nơi sắc tức là kẹt nơi sắc thì tâm mình động chớ không phải trụ, không trụ nơi sắc thì tâm mới thật an trụ.

Như thế muốn trụ tâm, thì đừng dính với sáu trần, muốn hàng phục tâm thì buông xả mọi vọng tưởng. Vọng tưởng hết, đó là hàng phục được tâm, không theo sáu trần, đó là an trụ tâm. Tuy nói hai mà dường như không phải hai, vì an trụ tức là hàng phục, hàng phục tức là an trụ, nhưng tại sao lại nói thành hai? Hàng phục với an trụ, quý vị thấy cái nào sâu hơn? Nếu chữ hàng phục có công năng là phải dùng sức để đàn áp thì chữ trụ là chỉ buông xả rồi thôi. Thế nên hàng phục là giai đoạn đầu, giai đoạn sơ cơ, khi tâm còn chạy theo cảnh, theo người tức là theo sáu trần một cách mạnh mẽ. Nếu mình không có phương tiện, không khéo dùng sức mạnh để trị nó thì dùng không được. Vì thế mỗi một niệm tưởng nào dấy lên thì trong giai đoạn đầu mình phải nhìn, phải phá nó bằng mọi phương tiện, hoặc biết nó là vọng rầy la nó, hoặc thấy nó giả dối buông bỏ nó, đó gọi là hàng phục. Vì lúc đó tâm còn hung hăng, cho nên phải tận dụng khả năng đập đánh nó, nó mới dừng. Còn nói đến an trụ là đối với sáu trần không dính mắc, thấy sắc mà không theo sắc, đó là lúc tâm hơi thuần rồi, nghe tiếng mà không theo tiếng, đó là thuần rồi. Thế nên giai đoạn an trụ là giai đoạn thứ hai khi nó thuần thực. Vì thế Phật trả lời từ hàng phục đến an trụ, vì giai đoạn hàng phục là giai đoạn dụng công nhiều, còn giai đoạn an trụ là thấy nghe đều buông nên nhẹ nhàng hơn. Tỉ dụ như chúng ta vừa thấy cảnh, tâm liền duyên theo cảnh tức thì mình phải nói đây là vọng, là giả dối, theo cái vọng này là sai, dụng công la rầy, quở phạt nó, đó là hàng phục, còn an trụ thì chỉ là buông xả. Thế là hai giai đoạn khác nhau rõ ràng, từ hàng phục chúng ta đi đến chỗ an trụ, một bên dụng công mạnh, một bên dụng công nhẹ, nhẹ là vì nó hơi thuần rồi. Cả hai phần này đều nhắm vào nội tâm.

Tuy nhiên nếu chỉ có hai phần trên thì quyển kinh Kim Cang chưa ứng dụng được, cần phải có phần thứ ba, tức là phải dùng trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp là tướng duyên hợp không có tự tánh, chỉ có giả danh. Bởi chỉ có giả danh nên không một pháp nào thật, do đó không chấp vào pháp và không chấp pháp thì mới có thể hàng phục, an trụ được tâm. Thế nên điều thứ ba là phải dùng trí tuệ thấy tất cả pháp không thật, chỉ có giả danh. Thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới, chúng sanh không phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh... Phật lặp đi lặp lại ý nghĩa đó để chúng ta hằng dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu tất cả pháp là hư giả, rồi sau đó mới hàng phục được tâm, mới an trụ được tâm. Như thế phần thứ ba dường như là sau mà lại ở trước. Bài kệ cuối cùng đức Phật dạy:

Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.

Phật bảo phải thấy, phải khởi quán như vậy thì mới hàng phục, mới an trụ được tâm, còn nếu không thấy như thế thì không thể nào làm được hai việc trên. Vì vậy phần này ở sau mà thành ra trước, bởi vì đức Phật phải trả lời hai câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề trước, rồi Ngài mới chỉ cách tu dùng lối quán chiếu để việc hàng phục được dễ, việc an trụ thực hiện được. Nếu thiếu phần quán chiếu không thể nào hàng phục tâm và cũng không thể nào an trụ tâm. Vì thế học Bát-nhã chúng ta phải dùng trí tuệ quán chiếu các pháp do duyên hợp, không có thật thể, chỉ có giả danh. Đó là triết lý "Tánh không duy danh", thể tánh các pháp là không thật, chỉ có giả danh, vì giả danh nên nó không phải thật có, cũng không phải thật không; không kẹt hai bên, đó là tinh thần trung đạo của đạo Phật. Trái lại nếu kẹt một bên nào hoặc có, hoặc không đều là chưa giải thoát. Như vậy Kim Cang là trung đạo, chớ không phải chấp không. Hiểu lý Kim Cang là hiểu lý trung đạo, không kẹt vào có và không. Thế nên đứng ra chúng ta tu thì trước phải dùng trí tuệ thấy các pháp tự tánh là không, duyên hợp giả có, kể đó mới hàng phục tâm rồi sau mới an trụ tâm. Thứ tự là như thế, nếu chúng ta không ứng dụng thì không thể nào có kết quả. Nhiều khi học một bộ kinh rồi muốn ứng dụng tu, ta không biết ứng dụng thế nào, không biết chỗ nào là then chốt của sự tu hành. Nay chúng ta phải thấy rõ đầu tiên là ta dùng bốn câu kệ cuối: Quán tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, như điện, hằng quán như thế là chúng ta đã có trí tuệ Bát-nhã rồi mới không chấp tướng. Không chấp tướng rồi mới hàng phục tâm, hàng phục tâm rồi mới an trụ tâm, như thế mới như như bất động và như như bất động là thọ trì kinh Kim Cang, là đọc tụng kinh Kim Cang, là diễn nói kinh Kim Cang. Được như vậy thì phước đức như thế nào? Ở đây tôi nói phước đức sau cùng phải không?

Tôi nhắc lại đứng về không gian, người đem của báu bằng tam thiên đại thiên thế giới bồ thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Đứng về thời gian, dù đem của báu bằng quả địa cầu bồ thí trong muôn ngàn kiếp cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Ngay nơi thân mạng, giả sử buổi sáng đem số thân bằng số cát sông Hằng, buổi trưa đem số thân bằng số cát sông Hằng, buổi chiều đem số thân bằng số cát sông Hằng, bồ thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Nói tóm lại là bồ thí nội tài, ngoại tài, dù bao nhiêu đi nữa cũng không bằng ứng dụng trì kinh Kim Cang. Như thế là đức Phật so sánh tất cả pháp hữu vi không bì được với pháp vô vi bất sanh bất diệt. Không thủ tướng như như bất động, đó là vô vi, còn chấp tướng là hữu vi. Do đó, quý vị thấy từ giai đoạn thứ nhất là hàng phục tâm đến giai đoạn thứ hai là an trụ tâm, giai đoạn thứ ba là quán các pháp huyễn hóa, giai đoạn thứ tư là so sánh công đức trì kinh. Giờ đây chúng ta đổi lại, đầu tiên là phải quán tất cả pháp hữu vi là hư giả huyễn hóa, kế đến mới hàng phục tâm, kế là an trụ tâm và sau hết mới nói đến công đức vô lượng vô biên, sánh với tất cả công đức hữu vi không công đức nào bì kịp. Đó là trọn vẹn tinh thần quyển kinh Kim Cang. Bốn điều này nếu quý vị nhớ ứng dụng tu được mới biết khả năng, diệu dụng, kết quả sau khi mình tu như thế nào.

Tóm lại người ứng dụng thọ trì bốn câu kinh Kim Cang là chẳng chấp tướng, như như bất động, hay vì người diễn nói cũng đều là chẳng chấp tướng, như như bất động. Đó là chỗ then chốt. Như như bất động là gì? Tức là Như Lai. Thế nên nói chư pháp như nghĩa hay Như Lai giả vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ. Như như bất động nên mới không từ đâu đến và không đi đâu, chư pháp như nghĩa, đó là như. Quý vị thấy có hệ thống rõ ràng, chúng ta tu bắt đầu từ quán chiếu các tướng duyên hợp hư huyễn chỉ có giả danh rồi dần dần hàng phục tâm, rồi an trụ được tâm, kết quả là Như Lai, không còn nghi ngờ gì cả. Như Lai tức là Phật. Bao nhiêu đó đủ tu thành Phật chứ không còn gì khác, thì chung rõ ràng như vậy. Nếu hiểu như thế thì việc ứng dụng tu có đầu đuôi, gốc ngọn; nếu biết ứng dụng để tu thì đó là xứng đáng học kinh Kim Cang, tu theo kinh Kim Cang và gọi là thọ trì đọc tụng kinh Kim Cang, chứ đừng có nhớ bốn câu kệ rồi nói bốn câu kệ để thuộc quá. Đi đâu cũng lầm nhảm nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệt như điện, ung tác như thị quán và nói tôi trì kinh Kim Cang, hoặc đi đâu cũng đọc nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai, hoặc đọc câu phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai, rồi nói đó là tôi trì kinh Kim Cang. Nếu cứ đọc như thế mãi, đó là động chứ chưa phải "Như", mà động thì chưa phải là chỗ "Như như bất động" như Phật nói ở đây. Đã thế còn tính phẩm nữa thì là thủ tướng, mà thủ tướng cũng không phải như như. Như vậy quý vị đã hiểu rõ trì kinh Kim Cang là như thế nào rồi phải không?



